

LÊ QUANG LONG (Chủ biên)

TỪ ĐIỂN TRANH về CÁC LOÀI HOA



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LÊ QUANG LONG (Chủ biên)

TỪ ĐIỂN TRANH về CÁC LOÀI HOA



LÊ QUANG LONG (Chủ biên)
HÀ THỊ LỆ ÁNH - NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

TỪ ĐIỂN TRANH về CÁC LOÀI HOA

(Tái bản lần thứ nhất)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

<http://tieulun.hopto.org>

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.



09-2008/CXB/347-2046/GD

Mã số: 8U102t8 - CPH

<http://tieulun.hopto.org>

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

*H*ưởng tới kỉ niệm 50 năm thành lập Nhà xuất bản Giáo dục và thực hiện chiến lược mở rộng, phát triển sản phẩm mới, trong những năm gần đây, bên cạnh việc xuất bản, phát hành kịp thời, đồng bộ sách giáo khoa và các loại sách tham khảo phục vụ giáo dục phổ thông, Nhà xuất bản Giáo dục còn rất chú trọng tổ chức biên soạn, xuất bản các bộ sách tham khảo lớn, có giá trị khoa học và thực tiễn cao, mang ý nghĩa chính trị, văn hoá, giáo dục sâu sắc, được trình bày và in ấn đẹp, gọi là sách tham khảo đặc biệt. Các sách này được xuất bản nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, giảng dạy của học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, giáo viên phổ thông, giảng viên đại học, cao đẳng, dạy nghề, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lí giáo dục và đông đảo bạn đọc, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, dân trí trong thời kì mới, giữ gìn, "xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" theo tinh thần nghị quyết Hội nghị Trung ương V của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, từng bước đưa giáo dục Việt Nam hoà nhập với thế giới. Đây là những cuốn sách nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hoá, giáo dục ; các chuyên khảo phản ánh kết quả nghiên cứu mới ; tuyển tập các công trình nghiên cứu tiêu biểu của các nhà khoa học, nhà giáo, đặc biệt là các nhà khoa học, nhà giáo đã được tặng Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh ; các sách về danh nhân văn hoá Việt Nam và thế giới ; những bộ tư liệu, thư tịch và những pho sử cổ có giá trị lịch sử, văn hoá cao ; các sách tra cứu và những bộ từ điển tường giải tiếng Việt, các từ điển chuyên ngành, từ điển đối dịch tiếng nước ngoài với tiếng Việt, tiếng Việt với tiếng các dân tộc anh em ; các bộ sách dịch có giá trị văn hoá, khoa học, giáo dục đặc sắc có tác dụng làm tăng trưởng nhanh chóng tri thức khoa học hiện đại, thay đổi tư duy quản lí, tư duy công việc, lối sống và cách hưởng thụ văn hoá trong xã hội kinh tế tri thức.



Tham gia biên soạn mảng sách tham khảo đặc biệt là các nhà khoa học đầu ngành thuộc các lĩnh vực khác nhau, các nhà giáo, nhà quản lý giáo dục, có uy tín đối với độc giả trong và ngoài nước.

Cuốn “Từ điển tranh về các loài hoa” cùng với “Từ điển tranh về các con vật”, “Từ điển tranh về các loài cây” đã xuất bản của nhóm tác giả Lê Quang Long, Nguyễn Thị Thanh Huyền... là một bộ sách được chọn vào mảng sách tham khảo đặc biệt này.

Từ điển tranh về các loài hoa đề cập đến gần 500 loài hoa, bao gồm các loài phổ biến ở Việt Nam, loài đặc biệt trên thế giới, có sắc, có hương, có công dụng và có ý nghĩa văn hoá với con người... Ngoài ra, sách còn đề cập đến một số loài hoa của những cây rau, quả, củ dùng làm thức ăn, làm thuốc,... của nhân dân ta, nhằm thể hiện tính đa dạng của thế giới các loài hoa.

Hầu hết các loài hoa đều được mô tả ngắn gọn về màu sắc, đặc điểm hình dạng, cấu tạo của hoa ; nêu vòng đời, mùa ra hoa, nơi phân bố, nguồn gốc; nêu giá trị vật chất, ý nghĩa văn hoá dân gian của từng loài.

Với nội dung khoa học (dù chỉ ở dạng tài liệu phổ biến kiến thức cho đối tượng đại chúng), với hình thức trình bày đẹp, hấp dẫn, hi vọng cuốn sách sẽ là một tài liệu quý giúp bạn đọc, đặc biệt là học sinh phổ thông, có thêm những kiến thức sâu rộng về thế giới thực vật nói chung và kiến thức văn hoá về riêng từng loài hoa.

Trong quá trình biên soạn, các tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu quý giá, các công trình chuyên khảo có giá trị lớn của Đỗ Tất Lợi, Phạm Hoàng Hộ, Lê Khả Kế, Võ Văn Chi...; đã sưu tầm tranh, ảnh ở một số tài liệu trong và ngoài nước ; đã sử dụng một số ảnh của Nguyễn Thanh Tùng ; Phó Giáo sư Hoàng Thị Sán cũng đã đọc và đóng góp cho bản thảo những ý kiến quý báu ; chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến của bạn đọc để cuốn sách hoàn chỉnh hơn ở những lần in sau.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

<http://tieulun.hopto.org>

A-GA-BĂNG

Agapanthus umbella L' Her ; *A. campanulatus*
Agapanthus, hen alliaceae
Agapanthe bleu, A. en ombelle
 Họ Hành (Alliaceae)

Còn gọi là *thanh anh* ; cuống hoa cứng và dài từ 0,7 - 1m, trên ngọn có một chùm hoa (tán, kếp), gồm 50 - 100 hoa màu xanh lơ, có vằn xanh đậm, hoặc trắng, tía, tùy giống ; mùi thơm nhẹ. A-ga-băng thường trồng trong chậu qua nhiều năm, cứ sau 1 - 2 năm lại thay chậu một lần. Trồng ngoài trời vào các tháng 4 - 5. Nở hoa ở tuổi 1 - 2, từ cuối xuân đến đầu hạ (tháng 6 - 7) có khi đến cả đầu thu (cuối tháng 9). Khi trời trở rét, lá bắt đầu ủa vàng, cần đưa vào chỗ kín gió và ấm (trong nhà kính) để qua đông. Cây gốc châu Phi, nhân giống bằng cách giâm các mẫu thân hành có mắt trong chậu. Được trồng làm cảnh.



ÁC-TI-SÔ

Cynura scolymus L.

Artichoke

Artichaut

Họ Cúc (Asteraceae)

Có một cuống dài mang cụm hoa trên một đế nạc gồm nhiều lá bắc màu lục nhạt, mỏng nước. Cụm hoa gồm nhiều hoa hình ống màu lam tím, khi chín sẽ nở tung thành một khối xốp hình hoa thị trên đỉnh. Quả bế nhẵn với các tơ trắng dài. Hoa nở quanh năm ở 20 - 25°C. Gốc Địa Trung Hải, trồng nhiều ở châu Âu, Ấn Độ, An-giê-ri....



Được người Pháp di thực vào Việt Nam đã một thế kỉ, nay trồng nhiều ở Lâm Đồng, Sa Pa, Tam Đảo, Hải Hưng, Nghệ An. Hoa và búp được hái làm rau tươi, nấu canh hầm với thịt, gan, ăn rất bổ. Hoa chứa 3% đạm, 10 - 16% đường đơn, dùng rất tốt cho bệnh nhân tiểu đường; giúp tiêu hoá tốt, giảm cholesterol trong máu, bảo vệ gan, thận...

ANH ĐÀO

Cerasus vulgaris L. ; *Prunus cerasus* L. ; *P. cerasoides* D. Don.

Cherry

Cerisier

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Hoa trắng hoặc hồng có 5 cánh ; nhị nhiều, là bội số của 5; quả hình cầu, màu đỏ. Tuy nhiên, nhờ biện pháp lai giống, người ta có thể tạo ra nhiều chủng hoa anh đào chỉ cho hoa mà không tạo quả, đặc biệt là chủng anh đào được trồng phổ biến ở Nhật Bản. Những cây này rất sai hoa và hoa có cánh kép chứ không chỉ có 5 cánh so với giống nguyên thủy. Ra hoa chủ yếu vào mùa xuân (tháng 4 - 5 ở vùng ôn đới), kết quả vào đầu mùa hạ. Ra hoa kết quả từ năm thứ 3,



đạt năng suất cao nhất từ năm thứ 5 và có thể sống tới khoảng 30 - 40 năm. Năng suất quả cho 30 - 50kg/ha tùy giống và tuổi. Sống ở Bắc bán cầu, phổ biến nhất ở Nhật ; ngại đất đầm lầy hoặc đất sét ; nhân giống chủ yếu bằng ghép ; cây trồng cách nhau khoảng 2 - 5m.

Anh đào được nhập trồng ở Đà Lạt. Hoa anh đào được xem là biểu tượng của xứ Phù Tang (Nhật). Còn theo ngôn ngữ nhà Phật thì hoa anh đào là biểu tượng của sự vô thường.

ANH THẢO

Cyclamen persicum

Cyclamen of Persia, florist's cyclamen

Cyclamen de Perse

Họ Trân châu (Primulaceae)

Còn gọi là *tiên hồng Ba Tư*, *cây hoa lật*. Lá hình tim, màu lục thẫm, có ánh bạc ở giữa. Hoa màu hồng, đỏ, hồng-cam, tím, trắng... tuy giống. Cánh hoa trơn láng. Hoa mọc trên những cuống dài màu hồng nhạt, cánh hoa trông gần như bẻ gập xuống sát với cuống hoa.

Mùa ra hoa : mùa thu, mùa đông và đầu xuân. Hoa sống tới 4 - 6 tuần ở những nơi mát và kín gió. Cây trồng bằng hạt hoặc trồng thẳng bằng củ hành, lấp đất phủ một nửa củ.

Gốc ở Trung Đông và Địa Trung Hải. Cây ưa nắng dịu và bóng râm; đất ẩm vừa, không giữ nước, nhiều mùn, trung tính hoặc hơi chua; cần thường xuyên ngắt bỏ lá úa và hoa tàn.



Trồng làm cảnh trong chậu, trong phòng ẩm, ngoài vườn, công viên... hoặc hoa cắm trong lọ cũng tươi được lâu. Củ anh thảo có thể dùng xay bột làm bánh hoặc nuôi gia súc. Người ta quan niệm rằng hoa anh thảo mang ý nghĩa "nhút nhát, thiếu tự tin" vì nó chưa bao giờ hướng về phía Mặt Trời. Người xưa thì cho rằng trồng loài hoa này quanh nhà để tránh những điềm gở.

ANH TÚC HỒNG

*Papaver somniferum L. ; P. rhoeas**Poppy, corn - poppy**Pavot rouge**Họ A phiến (Papaveraceae)*

Còn gọi là a phiến, thuốc phiện hoa đỏ, mĩ nhân, lệ xuân. Cây thảo có hoa đơn hoặc kép, mọc khoẻ. Hoa to, có nhiều màu, đồng màu hoặc loang lổ. Các màu thường là trắng, tía, nhiều nhất là màu đỏ rực. Anh túc nở hoa sớm hoặc muộn tùy thời gian gieo hạt từ tháng 5 đến tháng 7.



Cây mọc tốt trên mọi loại đất ; không cần chăm sóc nhiều. Nhân giống bằng gieo hạt hoặc chiết, ghép. Trồng làm cảnh và dùng để chiết xuất ra một chất có khả năng an thần. Tính chất gây ngủ của hoa anh túc là lí do chính giải thích vì sao người ta gán cho hoa anh túc biểu tượng của "sự lãng quên".



ANH TÚC PHƯƠNG ĐÔNG*Papaver orientalis L.**Poppy of the Orient**Pavot d'Orient, pavot vivace**Họ A phiến (Papaveraceae)*

Hoa màu đỏ da cam, vàng rực rỡ hoặc trắng muốt, tùy giống. Ra hoa tháng 4 - 6. Thích đất nường rầy trên núi. Nhựa cây trích từ quả dùng làm thuốc phiện, hoa làm cảnh.

ÁNH HỒNG

Pachyptera hymenaea (DC.) A. Gentry

Garlic vine

Bignone

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây leo có hoa mọc thành chùm to gồm nhiều hoa; hoa to hình ống dài, chia thành 2 môi xếp sát nhau; môi trên có 2 thùy, môi dưới có 3 thùy, các thùy gần như bằng nhau; nhị 4; mỗi nhánh mang 3 hoa màu tím hồng nhạt khác nhau.



Hoa mềm và dễ rụng. Mùa hoa ngắn; nở rộ vào đầu mùa đông hay giữa mùa hè. Gốc từ Mê-hi-cô, được trồng phổ biến ở các tỉnh miền Nam nước ta. Thường trồng làm hàng rào hoặc uốn thành giàn leo trang trí ở cổng biệt thự.



BẠCH CHÌ

Angelica dahurica Benth.et Hook.

Angelica

Angélique, A. officinale

Họ Hoa tán (*Umbelliferae*)

Hoa mọc thành cụm hình tán, gồm nhiều hoa đẹp, thơm, màu trắng. Gốc châu Á; tại Việt Nam trồng tốt ở cả đồng bằng và miền núi.



BẠCH ĐÀN NHỰA HOA ĐỎ

Eucalyptus leucoxylon var. *macrocarpa* ; *E. robusta*

Red- flowered yellow gum

Eucalyptus à fleurs rouges

Họ Sim (Myrtaceae)



Cây lấy gỗ. Hoa lưỡng tính, màu đỏ sẫm, gồm 4 - 8 hoa, hợp thành tán ở nách lá, ngọn cây, với cuống dẹt và mập. Ra hoa vào tháng 8. Gốc từ châu Úc, nhập vào châu Á và châu Âu khoảng năm 1996.

BẠCH HOA XÀ*Plumbago zeylanica* L.*Ceylon leadwort, white leadwort**Dentelaire de Ceylan**Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)*

Còn gọi là *đuôi công trắng, bướm bướm trắng, bạch tuyết hoa*. Hoa màu trắng, hợp thành bông dày đặc ở ngọn. Đài hình trụ có cạnh rõ, phủ đầy lông ở mặt ngoài, phía trên xẻ 5 răng nhọn, ngắn. Tràng màu trắng, hình ống hẹp, có 5 thùy. Quả ít gặp. Ra hoa tháng 5 - 6. Trồng làm cảnh hoặc trồng trong các vườn thuốc.

BẠCH HUỆ*Lilium lancifolium ; L. tigrinum Ker.**White lily**Lis blanc**Họ Huệ tây (Liliaceae)*

Còn gọi là *hoa li*. Củ tròn hơi bẹp. Phiến lá thon dài và hẹp dần ở đỉnh thành chóp nhọn. Cụm hoa cao 60 - 150cm, mang nhiều hoa to (có khi hơn 10 hoa) ; có nhiều chủng hoa màu sắc khác nhau : bạch huệ vàng, bạch huệ đỏ ; phiến hoa dài 7 - 10cm, có đốm tía. Hoa được ưa chuộng do nở bền, màu đẹp.



BẠCH PHIẾN

Anthurium andreanum Lindl. var. *roseum*. Hort.

Andrea anthurium

Anthurium de Ed. André

Họ Ráy (Araceae)

Còn gọi là *buồm đỏ, ráy cảnh*. Cụm hoa mọc đứng thành buồng trên một cuống chung. Mo dạng bầu dục, gốc hình tim, rộng ; mặt trong màu hồng, mặt ngoài hồng tím. Tất cả đều là hoa lưỡng tính. Quả mọng. Cây có nguồn gốc từ Cô-lôm-bi-a ; hiện nay các nhà làm vườn đã tạo ra được nhiều chủng cây có mo đẹp, mọc khỏe và tươi quanh năm.



BAN

Bauhinia variegata L.
Bauhinia
Bauhinie
Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Còn gọi là *cây móng bò*. Cụm hoa rất ngắn. Hoa to màu hồng hay trắng, có vân tía. Đài gồm 5 lá dính nhau, tạo thành một cái mỏ có 5 răng, về sau bị chẻ ở bên và mọc lệch về một bên. Tròng 5, nhị 5. Ra hoa giữa đông xuân. Mọc phổ biến ở miền núi, nhất là vùng núi Tây Bắc, Việt Nam. Về mùa xuân, hoa ban nở trắng rừng, tạo một vẻ đẹp đặc trưng cho vùng Tây Bắc.



BAN ĐỎ

Bauhinia galpinii Juss.

Red - flowered bauhinia

Bauhinie à fleurs rouges

Họ Vang (Caesalpiniaceae)



Còn gọi là *móng bò hoa đỏ*. Ra hoa vào mùa xuân. Hoa to, cấu tạo giống các loài hoa ban thông thường nhưng cánh màu đỏ tươi. Có nguồn gốc ở Nam Phi. Được trồng để lấy bóng mát và làm cảnh.

BAN HỒNG

Bauhinia pierrei Gagnep.

Pink - flowered bauhinia

Bauhinie à fleurs roses

Họ Vang (Caesalpiniaceae)



Hoa màu hồng nên còn gọi là *móng bò hoa hồng*. Đài hình ống, tràng 5, có răng ở mép. 3 nhị thò ra ngoài hoa. Ra hoa vào mùa đông, kết quả vào mùa xuân. Thường gặp ở các vùng núi đá vôi miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Việt Nam. Trồng làm cảnh ở công viên.

BAN TÍA

Bauhinia purpurea L. ; *B. Kerrii* Gagnep.

Purple - flowered bauhinia

Bauhinie à fleurs pourpres

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Còn gọi là móng bò hoa tía, móng bò leo, cây bướm bướm. Dây leo to, cành có lông màu hung hoặc màu tím, hoa đỏ tía. Hoa mọc thành ngù ở nách lá, tràng hoa gồm 5 cánh trắng, có gân từ hồng đến tía, có móng dài bằng nửa cánh hoa. Vì 2 lá chét úp vào nhau, có 2 tua cuốn, giống con bướm có râu đang đậu gấp cánh lại nên mới có tên là cây bướm bướm. Ra hoa vào tháng 3 - 5, có thể kéo dài suốt mùa xuân và mùa hạ. Thường mọc hoang ở vùng núi đá vôi miền Tây Bắc Việt Nam. Có thể trồng làm cảnh ở công viên.



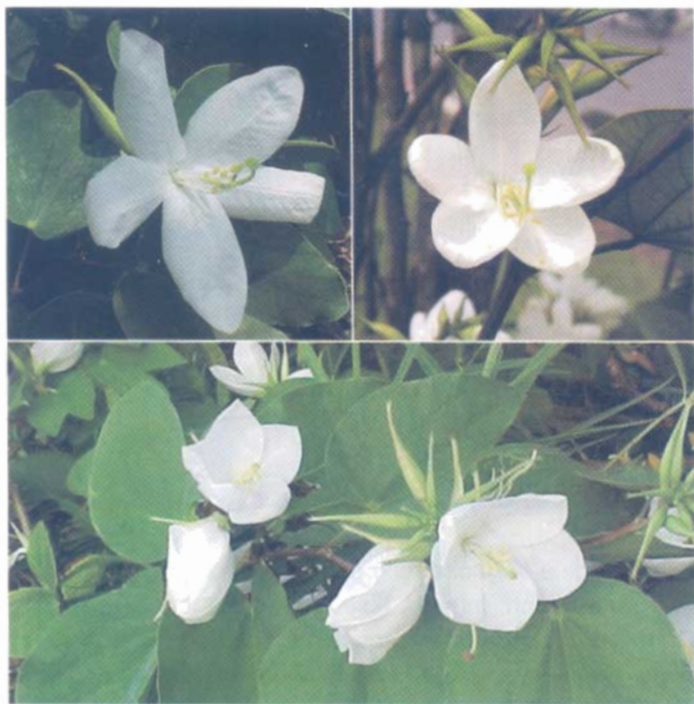
BAN TRẮNG

Bauhinia alba Ham.

White - flowered bauhinia

Bauhinie à fleurs blanches

Họ Vang (Caesalpiniaceae)



Hoa to, trắng nên còn gọi là *móng bò hoa trắng*, đài hình ống, tràng 5 cánh gần bằng nhau. Cây nhỏ, cành mềm, lá gồm 2 lá chét dính nhau như móng chân trâu, bò. Hoa nở tháng 8 - 9. Kết quả vào đầu xuân. Mọc dại trong rừng, thường gặp ở Lào Cai, Hà Tây, Hoà Bình, Bắc Trung Bộ. Trồng làm cảnh ở công viên.

BÁN TỰ CẢNH

Hemigraphis alternata (Burm.) T. Anders ;
H. colorata (BL.) Hall.f. *Ruellia alternata* Burm.f
Spotted begonia
Hémigraphis tacheté
 Họ Ô rô (Acanthaceae)



Còn gọi là *thu hải đường gấm*. Cây thân cỏ mọc bò dài. Phân cành, nhánh nhiều và nhánh non có lông. Cụm hoa ở đầu cành hay mọc từ nách các lá phía đỉnh, dạng bông dày. Gốc hoa có lá bắc lớn, xếp lợp che các hoa lúc non. Cánh hoa hợp thành ống, phía trên chia 2 thùy nông; đài hợp thành ống xẻ 5 răng, màu đỏ - cam ; hoa từ vàng đến trắng. Quả nang. Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Hiện được trồng làm cảnh trong các chậu hay bồn hoa ở Việt Nam. Cây mọc khỏe, giâm cành hay cho các đoạn thân tiếp xúc với đất để ra rễ rồi cắt đem trồng.

BÁO XUÂN

Primula chapaensis Gagnep.*Primrose, cowslip**Primevère, coucou**Họ Trân châu (Primulaceae)*

Cây thảo, có thân rễ, lá to hình tim. Cụm hoa có cuống hoa vượt quá các lá, mang 10 - 30 hoa, mọc thành tán. Hoa có nhiều màu đẹp: đỏ, vàng, tím hoa sim, tùy giống. Gieo hạt vào tháng 5 - 6 ; trồng trong vườn ươm rồi đem trồng trên đất ngoài trời vào tháng 10 - 11. Hoa nở rộ vào đầu xuân như để báo mùa xuân đã về. Cây đồng nội và rừng thưa ; nhân giống bằng gieo hạt trong bóng râm, trên đất xốp, nhẹ ; khoảng 4 - 5 tháng sau mới đem trồng ngoài trời. Trồng làm cảnh.



BÀNG LĂNG NHIỀU HOA

Lagerstroemia floribunda

Multiflorous lagerstroemia

Lagerstroemia à fleurs multiples

Họ Bằng lăng (Lythraceae)



Chùm hoa tụ tán ở ngọn
cành với rất nhiều hoa
màu trắng và tím pha trộn
lẫn nhau.



BẰNG LĂNG NƯỚC

Lagerstroemia speciosa Pers.

Lagerstroemia

Lagerstroemia

Họ Bằng lăng (Lythraceae)

Còn có tên gọi là tử vi, cây gỗ lớn, lá to. Cụm hoa hình chùy mọc ở đầu cành. Hoa đều, lưỡng tính, màu tím hồng, cánh hoa nhẵn. Ra hoa vào đầu mùa hạ, khoảng tháng 5 - 6. Được trồng làm cảnh hoặc trồng ở các đường phố lấy bóng mát.



BẦU

Lagenaria vulgaris (Molina) Standl ; L. siceraria Standl.

Gourd, calabash

Courge

Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)



Cây leo, có tua cuốn phân nhánh. Lá mềm, rộng. Quả hình nậm rượu (bầu nậm) hoặc dài (bầu sao) màu lục nhạt. Hoa đơn tính, màu trắng. Hoa đực mọc đơn độc, có 5 cánh rời, nhị 3. Hoa cái cũng có 5 cánh, vòi nhụy ngắn. Ra hoa vào mùa đông, mùa xuân (nếu trồng đúng thời vụ giữa tháng 10). Trồng khắp các vùng nông thôn Việt Nam, ưa đất cao ráo. Trồng làm rau ăn.

BÈO NHẬT BẢN

Eichhornia crassipes (Mart.) Solms.

Water hyacinth

Jacinthe d'eau

Họ Lục bình (Pontederiaceae)

Còn gọi là *bèo tây* hay *lục bình*. Cây thủy sinh nổi. Hoa mọc thành chùm đứng, màu tím nhạt, hoặc xanh tím, phía trên cánh hoa ở giữa có đốm vàng, xung quanh viền tím. Ra hoa gần như quanh năm nhưng nở rộ vào cuối đông, đầu xuân. Mọc hầu hết ở vùng sông nước Nam Bộ.



Có một loài hoa mang sắc tím

Thân benth bồng theo con nước đầy vơi.

(Vũ Quyên)



BÍ ĐÀO

Benincasa cerifera Savi.

Vax - gourd

Courgette poudrée

Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)

Còn gọi là *bí xanh*, *bí phần*. Cây leo có hoa to đơn tính cùng gốc, màu vàng. Hoa mọc đơn độc ở nách lá, 5 cánh ; nhị 3 rời (có 5 nhị trong đó 4 nhị dính nhau thành từng đôi). Hoa cái có đài, tràng giống hoa đực, nhị 3 lép, bầu hình trụ, phủ lông dày.



BÍ NGÔ

Cucurbita maxima Duch ; *C. pepo* L.

Red pumpkin

Potiron

Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)

Còn gọi là *bí đỏ*, *bí sập*. Cây thân bò. Hoa đơn tính, màu vàng, tràng hoa lớn, cánh rời đến 1/2 chiều dài. Hoa đực và hoa cái đều có 5 cánh, màu vàng. Hoa cái có bầu hình cầu.



BIỂN HOA SÔNG HỒNG

Asystasia gangetica (L.) T. Anders.

Asystasia

Asystasia

Họ Ô rô (*Acanthaceae*)



Cây nhỏ. Lá có cuống, phiến lá hình xoan nhọn, mặt dưới phủ lông rải rác. Hoa xếp thành chùm ở nách lá hay ở ngọn, màu xanh lam pha tím hoa cà, trông rất đẹp. Ra hoa vào mùa hè. Cây mọc nhiều ở Ấn Độ, Thái Lan và một số nước khác. Ở nước ta có ở Huế, Nha Trang, Đồng Nai ... Vì có hoa đẹp nên được trồng làm cảnh.

BÌM BÌM*Ipomoea pulchella* Roth.*Morning-glory, bindweed**Liseron**Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)*

Cây leo, thân thảo, lá kép hình chân vịt có 5 lá chét. Hoa mọc thành chùm 3 - 5 hoa ở nách lá. Hoa to, hình phễu phía trên xẻ 5 thùy nông, màu hồng tím hay lam nhạt. Hoa nở vào sáng sớm đến chiều đã tàn. Ra hoa vào tháng 5 - 6.

BÌM BÌM BIẾC*Ipomoea hederacea Jacq.**Indigo bindweed**Liseron indigo**Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)*

Còn gọi là *hắc sủu, khiên ngư, bạch sủu*. Cây leo bằng thân quấn. Cụm hoa ở kẽ lá, gồm 1 - 2 hoa. Hoa to, màu xanh tím, họng màu nhạt hơn. Tràng hình ống, loe rộng thành hình phễu. Quả nang hình cầu, bọc trong các lá đài. Ra hoa vào mùa hạ, có quả vào tháng 7 - 10. Thường mọc hoang hay được trồng làm giàn cảnh.



BÓNG NƯỚC

Impatiens balsamina L., *Balsamina hortensis* DC.

Snapweed, impatiens, water-polo, balsam

Impatiente, impatiens

Họ Bóng nước (Balsaminaceae)

Còn gọi là *cây móng tay*. Mọc từ 1 đến 4 hoa ở nách lá. Hoa to có nhiều màu : trắng, đỏ, hồng, tím,... Quả nang có lông, không khô ; khi đập mạnh vào thì bắn tung hạt ra. Hạt màu nâu gần tròn. Ra hoa vào tháng 4 - 5. Được trồng làm cảnh vì cho hoa đẹp. Còn dùng làm thuốc chữa bệnh như phong thấp, đình nhọt...



BỒ CÔNG ANH HOA TÍM

Cichorium intybus L.

Violet-flowered dandelion

Pissenlit à fleurs violettes

Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là *cải ô rô*, *diếp xoắn*. Cụm hoa hình đầu chỉ gồm những hoa hình lưỡi, màu lam hay trắng, hồng. Ra hoa vào tháng 7 - 9. Ưa khí hậu ẩm mát, có thể trồng làm cảnh và làm thuốc. Hoa dùng hầm nước uống bổ phổi...



BỔ CÔNG ANH TRUNG QUỐC

Taraxacum officinale Wigg. ; *T. densleonis* Desf.

Dandelion, wild salad

Pissenlit, dent-de-lion

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây thảo có gốc sống dai. Lá mọc từ rễ, thuôn dài có khía răng khá sâu nên người ta liên tưởng đến hàm răng của sư tử (vì thế mà tên tiếng Pháp của nó là *dent de lion* nghĩa là *răng sư tử*). Cụm hoa hình đầu, màu vàng mọc đơn độc trên ngọn một cuống dài, rỗng, từ rễ mọc lên. Bên ngoài là hoa hình lưỡi, bên trong là các hoa nhỏ hơn. Ra hoa từ tháng 3 - 10. Có thể trồng làm cảnh. Hoa bồ công anh thường được các bạn trẻ dùng trong trò chơi đếm cánh hoa để tiên đoán về tình yêu vì nó mang ý nghĩa là *lời tiên tri*. Ngày xưa, những người chăn cừu còn xem bồ công anh như một chiếc đồng hồ vì hoa nở và tàn vào giờ giấc nhất định.



BÔNG

Gossypium arboreum, L.

Cotton-tree

Cotonnier

Họ Bông (Malvaceae)

Cây nhỡ. Hoa to có 5 cánh, màu vàng hoặc trắng hồng. Quả nang nở thành 3 - 5 múi bông, mỗi múi có 3 - 10 hạt được xơ bông bao bọc. Gốc Ấn Độ. Trên thế giới có khoảng 35 loài bông.



BÔNG TAI*Asclepias curassavica* L.*Asclepias**Asclepias**Họ Thiên lí (Asclepiadaceae)*

Cây bụi cao khoảng 1m. Hoa mọc ở ngọn, có hai màu : vàng hay vàng cam ở giữa (tràng phụ) và đỏ nâu ở xung quanh (tràng), trông giống hình hoa đeo tai nên có tên là *bông tai*. Cây trồng làm cảnh.



BÔNG VÀNG

Allamanda cathartica L.
Yellow-flowered laurel
Laurier à fleurs jaunes
Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Còn gọi là *dây huỳnh, huỳnh anh*. Cụm hoa to màu vàng tươi mọc ở gần ngọn, hoa có 5 cánh, ống hoa ngắn, loe hình chuông. Ra hoa vào tháng 9 - 10. Cây có nguồn gốc từ đảo Guy-a-na. Được trồng ở nhiều nơi để làm cảnh.



BÔNG VÀNG LÁ HẸP

Allamanda neririfolia Hook.

Velvet-leaved laurel

Laurier à feuilles effilées

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Còn gọi là *dây huỳnh lông*, *huỳnh anh lá hẹp*. Cây nhỏ, nhiều cành nhánh, có nhựa mủ trắng. Hoa mọc thành cụm 5 - 10 hoa ở đầu cành, màu vàng cam, có vạch màu đỏ son. Cấu tạo hoa giống bông vàng nhưng nhỏ hơn. Có nguồn gốc ở Bra-xin, được nhập trồng làm cảnh ở một số tỉnh miền Nam Việt Nam.



BUỔI

Citrus grandis (L.) Osk.

Shaddock, pomelmoose, pomelo

Pamplemoussier

Họ Cam (Rutaceae)

Hoa màu trắng có 4 - 5 cánh lớn, nhiều nhị màu trắng, giữa có nhụy màu vàng, đầu vòi nhụy có chất dính để hạt phấn bám vào, hương hoa về đêm rất thơm. Người ta thường dùng hoa bưởi phơi khô để ướp chè, ướp bột sắn tạo ra hương vị thơm đặc trưng.



BUỐM BẠC

Mussaenda dehiscens Craib.

Dehiscent mussaenda

Mussaenda déhiscent

Họ Cà phê (Rubiaceae)



Cây bụi, có hoa tập trung thành xim dạng ngù ở đầu cành, chia nhánh 2 - 3 lần, cuống chung có lông, các nhánh cuối mang 3 - 10 hoa, xếp hình xim. Hoa màu vàng hay trắng nhạt. Đặc biệt có 5 lá đài, trong đó một lá đài phát triển, có dạng cánh, màu trắng, trông xa giống như cánh bướm. Cây mọc hoang và được trồng làm cảnh.

BUỒM BẠC PHI-LÍP-PIN

Mussaenda philipica A. c. Rich. var. *aurorae* Hort.

Silvery butterfly-plant

Plante- papillon d'argent

Họ Cà phê (Rubiaceae)



Cây gỗ nhỏ có hoa mọc thành cụm ở đầu cành. Hoa có hình dạng đặc biệt với 5 lá đài dạng cánh, to, màu trắng, đẹp khiến nhiều người tưởng nhầm là hoa ; tràng hoa màu vàng làm thành ống hẹp ở đáy. Có hoa gần như quanh năm. Cây có nguồn gốc ở Phi-líp-pin. Được trồng để làm cảnh.



BUỐM BẠC LÁ ĐÀI ĐỎ

Mussaenda spp.

Red butterfly-plant

Plante- papillon rouge

Họ Cà phê (*Rubiaceae*)

Cây bụi giống bướm bạc, riêng hoa có 5 lá đài dạng cánh màu đỏ.



BƯỚM HỒNG

Mussaenda erythrophylla Schum. & Thonn.

Rosy butterfly-plant

Plante-papillon rose

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Hoa mọc thành cụm ở đầu cành, nhiều hoa. Lá dài hợp thành ống ngắn ở gốc, xẻ 5 phiến nhưng chỉ có một phiến phát triển to hơn, màu đỏ tươi hoặc hồng đậm; tròng có lông màu đỏ, hơi vàng ở gốc. Hoa nở quanh năm. Quả hình trứng có lông đỏ. Cây có nguồn gốc ở Tây Phi. Có thể trồng bằng hạt hoặc bằng giâm cành. Thường được trồng làm cảnh.



Solanum melongena L., var. *logum*
Nightshade morel, edible morel
Morelle comestible
 Họ Cà (Solanaceae)



Hoa có màu tím đặc trưng, đó là "màu tím hoa cà". Hoa tập hợp thành xim ở nách lá. Đài hình phễu, chia 5 - 6 thùy, có khi chia nhiều thùy hơn. Tròng lớn, màu tím - xanh nhạt, chia 5 - 6 thùy. Số nhị bằng số thùy của tròng. Chỉ nhị ngắn, bao phấn màu vàng tươi. Bầu hình cầu hoặc cầu dẹt, có 2 - 6 ô. Thường ra hoa vào mùa xuân.

CÀ CHUA

Lycopersicum esculentum Mill

Tomato, apple-tree of love

Tomate

Họ Cà (Solanaceae)

Hoa màu vàng, mọc thành cụm hình xim ở nách lá. Cuống hoa phủ lông cứng. Đài có 3 - 6 thùy hình mũi mác hẹp còn lại ở quả. Tròng màu vàng, mặt ngoài phủ lông. Nhị 5 - 6, bao phấn dính thành một ống bao quanh nhụy, thuôn dần ở đỉnh. Bầu có 3 hoặc nhiều ô, mỗi ô chứa nhiều noãn. Ra hoa quanh năm nhưng nhiều nhất về mùa đông và mùa xuân.



CÀ ĐỘC DƯỢC

Datura metel L. ; *D. lastuosa* L.

Datura, thorn-apple

Datura

Họ Cà (Solanaceae)

Hoa mọc đứng đơn độc ở nách lá, to, trắng, đôi khi màu phớt tím đặc biệt độc ; đài dài 5 - 8cm, vành dài đến 20cm, chỉ tiểu nhị dính nhiều vào ống. Có nguồn gốc từ Ấn Độ, hiện được trồng và mọc hoang ở khắp nước ta ở các vùng đất cát. Thu hoạch vào hè thu. Dùng hoa khô xắt thành sợi quần bằng điều thuốc, hút trị suyễn ; lá tươi hoặc quả ngâm nát đắp ngoài trị chấn thương, rắn cắn, đinh nhọt.



CÀ ĐỘC DƯỢC CÀNH

Brugmania suaveolens (Willd.) Berch. ex Persl ;
Datura suaveolens Humb. ex Bonpl ex Willd.
Angel's trumpet, stamonium
Stramoine odorante
Họ Cà (Solanaceae)

Còn gọi là đại
cà dược.

Hoa đơn độc màu trắng, thông, to, cánh tràng hợp thành hình kèn loe ở đỉnh; chia 5 thùy ngắn xoè ra ở đỉnh. Quả nang không gai. Có nguồn gốc Trung Mỹ ; hiện trồng nhiều ở Đà Lạt vì hoa đẹp. Hoa nở liên tục quanh năm, hoa vừa đẹp vừa rất thơm vào chiều tối. Cây trồng bằng giâm cành.



CÀ RỐT

*Daucus carota L.**Carrot**Carotte**Họ Hoa tán (Umbelliferae)*

Hoa mọc thành tán kép có tổng bao gồm nhiều lá bắc xẻ lông chim, mỗi tán con có nhiều lá bắc đơn hay xẻ 5. Trên mỗi tán có nhiều hoa, hoa ở vòng ngoài không đều do sự phát triển không đồng đều của các cánh hoa ; hoa ở vòng trong lưỡng tính, đều, có một hoa ở trung tâm không sinh sản, màu tím. Lá dài và cánh hoa đều rất nhỏ. Ra hoa vào tháng 4 của năm thứ hai. Thụ phấn chéo nhờ côn trùng.



CẢI BẮP

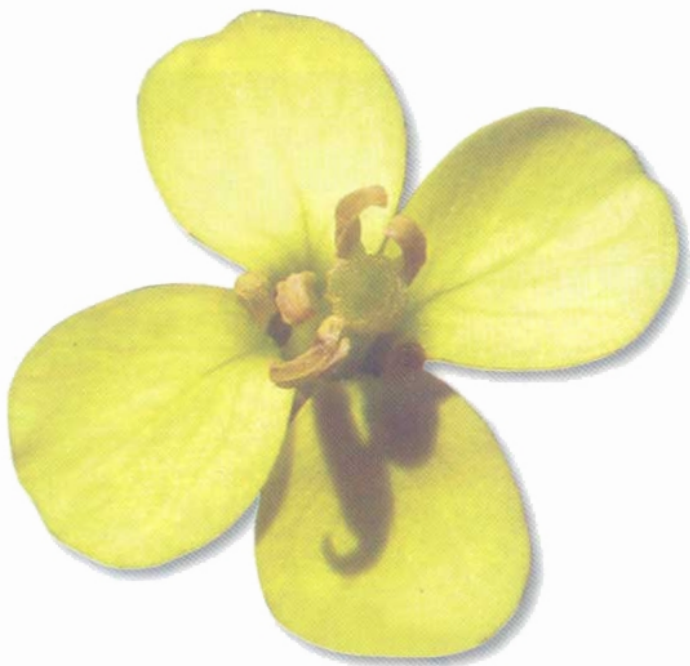
Brassica oleracea L. var. capitata DC.

Cabbage, white-headed cabbage

Chou pommé

Họ Cải (Brassicaceae)

Hoa mọc thành chùm đơn hay phân nhánh, có 4 cánh màu vàng tươi xếp thành hình chữ thập. Lá dài 4 dẹt đứng. Nhị gần bằng nhau. Ra hoa vào năm thứ hai, thường vào mùa xuân.



CẢI BÈ

Brassica campestris L.
Large-petiolated cabbage
Chou à pétiole large
Họ Cải (Brassicaceae)



Còn gọi là *cải dĩa*. Hoa nhỏ màu trắng hay vàng, gần giống hoa cải bắp.

CẢI CÙ

Raphanus sativus L. var. longipinnatus Bail

Radish, winter rape, white radish

Radis, rave blanc

Họ Cải (Brassicaceae)



Hoa mọc thành chùm ở ngọn cây, màu trắng hay đỏ ; 4 cánh xếp thành hình chữ thập, 6 nhị : 4 nhị dài, 2 nhị ngắn. Cánh hoa có vân. Ra hoa vào năm thứ hai.



CÁI CÚC

*Chrysanthemum coronarium L.**Edible chrysanthemum**Chrysanthème des jardins**Họ Cúc (Asteraceae)*

Còn gọi là cải tần. Cụm hoa hình đầu, mọc ở ngọn cành, nhánh. Hoa ở bên ngoài không sinh sản, hình lưỡi, màu vàng nhạt. Hoa ở giữa là hoa sinh sản, hình ống, màu vàng đậm. Ra hoa vào mùa đông.



CẢI THÌA

Brassica sinensis L.

Pakchoi, Chinese cabbage

Chou chinois

Họ Cải (*Brassicaceae*)

Còn gọi là *cải trắng, cải rổ tàu*. Hoa màu vàng tươi hợp thành chùm ở ngọn, có 4 cánh xếp thành hình chữ thập, 6 nhị. Ra hoa vào mùa xuân.



CÁI XANH

Brassica juncea (L.) Coss*Green cabbage**Chou vert**Họ Cải (Brassicaceae)*

Còn gọi là *cải canh*, *cải ta*. Hoa màu vàng, khá to, mọc thành ngù. Ra hoa từ tháng 2 đến tháng 6.



CAM

*Citrus sinensis (L.) Osb.**Sweet orange**Oranger**Họ Cam (Rutaceae)*

Hoa mọc thành chùm ở kẽ lá, thường có 6 - 8 hoa, màu trắng, nhiều tiểu nhị dính thành 4 - 5 bó. Hoa thường nở rộ đồng thời với cành non, số lượng hoa rất nhiều. Thường ra hoa vào mùa xuân nhưng hiện nay do lai tạo đã cho nhiều giống có hoa, quả quanh năm. Hoa cam tượng trưng cho lòng trinh bạch.

CÀNG CUA

Epiphyllum truncatum Haw.; *Zygocactus truncatus* (Haw.) Schum.

Crab clawed cactus

Cactus à pinces de crabe

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây biểu sinh, thường được ghép trên một khúc cây tường liên. Hoa đẹp, màu hồng đỏ, hồng nhạt,... mọc ở ngọn đốt non, thường nở vào dịp Tết Nguyên đán. Trồng làm cảnh trong các chậu để chơi Tết.



CÁT LỎI

Costus speciosus koen Smith

Arisaema, *costus* plant

Typhonium, *costus*

Họ Gừng (*Zingiberaceae*)

Còn gọi là cây chóc, đột đặng. Hoa nhiều, nằm ở ngọn, to, màu trắng có tâm vàng ở giữa. Là cây có thân ngầm giống như gừng, nghệ, thường mọc hoang ở ven đồi ngoài nắng ở vùng núi. Hiện nay cát lõi được trồng làm cảnh vì có hoa đẹp, đặc sắc.



CAU

Areca catechu L.
Areca palm, betel palm
Aréquier
 Họ Cau dừa (Palmae)



Cụm hoa đơn tính cùng gốc. Mo rụng sớm. Hoa đực ở trên, nhỏ, có 3 lá đài màu lục, 3 cánh hoa màu trắng, rất thơm, có 6 nhị. Hoa cái to hơn ở dưới, bao hoa không phân hoá, bầu thượng, 3 ô. Ra hoa hầu như quanh năm.



CAU TRẮNG

Veitchia merrilli Wendl

Merrill palm

Aréquier blanc

Họ Cau dừa (Palmae)



Hoa mọc thành buồng ở nách các lá đã rụng, mang hoa đơn tính ; màu trắng. Cụm hoa và cụm quả thẳng, cứng nên khá đẹp. Có nguồn gốc từ Phi-líp-pin, được nhập trồng làm cảnh.

CẨM CHƯỚNG NHUNG

Dianthus barbatus L.

Velvet pink

Oeillet des poètes

Họ Cẩm chướng (*Caryophyllaceae*)

Còn gọi là cẩm nhung, hương nhu hoa. Cụm hoa ở đỉnh, dạng chùm dày, gần hình cầu, mang nhiều hoa sát nhau. Hoa nhỏ, màu sắc thay đổi từ màu trắng, hồng, đỏ tím và một số màu khác. Cánh hoa đơn hay kép tùy các dạng lai khác nhau. Cây trồng bằng hạt. Mỗi cây có 4 đến 5 lứa hoa; chăm sóc kĩ, chùm mới có nhiều hoa. Có nguồn gốc từ các nước Trung Cận Đông. Được trồng làm cảnh khắp nơi trên thế giới. Hoa cẩm chướng được xem như biểu tượng của tình bạn.



CẨM CHƯỜNG TÀU

Dianthus chinensis L. ; *D. sinensis* Hort
 Chinese sweet william, French marigold
 Oeillet de chine
 Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)



Còn gọi là *cẩm chướng hoa*, *cẩm chướng gấm*. Cụm hoa thường ít hoa hay chỉ có 1 hoa đơn độc, màu tím nhạt hay tím hồng, có lông dài ở gốc. Cây sống 2 năm, nở hoa nhiều lần. Được trồng chủ yếu bằng hạt, sau 4 tháng sẽ ra hoa. Có nguồn gốc từ Trung Quốc và Nhật. Hiện nay, loài này được lai tạo ra nhiều dạng khác nhau cho hoa đẹp, có màu đỏ tươi và có đốm ở gốc.

CẨM CHƯỚNG THƠM

Dianthus caryophyllus L.

Clove pink ; Picotee grenadine

Carnation ; œillet

Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây cho nhiều hoa, có màu sắc đẹp giống như bức trướng bằng gấm nhiều màu. Hoa đơn độc hay chỉ có một vài hoa thành xim ngắn, gốc có tổng bao gồm 4 lá bắc. Hoa lớn, thơm, có nhiều màu khác nhau, từ trắng, hồng, tím. Quả nang hình trụ, có 4 mảnh vỏ. Hoa nở quanh năm, mùa hè hoa càng đẹp. Cẩm chướng được trồng chủ yếu bằng hạt ; sau khi trồng bốn tháng, cây bắt đầu ra hoa. Hiện nay, đã có hàng trăm chủng hoa có màu sắc khác nhau. Có nguồn gốc từ vùng Trung Cận Đông, được gây trồng rộng rãi ở châu Âu và phát triển rộng ra các nước châu Á và châu Mỹ.



CẨM TÚ CẦU

Hydrangea macrophylla DC. f. *hortensia* (Max.) Rehd.

Hydrangea, hortensia

Hortensia

Họ Tú cầu (*Hydrangeaceae*)



Cụm hoa là tụ tán dày đặc và lớn, hình cầu, màu trắng, hồng hay lam ; hoa bất thụ to ở ngoài và có lá đài to như cánh hoa, hoa hữu thụ nhỏ ở trong. Màu sắc của cụm hoa chính là màu của hoa bất thụ. Có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật ; hiện được gây trồng làm cảnh ở Tam Đảo, Lâm Đồng, Đà Lạt,... Hoa đẹp, to và khá bền, thường trồng để trang trí trong vườn hay công viên. Hiện có nhiều chủng đặc sắc.

CẦN TÂY*Apium graveolens L.**Dropwort**Ĉenanthe**Họ Hoa tán (Umbelliferae)*

Cụm hoa gồm nhiều tán, các tán ở đầu cành có cuống, dài hơn các tán bên. Không có tổng bao. Hoa nhỏ màu trắng nhạt, cánh hoa chẻ đôi. Ra hoa vào tháng 4.



CÂY HOA MẬT

Gaillardia aristata Pursh

Gaillardia, grandiflorous daisy

Gaillarde

Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là *cúc thiên nhiên*.

Cây lưu niên, có thân mềm bò, mọc khỏe. Cụm hoa hình đầu, nhiều màu, vòng ngoài màu vàng nghệ với một chấm màu tím ở gốc tràng, phần giữa màu đỏ.

Có nguồn gốc ở Bắc Mỹ, được nhập vào nhiều nước để trồng làm cảnh. Nhờ lai tạo đã cho nhiều giống có màu sắc khác nhau : đỏ vàng, đỏ sẫm, vàng trong,... Do ong mật thường thích đến lấy mật nên có tên là cây hoa mật. Hoa dùng để cắm lọ, cắm bát,... trang trí.



CÂY HOA PHẤN

Mirabilis jalappa L.

Mirabilis, four-o'clock

Belle-de-nuit, *mirabilis*

Họ Hoa phấn (Nyctaginaceae)



Hoa mọc thành cụm ở kẽ các lá cuối cành. Hoa to, đều, lưỡng tính. 5 lá bắc màu xanh lục dính liền với nhau, bao hoa có màu sắc sỡ : đỏ, hồng, vàng, trắng hay lốm đốm,... hình phễu, phía trên xẻ 5 thùy. 5 nhị không bằng nhau. Có hoa quanh năm, thường nở vào buổi chiều tối. Được trồng làm cảnh.

CÂY HOA TAI

Malvaviscus arboreus Cav.

Ear-ringed plant

Hibiscus boucle-d'oreille

Họ Bông (Malvaceae)

Nhiều nơi gọi là *râm bụt*, *cây hoa ớt* (do hoa có hình dạng giống quả ớt). Hoa mọc đơn độc ở nách lá, cuống hoa dài, phủ lông. Đài hợp chia nhiều thùy không đều. Cánh hoa màu đỏ chói xếp xoắn. Nhị dính thành một cột. Vòi nhụy chia thành 10 nhánh ngắn, toả tròn. Ra hoa vào tháng 10 - 12. Được trồng phổ biến làm hàng rào, làm cảnh.



CÂY HOA XANH

Eranthemum pulchellum Andrews.

Eranthemum

Eranthème

Họ Ô rô (Acanthaceae)



Còn gọi là *tinh hoa đẹp*, *tinh hoa xinh*, *cây hoa trước*. Hoa hợp thành bông ở ngọn, màu lam, phía gốc hoa có một lá bắc màu lục có đốm trắng. Quả nang dài. Ra hoa vào tháng 2 - 3 và tháng 9 - 10. Mọc hoang trong rừng và được trồng làm cảnh ở nhiều nước châu Âu, châu Á, trong đó có nước ta.

CHANH*Citrus limonia* Osbeck, *C. medica* L. subsp. *limon* Lour.

Lemon, citrus

Citronnier

Họ Cam (Rutaceae)



Hoa chanh mọc riêng lẻ hay thành chùm nhỏ 2 - 3 chiếc. Mỗi hoa có 5 cánh, phía trong cánh hoa màu trắng, phía ngoài phớt tía hay tím. Đài 5, hình tam giác. Nhị nhiều, khoảng 20 hoặc hơn, liền nhau 4 - 8 cái một. Bầu hình trứng, vòi nhụy dài gấp đôi bầu, đầu nhụy hơi phồng. Ra hoa vào mùa xuân.

Arum maculatum

Cuckoo-pint, wild arum, lords-and-ladies

Pied-de-veau, gouet, arum tacheté

Họ Ráy (Araceae)

Còn gọi là ráy đốm. Lá màu trắng ngà phớt lục; cụm hoa hình đuôi sóc, màu vàng lốm đốm trắng, màu đỏ hoặc trắng, mọc thẳng từ tâm bản lá. Trồng vào chậu trong nhà tháng 2 - 3, ra hoa tháng 4 - 5. Nếu mọc ngoài trời, có thể ra hoa sớm hơn. Nên nhổ bỏ cây vào tháng 10. Có thể trồng trong chậu đất sét pha cát giàu mùn, phân bò đã hoai, để ở nơi thoáng, râm mát nhưng sáng sủa. Thỉnh thoảng nên tưới nước phân loãng. Trồng làm cảnh, hoặc cắt hoa cắm lọ, bó thành chùm.



CHÂN CHIM

Delphinium ajacis L.

Larkspur

Dauphinelle, pied d'alouette

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)

Còn được gọi là *hoa la lét*. Cụm hoa dạng chùm ở đầu thân hay cành. Hoa không đều, có màu sắc hay thay đổi từ trắng lục, xanh, hồng đến tím. Cánh dài kéo dài thành cựa vươn ra phía sau. Cây chịu hạn kém nhưng chịu rét khoẻ, thường trồng ở miền Bắc và vùng núi cao Nam Trung Bộ. Hiện được các nhà làm vườn lai tạo ra nhiều chủng khác nhau. Người ta cho rằng hoa chân chim có tên khoa học là *Delphinium ajacis* vì theo truyền thuyết hoa này đã mọc lên từ máu của Ajax, một chiến binh trong trận đánh thành Tơ-roa.



CHÈ

Thea sinensis Seem

Tea

Thé

Họ Chè (Theaceae, Ternstroemiaceae)



Còn gọi là trà, chè xanh. Hoa mọc đơn độc ở nách lá. Gốc có 3 - 4 lá bắc dễ rụng. Đài 5 không đều nhau. Tràng có 5 - 9 cánh, những cánh ngoài giống lá đài, những cánh trong mềm hơn, nhẵn. Nhị rất nhiều xếp làm 4 - 5 dãy, dính vào gốc cánh tràng. Bầu có 3 ô. Ra hoa từ tháng 9, 10 đến tháng 2 năm sau.

CHUA ME ĐẤT

Oxalis hedysavoides var. rubra Hort

Fire fern, oka, oxalis

Oxalide

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Có ít hoa trên một cuống mảnh. Hoa màu hồng nhạt, dạng ống, loe ở đỉnh, xẻ 5 thùy. Cây dễ trồng. Có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ như Cô-lôm-bi-a, Vê-nê-zu-ê-la... Có thể trồng trong chậu cảnh bày trong nhà.



CHUA ME ĐẤT LÁ TÍM

Oxalis corymbosa DC.

Oxalis ; wood sorrel

Oxalis des bois; alléluia

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)



Còn gọi là *me đất hương, bướm đêm*.
Cụm hoa dạng chùm, mọc từ gốc trên một cọng dài; thường ít hoa, nở quanh năm. Hoa nhỏ, 5 cánh màu hồng nhạt. Lá có 3 lá chét màu tím. Gây trồng bằng thân củ. Có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ.

CHUỐI

Musa paradisiaca L.

Common banana, banana-tree

Bananier

Họ Chuối (Musaceae)

Hoa chuối rất đặc biệt. Khi cây bắt đầu ra hoa, từ thân rễ mọc lên một thân thật, xuyên qua thân giả rồi trổ ra, mang một bông hoa ở ngọn. Bông hoa có nhiều lá bắc màu đỏ tía xếp theo ba dãy dọc và úp lên nhau làm thành một hình búp sen dài. Ở kẽ mỗi lá bắc có khoảng 20 hoa, xếp thành một nải hai tầng. Hoa ở giữa bông là hoa lưỡng tính. Hoa ở gốc là hoa cái. Hoa ở ngọn là hoa đực. Mỗi hoa có 3 lá đài; 2 cánh hoa dính nhau thành bản màu vàng, cánh thứ ba màu hồng nhạt gọi là cánh môi. Nhị 5. Bầu 3 ô, mỗi ô có nhiều noãn. Ra hoa hầu như quanh năm, nhiều nhất là về mùa hạ. Hoa chuối thái nhỏ làm rau ăn ghém.



CHUỐI HOA

Canna indica L.

India canna

Canna d'Inde

Họ Dền (Cannaceae)



Hoa xếp thành chùm ở ngọn, mọc từ một cái mo chung. Hoa lưỡng tính không đều. Đài 3, rời nhau, có màu. Tròng 3, thường cuộn theo chiều dài. 6 nhị, nhưng chỉ có một nhị sinh sản, một nhị biến thành cánh môi sặc sỡ còn các nhị khác biến thành những phiến dạng cánh, có màu sắc. Bầu 3 ô. Ra hoa quanh năm, được trồng làm cảnh.

CHUỐI HOA LAI

Canna generalis Bail ; *C. hybrida* Forst.

Indian shot

Balisier

Họ Dong riềng (*Cannaceae*)



Cây bụi có hoa mọc thành chùm ở ngọn gồm nhiều hoa to xếp sát nhau. Lá, đài và cánh hoa nhỏ nhưng các nhị lép biến đổi thành các cánh to có màu sắc đẹp giống cánh hoa. Màu sắc có thể thay đổi từ vàng đến đỏ đậm, từ một màu đến điểm thêm các đốm màu đậm nhạt khác nhau. Có hoa quanh năm nhưng thường nở vào mùa đông, xuân.

CHUỐI HOA NAM MĨ

Canna glauca L. ; *C. angustifolia* L.

Louisiana canna

Canna

Họ Dền (Cannaceae)

Cây bụi, có thể cao 1,2 - 2,4m, nhưng thông thường cao 1,2 - 1,8m. Hình dạng thân, lá giống với chuối hoa. Hoa mọc thành chùm ở ngọn, cánh hoa thon dài, thường có màu hồng, vàng, đỏ, da cam. Ở vùng nóng cây có hoa quanh năm, ở vùng lạnh cây chỉ ra hoa vào các tháng ấm. Cây có nguồn gốc ở Nam Mỹ, ưa đất ẩm ướt, thường được trồng để làm cảnh.



CHUỐI TRÀNG PHÁO

Heliconia bihai L.

Lobster claw, wild plantain

Bananier des Antilles

Họ Chuối cảnh (Heliconiaceae)

Còn gọi là *mỏ phượng*. Cây bụi. Cụm hoa mọc ở ngọn giữa lá, bẹ to, đỏ chói, viền da cam, mép màu lam. Cây có nguồn gốc từ quần đảo Ăng-ti, được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Nam Việt Nam. Được nhập và trồng làm cảnh vì cho hoa đẹp, mọc khỏe, màu bền.



Livistonia cochinchinensis (BL.) Mart

Indochinese fan-palm, fan-palm

Latanier

Họ Cau dừa (Arecaceae)



Cụm hoa hình chùy, có 3
mo hình ống. Hoa lưỡng
tính thường tập trung 3 - 5
hoa ở một chỗ, không
cuống, hình cầu. Đài 3, tràng
3, nhị 6. Có hoa từ tháng 12
đến tháng 2 năm sau, có
quả từ tháng 5 đến tháng 7.
Có nguồn gốc từ Bắc Ma-đa-
ga-xca. Cây trồng làm cảnh
hoặc mọc hoang.



CÚC ÁO

Spiranthes oleracea L.

Spotflower, button chrysanthemum

Chrysanthème à boutons

Họ Cúc (Asteraceae)



Còn gọi là *nút áo*. Hoa đơn độc thường mọc ở nơi chẻ hai của chót nhánh, cộng mang hoa tương đối ngắn ; 2 hàng lá bắc có rìa lông. Hoa màu vàng tươi. Mọc hoang phổ biến khắp các độ cao ở Việt Nam.



CÚC BÁCH NHẬT

Gomphrena globosa L.

Gomphrena

Gomphrène

Họ Rau dền (*Amaranthaceae*)

Còn gọi là *bách nhật*, *bông nở ngày*, *nở ngày*. Ra hoa từ tháng 7 - 10. Cây có nguồn gốc ở châu Mỹ. Được trồng trong các bồn hoa, công viên. Hoa cúc bách nhật là một vị thuốc trong Đông y để chữa hen phế quản, ho gà, ho ra máu, li,...



CÚC BẮT TỬ

Helichrysum bracteatum (Vent.) Andr.

Ammobium

Immortelle

Họ Cúc (Asteraceae)

Hoa mọc thành cụm hình đầu đơn độc hay xếp thành chùy, màu vàng kim, bao chung gồm nhiều lá bắc hình vẩy cứng, khi khô vẫn giữ được màu sắc. Có nguồn gốc ở Ôt-xtrây-li-a, được nhập trồng ở Sa Pa, Đà Lạt,... làm cây cảnh và lấy hoa làm hoa khô. Hiện nay, người ta đã tạo ra nhiều thứ có lá bắc lớn, hoa kép có nhiều màu sắc khác nhau : đỏ, hồng, trắng... Cúc bắt tử được xem là loài hoa của tình yêu bất diệt.



CÚC CÁNH MỎI

Aster amellus L.

Starwort

Aster, Erica

Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là *thạch thảo*, *cúc sao*. Hoa hình đầu ở ngọn các nhánh, phân nhánh; tổng bao do nhiều hàng lá bắc màu xanh tạo thành. Hoa ở ngoài hình môi màu lam tím, tím nhạt hay trắng, thon dài; hoa ở giữa hình ống. Có nguồn gốc từ I-ta-li-a. Được trồng làm cảnh. Người ta đã tạo ra những giống có hoa màu đỏ, hồng, tím... Người ta cho rằng loài hoa này tượng trưng cho sự chín chắn vì nó nở vào cuối thu, khi mà đa số các loài hoa khác đã tàn.



CÚC CẢNH VÀNG

Doronicum orientale Hoffm ; D. caucasicum Bieb.

Yellow-petaled chryconthemum

Chrysanthème à pétales jaunes

Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là *hoàng cúc cảnh*. Cụm hoa hình đầu ở ngọn nhánh, mọc đơn độc trên cuống rất dài. Lá bắc xanh, hoa ngoài hình môi màu vàng sẫm, hoa bên trong hình ống. Có nguồn gốc từ châu Âu và một số nước ở châu Á, được nhập trồng ở nước ta làm cảnh, trang trí.



CÚC CHUỖN CHUỖN

Cosmos bipinnatus Cav.
Cosmos, dragonfly flower
Cosmos-libellule
Họ Cúc (Asteraceae)



Còn gọi là *hoa bướm*, *cúc ngũ sắc*, *sao nhái*, *cây cốt mốt*. Cụm hoa đầu rộng mỏng mảnh ở ngọn nhánh, trên cuống dài. Bao chung có 2 dãy lá bắc thuôn, các hoa ở rìa hình trái xoan, xếp thành một lớp, màu sắc thay đổi từ tím tới đỏ tía, hồng, trắng... Các hoa ở giữa hình ống màu vàng. Quả bế có mỏ. Có nguồn gốc ở Mê-hi-cô, được nhập trồng phổ biến ở nước ta. Hoa đẹp, dễ trồng, ngắn ngày. Người ta thường trồng cúc chuẩn chuẩn thành khóm, thành thảm hoa trong vườn hoa, công viên...

CÚC CHUỖN CHUỖN HOA VÀNG

Cosmos sulphureus Cav.

Yellow-flowered cosmos

Cosmos à fleurs jaunes

Họ Cúc (*Asteraceae*)

Cây thảo một năm. Hoa mọc thành đầu màu vàng thẫm trên một cuống dài, có 8 hoa xung quanh hình môi to, mép có răng; hoa giữa nhị hình ống màu vàng. Khi hoa tàn, các "quả" khô có mỏ dài chỉ 2 răng có móc nhỏ. Ra hoa vào mùa hạ và mùa thu, hoa nở vào dịp Tết Nguyên đán. Gốc ở Mê-hi-cô, được thuần hoá và trồng ở các vườn hoa nước ta làm cảnh vì hoa đẹp, nở đúng vào dịp Tết.



CÚC CHUỖ

Rudbeckia fulgida Ait.
Clubshaped flowered chrysanthemum
Chrysanthème à massues
Họ Cúc (Asteraceae)

Cây mọc hằng năm hoặc lưu niên. Cụm hoa hình đầu trên cuống dài. Hoa ở rìa hình lưỡi dài, có 10-15 chiếc xếp thành vòng, màu vàng; hoa ở giữa hình ống, xếp trên một đế lõm làm thành chùy cao, màu nâu vàng. Có nguồn gốc Bắc Mỹ, được nhập trồng ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ra hoa quanh năm. Trồng làm cảnh vì hoa đẹp.



CÚC HOA TRẮNG

Chrysanthemum morifolium Ramat.

Mulbery chrysanthemum

Chrysanthème à fleurs de murier

Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là *cúc trắng*, *bạch cúc*. Cụm hoa đầu rộng 1,5 - 5cm, bao chung gồm các lá bắc hình dải, hoa ở rìa hình lưỡi, thường xếp 1 - 2 hàng, màu trắng, đôi khi có màu tím, tím,... lưỡi dài 8-12mm. Hoa ở giữa hình ống, màu vàng. Ra hoa vào mùa thu, từ tháng 9 đến tháng 11. Cây có nguồn gốc ở Hồ Bắc (Trung Quốc) được nhập trồng ở nước ta từ lâu làm cảnh và làm thuốc. Do lai tạo với cúc vàng đã cho ra nhiều thứ có hoa to, màu vàng. Hoa có thể phơi khô dùng để pha trà hay ngâm rượu uống, tính mát, chữa đau đầu, tăng huyết áp, chóng mặt, nhức đầu, nhức mắt... Cúc hoa trắng có ý nghĩa là lòng chân thực, sự ngây thơ và duyên dáng.



CÚC HOA VÀNG

Chrysanthemum indicum L.
Golden-flowered chrysanthemum
Chrysanthème à fleurs jaunes
 Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là *cúc vàng*, *kim cúc*, *hoàng cúc*. Cụm hoa hình đầu, ở nách lá hay đỉnh cành. Các hoa vòng ngoài hình lưỡi, xếp 2 vòng. Các hoa trong hình ống, màu vàng. Quả bế có mào lông. Ra hoa kết quả từ tháng 10 đến tháng 5 năm sau. Nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ, được nhập trồng làm cảnh, lấy hoa ướp trà, pha trà, ngâm rượu và làm thuốc. Có nhiều giống, có loại hoa đơn, có loại hoa kép, có loại hoa to, có loại hoa nhỏ. Người ta thường chọn thứ cúc vàng có đầu nhỏ để pha trà cho thơm và ngâm rượu uống. Còn được dùng làm thuốc chữa bệnh chóng mặt, nhức đầu, cảm sốt, đau mắt đỏ... Hoa có ý nghĩa là *niềm hân hoan*.



CÚC HÔI TÍM

Ageratum houstonianum Mill.
Violet-chrysanthemum, bear ears
Chrysanthème violet
 Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là *cỏ tai gấu*, *bù xít*.

Cụm hoa ngù ở ngọn, gồm nhiều hoa đầu màu lam tím nhạt hay trắng ; bao chung ít lá bắc, có lông. Có nguồn gốc ở Mê-hi-cô, được nhập trồng làm cảnh ở các tỉnh Tây Nguyên nước ta, nay phát tán khắp nơi, mọc ở các bãi hoang, có nắng, đất ẩm.



CÚC KIM TIỀN

Calendula omcibalis L.
Bad-smelling chrysanthemum
Chrysanthème malodurant
 Họ Cúc (Asteraceae)



Còn gọi là *cây xuxi* hay *cúc hôi*.
 Cành lá có mùi hôi, hoa có hai
 màu, màu vàng nghệ hay màu hoàng
 yến, có giống chân cánh hoa điểm nâu
 hay đen nhẹ. Có giống hoa kép rất đẹp.
 Cúc kim tiền được trồng đại trà để cắt
 hoa hay được trồng trong chậu, bồn ở
 công viên. Kim tiền cho hoa vào mùa
 đông. Hoa nhiều nhưng không bền,
 chóng tàn.

CÚC MỐC

Crossostephium chinense (L.) Mak, *Crossostephium artemisioides* Less.

Dawny-leaved chrysanthem

Chrysanthème à feuilles duveteuses

Họ Cúc (Asteraceae)



Còn gọi là *nguyệt bạch*. Cây nhỏ, cụm hoa thành bông dày đặc ở nách lá. Lá bắc nhiều hàng. Hoa cái ở xung quanh, hoa lưỡng tính ở giữa. Tràng hoa cái có 2 - 3 răng, tràng hoa lưỡng tính có 5 thùy, nhị 5. Ra hoa, quả vào mùa xuân. Trồng làm cảnh.

CÚC NGHỆ LÁ THON

Coreopsis lanceolata L. var *villosa* Michx.

Golden chrysanthemum

Chrysanthème doré

Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là *duyên cúc*, *cúc duyên đơn*. Hoa mọc trên cuống dài ở chót nhánh, bao chung do hai vòng 8 - 9 lá bắc xanh ; hoa ngoài lép hình lưỡi, màu vàng có 4 răng, hoa giữa là hoa sinh sản, hình ống, màu vàng. Hoa màu vàng chói, đẹp. Có nguồn gốc ở Bắc Mỹ, được trồng nhiều ở Đà Lạt và Thành phố Hồ Chí Minh.



CÚC NGHỆ NÂU

Coreopsis tinctoria Nutt.

Saffron crocus

Chrysanthème safran

Họ Cúc (Asteraceae)



Còn gọi là *duyên cúc nhuộm*. Cụm hoa đầu to, mọc ở ngọn các nhánh, trên cuống dài. Hoa ở rìa có 7 - 8 cái, màu vàng, có đốm đậm ở gốc, trên một đế chung màu nâu vàng ánh. Hoa ở giữa màu vàng. Quả bế hẹp, dài. Có nguồn gốc ở Bắc Mỹ, thích hợp với vùng cao, khí hậu ẩm, mát, được nhập trồng làm cảnh ở các tỉnh Tây Nguyên. Thường được trồng ở các bồn hoa hay trong chậu cảnh.



CÚC PHÁT TRẦN

Liatris punctata Hook.
Featherbrom chrysanthemum
Chrysanthème à plumeaux
Họ Cúc (Asteraceae)



Cụm hoa màu tím, hình cầu, mọc ở nách các lá phía đỉnh. Nhiều cụm hoa kết hợp lại trông giống như cái phát trần. Các hoa hình ống dài và mảnh. Có nguồn gốc ở các nước nhiệt đới Trung Mỹ, được nhập trồng làm cảnh.

CÚC TÍM

Callistephus chinensis (L.) Nees

China chrysanthemum

Chrysanthème de Chine

Họ Cúc (Asteraceae)



Còn gọi là *kiểu tràng*. Hoa đầu to, bao chung là các lá bắc hình muỗng; hoa hình lưỡi màu hồng, trắng hay tím xanh, ở giữa màu vàng. Quả bế có mào lông. Có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, được nhập trồng nhiều ở Đà Lạt làm cảnh. Người ta đã lai tạo được nhiều giống khác nhau. Hoa cúc tím có ý nghĩa là *nổi lưu luyến khi chia tay*.

CÚC TRẮNG LỚN

Chrysanthemum maximum Ramond.

Globus chrysanthemum

Chrysanthème globuleux

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây thảo, sống nhiều năm. Cụm hoa đầu to, bao chung do các lá bắc có viền nâu. Các hoa ở rìa màu trắng, các hoa ở giữa hình ống, màu vàng. Quả bế không lông. Có nguồn gốc ở châu Âu, được nhập trồng làm cảnh ở nước ta. Qua trồng trọt và lai tạo, người ta tạo ra nhiều giống hoa to, đẹp, màu sắc thay đổi, có loại hoa vàng, có loại hoa tím. Ra hoa gần như quanh năm nhưng đến cuối thu, khi có gió thu và mưa rơi thì hoa bắt đầu nở đẹp, vào tháng 10, 11 hoa nở rực rỡ nhất. Vì thế người ta quan niệm loài cúc này tượng trưng cho tinh thần lạc quan, vui vẻ.



CÚC VẠN THỌ CAO

Tagetes erecta L.

India dianthus

Œillet d'Inde

Họ Cúc (*Asteraceae*)

Còn gọi là *bông thọ cao*. Cây thảo, nhiều cành nhánh. Hoa đầu toả tròn mọc đơn độc hay tụ hợp thành ngù. Đường kính 8 - 10cm. Lá bắc của bao chung gắn liền nhau. Hoa màu vàng tươi hay vàng cam, mùi thơm hắc. Hoa ở phía ngoài hình lưỡi nhỏ xòe ra, phía trong hình ống nhỏ. Mào lông gồm 6 - 7 vảy rời, hoặc dính liền với nhau. Ra hoa gần như quanh năm, nhiều nhất mùa thu - đông. Có nguồn gốc ở châu Mỹ nhiệt đới, được trồng làm cảnh phổ biến ở nước ta. Thu hoạch hoa vào mùa thu đông, phơi nắng, cất dùng dần (sắc uống), chữa thiếu máu, rối loạn kinh nguyệt, đau gân xương do phong thấp. Cúc vạn thọ là tượng trưng của *sự đau buồn - nỗi thất vọng*. Người ta thường dùng cúc vạn thọ để kết các vòng hoa tang.



CÚC VẠN THỌ LÁ NHỎ

Tagetes tenuifolia Cav.

Slender dianthus

Œillet à feuilles ténues

Họ Cúc (Asteraceae)



Lá xẻ hình dải hẹp. Hoa đầu nhỏ, màu vàng cam, điểm nhiều vệt đỏ. Ra hoa quanh năm nhưng nở rộ vào tháng 8. Trồng làm cảnh.

CÚC VẠN THỌ Lùn*Tagetes patula* L.*Dwarf dianthus**Oeillet-nain**Họ Cúc (Asteraceae)*

Cây giống cúc vạn thọ nhưng thấp hơn. Ra hoa nhiều vào vụ đông - xuân. Trồng làm cảnh và sắc hoa uống để bổ huyết và thông kinh.



CÚC YÊN BẠCH

Eupatorium capillifolium (Lam.) Small
Needle-leaved chrysanthemum
Chrysanthème à aiguilles
 Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là yên bạch lá kim, cỏ lão trắng. Cây thảo hằng năm. Cụm hoa đầu trên nhánh màu trắng ; bao chung màu lục do 7 - 8 lá bắc, hoa toàn hình ống, màu trắng. Ra hoa vào tháng 1 - 3. Có nguồn gốc ở châu Mỹ nhiệt đới, được nhập trồng lấy hoa làm cảnh.



DA HỢP

Magnolia coco Lour. ; *M. pumila* Andr.

Dwarf magnolia

Magnolia nain

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Còn gọi là *cây hoa trứng gà*. Cây nhỏ. Hoa mọc đơn độc ở ngọn, cánh hoa màu trắng và rất thơm, thời gian nở rất ngắn, đến đêm thì khép lại, vì thế mà có tên là dạ hợp. Đài 3, màu lục. Tròng 6, xếp thành 2 vòng màu trắng muốt. Nhị nhiều. Ra hoa vào tháng 5, tháng 6. Trồng làm cảnh. Hoa thơm dùng để ướp trà.



DA HƯƠNG

Cestrum nocturnum L.

Night flowering jasmine

Galant-de-nuit, cestreau, cestrum nocturne

Họ Cà (Solanaceae)

Còn gọi là *dạ lan hương*, *dạ lí hương*. Hoa nhỏ màu vàng lục, mọc thành cụm ở nách lá hay ngọn cành. Đài hình chuông có 5 răng rất bé. Tròng hình ống dài, phía trên xẻ 5 thùy nhọn. Nhị 5. Bầu 2 ô. Hoa tỏa hương thơm ngát vào ban đêm, vì thế mà có tên là *dạ hương*. Ra hoa vào mùa xuân. Trồng làm cảnh. Ở phương Tây người ta gọi *dạ lí hương* là *nữ công tước của ban đêm*.



ĐÀ YẾN THẢO

Petunia hybrida Hort
Common garden petunia
Petunia
Họ Cà (Solanaceae)

Còn gọi là *cà hoa*. Hoa to, mọc đơn độc trên cọng dài 2 - 3cm; đài cao không rụng; cánh tràng hợp thành ống kèn rộng; nhiều màu : đỏ, trắng, tím, xanh (loại có hoa xanh còn có tên là *thanh tú* rất đẹp). Gốc Nam Mỹ ; trồng làm cảnh ở Đà Lạt.



DÀNH DÀNH

Gardenia jasminoides Ellis ; *G. florida* L.

Cape jasmine

Gardenia jasmin ; *jasmin du Cap*

Họ Cà phê (*Rubiaceae*)



Cây gỗ nhỏ, có nhiều cành nhánh. Hoa lớn, thơm, mọc tập trung ở ngọn trên một cuống dài. Cánh hoa có màu trắng nhưng khi hoa nở hết thì chuyển dần sang màu vàng nhạt. Quả có 5 đài còn lại ở đỉnh. Có nguồn gốc từ các nước châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản.

DÂM BỤT

Hibiscus-rosa-sinensis L.

Hibiscus, Chinese hibiscus, rose-mallow

Hibiscus

Họ Bông (Malvaceae)

Cây gỗ, nhỏ, hoa mọc ở nách lá trên một cuống dài, đài hợp, màu lục, 5 cánh hoa có màu đỏ chói. Nhị nhiều tập hợp trên một tua dài rủ xuống và nhìn hoa giống như một lồng đèn. Ra hoa vào mùa hạ và mùa thu. Dâm bụt có đến 200 loài đủ màu sắc, hình dạng, được trồng ở khắp nơi để làm hàng rào và làm cảnh vì rất dễ trồng, hoa lại đẹp.



DÂM BỤT CÁNH XẼ

Hibiscus schizopetalus (Mast.) Hook.

Lobated-petal hibiscus

Hibiscus à pétales lobées

Họ Bông (Malvaceae)



Cây thân gỗ dạng cây bụi. Hoa có hình dạng gần giống hoa dâm bụt nhưng các cánh hoa xẻ thành những dải nhỏ, cuống hoa rất mảnh, dài, có đốt ở giữa. Ra hoa vào tháng 7, tháng 8. Cây được trồng làm hàng rào hay làm cảnh vì hoa đẹp, có hình dạng đặc biệt.

DÂM BỤT GAI

Hibiscus radiatus Cav.

Thorned hibiscus

Hibiscus épineux

Họ Bông (Malvaceae)

Cây thảo sống hằng năm. Hoa mọc đơn độc, màu vàng. Đài hình chuông, cánh hoa hình bầu dục, nhị nhiều hợp thành một cột. Cây ra hoa vào tháng 4. Trồng làm hàng rào cảnh.



DÂM BỤT HA-OAI

Hibiscus waimeae

Hawaiian hibiscus

Hibiscus de Hawaii

Họ Bông (Malvaceae)



Mọc phổ biến trên đảo Ha-oai, hoa lớn với 5 cánh trắng muốt rất đẹp. Cây trồng làm cảnh.



DÂM BỤT KÉP

Hibiscus syriacus L.

Rose of Syria

Rose-hibiscus

Họ Bông (Malvaceae)

Còn gọi là *bụt hồng* *cận*. Cây mọc thành bụi. Hoa mọc đơn độc, cuống ngắn, đài hợp, nhiều cánh hoa có màu sắc thay đổi như : vàng, hồng, trắng, tím,... Được trồng phổ biến làm cảnh vì hoa bền, đẹp.



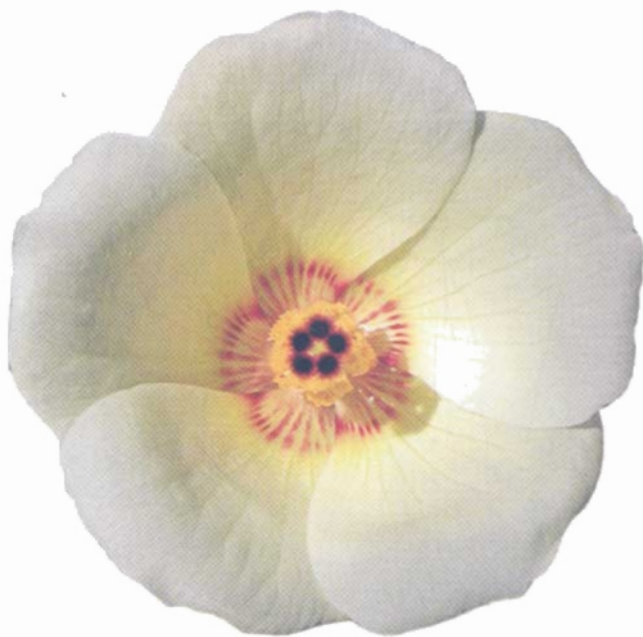
..... DÂM BỤT SA MẠC

Hibiscus coulteri

Desert rosemallow

Hibiscus du désert

Họ Bông (Malvaceae)



Hoa màu vàng nhạt. Ống nhị ngắn hơn các giống dâm bụi thông thường. Hoa đơn, có 5 cánh lớn.

DÂU TÂY*Fragaria vesca L.**Strawberry**Fraisier**Họ Hoa hồng (Rosaceae)*

Hoa trắng. Đài 5, màu trắng, hình gần tròn. Tròng 5, nhị nhiều. Quả giả do nhiều quả bế tập hợp trên đế hoa nạc, mọng nước.



DẦU LAI CÓ CÙ

Jatropha podagrica Hool. f.

Sumatra oil plant

Bancoulier à tubercule

Họ Thầu dầu (Euphobiaceae)



Có nơi gọi là *ngô đồng*. Cụm hoa mọc trên cuống dài, hoa nhỏ, có màu đỏ. Ra hoa vào mùa hè, mùa thu.



DẦU LAI LÁ ĐƠN*Jatropha pandurifolia* Andr

Single-leafed oil plant

Bancoulier à feuilles simples

Họ Thần dầu (Euphobiaceae)

Cây bụi. Hoa mọc thành chùm trên cuống dài, có 5 cánh màu đỏ tươi rực rỡ. Ra hoa vào mùa thu, được trồng làm cảnh.



DÂY BÔNG CÀNH

Thunbergia battescombei

Ornamental thunbergia

Thunbergia ornamental

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Hoa giống như của dây bông xanh nhưng có màu xanh tím đậm hơn. Gốc từ châu Phi nhiệt đới. Trồng làm cảnh.



DÂY BÔNG LÁ TRÚC ĐÀO

Thunbergia laurifolia

Laurel-leaved thunbergia

Thunbergia à feuilles de laurier-rose

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây leo, hoa to giống hoa dây bông xanh nhưng có màu tím nhạt. Có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây trồng làm cảnh.



DÂY BÔNG XANH

Thunbergia grandiflora Roxb
Blue bird vine, Bengal trumpet
Thunbergie à grandes fleurs
 Họ Ô rô (*Acanthaceae*)

Còn gọi là *dây bông hoa to*. Cảnh mang chùm hoa màu tím nhạt thòng xuống từ nách lá, nở một lần hai hoa. Các cánh tràng hợp thành ống ngắn loe rộng và xẻ 5 phiến hoa không đều nhau, có màu xanh pha tím trên họng hoa màu vàng. Có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước châu Á nhiệt đới. Ra hoa vào mùa hè - thu (miền Bắc Việt Nam) và vào đầu mùa mưa (miền Nam); mùa đông cây rụng lá. Cây trồng cần có nắng, nếu thiếu ánh sáng, cây cho hoa rất ít.

Được trồng ở nước ta để làm cảnh.



DÂY ÔNG LÃO

Clematis sp.

White-flowered clematis

Clématite à fleurs blanches

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)

Gồm nhiều loài cây bụi, chia nhiều cành mềm, nhẵn. Hoa mọc thành cụm ở kẽ lá hoặc mọc thành chùy ở đầu cành. Hoa có nhiều màu. Được trồng làm giàn hoa cảnh trang trí.



DÂY ÔNG LÃO ẤN ĐỘ

Clematis ramona

India clematis

Clématite de Inde

Họ Mao lương (Ranunculaceae)



Cây leo có hoa màu xanh tím nhạt.
Gốc ở Ấn Độ. Cây trồng làm cảnh.

DÂY ÔNG LÃO HOA GIÉ

Clematis paniculata

Eared clematis

Clématite à fleurs en épi

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)

Cây leo nhiều hoa. Hoa màu trắng, thơm, có 4 cánh thon dài, nhiều nhị. Cây trồng làm cảnh.



DÂY ÔNG LÃO HOA HỒNG

Clematis montana

Pink clematis

Clématite rose

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)

Cây leo có hoa màu phơn phớt hồng, 4 cánh to, nhiều nhị, thơm mùi va ni. Cây trồng làm cảnh.



DI NHA

*Zinnia elegans Jacq.**Zinnia**Zinnia**Họ Cúc (Asteraceae)*

Còn gọi là *cúc di nha*, *hoa cánh giấy*. Cây thảo, có dáng rất đẹp, thời gian ra hoa dài với rất nhiều màu sắc rực rỡ. Có nhiều giống. Hoa có nhiều cánh, hình thìa, màu trắng, đỏ rực, da cam, hồng... Gieo hạt cuối tháng 4 trong nhà kính hoặc ngoài vườn ươm trong tháng 5. Rất dễ trồng, ưa nắng ấm và đất xốp nhẹ. Có nguồn gốc từ Mê-hi-cô.



DIẾP CÁ

Houttuynia cordata Thunb.*Houttuynia**Houttuynia*Họ Lá giấp (*Saururaceae*)

Cây thảo có thân mọc ngầm dưới đất. Hoa nhỏ màu vàng mọc thành bông với 4 lá bắc màu trắng trông giống như các cánh hoa ở phía dưới tràng. Ra hoa từ tháng 2 - 8. Mọc dại ở ven suối, bãi cỏ, hoặc được trồng làm rau thơm.

DIỆP LONG

Pereskia bleo (HBK) D.C.

Rosy-flowered cactus

Cactus à fleurs roses

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây leo thân gỗ nhỏ. Cụm hoa dạng chùm ngắn, ít hoa, mọc ở đỉnh. Hoa to 5 - 6cm, cánh hoa lớn xếp vòng, màu đỏ tươi ; nhị nhiều. Có nguồn gốc châu Mỹ nhiệt đới, dáng cây đẹp và hoa hấp dẫn nên được ưa chuộng. Dễ nhân giống bằng đoạn thân cây, nếu đất tốt sẽ xum xuê cành lá và hoa nở quanh năm.



DONG RIÊNG

Canna edulis Ker.

Queensland arrowroot, edible canna

Canna comestible

Họ Rong riềng (*Cannaceae*)

Còn gọi là *khoai riềng*, *khoai đao*, *chuối củ*. Hoa xếp thành cụm mọc ở ngọn cây. Hoa không đều. Đài 3, tràng 3. Nhiều nhị lép biến thành bản trông giống cánh hoa, màu vàng ửng đỏ. Đặc biệt có một nhị lép biến thành cánh môi với màu sắc sặc sỡ. Có nguồn gốc từ châu Mỹ.



DƯA CHUỘT

Cucumis sativus L.

Cucumber

Concombre

Họ Bầu bí (*Cucurbitaceae*)

Còn gọi là *dưa leo*. Cây leo, có hoa đơn tính cùng gốc, mọc đơn độc ở nách lá ; cuống hoa ngắn, 5 cánh hoa đều, màu vàng tươi. Hoa đực nhiều hơn hoa cái. Mọc nhiều ở vùng nhiệt đới.



DỪA CẠN

*Cathranthus roseus (L.) G. Don**Periwinkle**Pervenche**Họ Trúc đào (Apocynaceae)*

Còn gọi là hoa trường xuân.

Cây thảo. Hoa mọc đơn độc hoặc thành cặp ở nách các lá phía trên, có 5 cánh hợp thành ống ngắn, hẹp. Hoa có rất nhiều màu khác nhau : trắng, tím, đỏ, hồng... Tròng hoa hình chén ; Nhị 5, đĩa cao hơn bầu, gồm 2 vảy hẹp mọc xen kẽ với lá noãn ; Nhụy gồm 2 lá noãn, hợp nhau ở vòi. Ra hoa gần như quanh năm. Trồng làm cảnh và làm thuốc. Hái hoa rửa sạch, phơi nắng, dùng trị huyết áp cao và viêm đại tràng.

DỨA LƯỖI KIẾM

Vriesea splendens (Brongn.) Lemaire

Flaming sword

Ananas d'ornement, ananas à bractées rouges

Họ Dứa (*Bromeliaceae*)

Còn gọi là *dứa cảnh lưỡi gươm*. Cây có lá xếp sát nhau. Hoa có lá bắc đỏ tươi, hoa màu vàng. Có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới. Trồng làm cảnh vì có lá và hoa đẹp.



DỨA RÀN

Bilbergia pyramidalis (sims.) Lindl.

Bilbergia

Bilbergia, ananas de Hollande

Họ Dứa (*Bromeliaceae*)

Còn gọi là *dứa Hà Lan*, *dứa cảnh*. Cây sống nhiều năm, có thân ngắn đứng. Cụm hoa mọc đứng, dày ; lá bắc màu đỏ, to ; vành dài 4cm, tai 1cm, màu hồng rồi tím, lúc khô quăn lại. Có nguồn gốc từ Nam Mỹ, được trồng làm cảnh vì lá và hoa đẹp.



Đ

ĐẠI

Plumeria acutifolia Poir.

White jasmine tree

Frangipanier à fleurs blanches

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Còn gọi là *châm-pa*, *bông sứ trắng*. Cây nhỏ, có nhựa mủ, cành mập, lá dày ; hoa trắng, thơm, mặt trong phía dưới ở tâm màu vàng tươi, dài 4 - 5cm, xếp thành hình xim. Ra hoa tháng 4 - 8 ở miền Bắc Việt Nam ; ở miền Nam gần như quanh năm. Trong đông y hoa sứ phơi khô có tác dụng hạ huyết áp, làm thuốc chữa ho. Hoa sứ tượng trưng cho đức thanh cao của nhà Phật nên thường được trồng ở đình, chùa... Có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới.



ĐẠI HOA ĐỎ

Plumeria rubra L. f. *rubra*
Red jasmine, red almond-cake
Frangipanier à fleurs rouges
 Họ Trúc đào (*Apocynaceae*)

Cây nhỏ. Hoa mọc thành ngù ở ngọn cành, giống hoa đại nhưng có màu đỏ, thơm, cánh hoa dày. Ra hoa quanh năm. Nguồn gốc ở châu Mỹ nhiệt đới, được nhập trồng làm cảnh trong công viên, ven đường phố, trong các đền, chùa... ở nước ta.



ĐẠI LÁ TÙ

Plumeria obtusa L.

White jasmine, white almond-cake

Frangipanier à fleuri lles obtuses

Họ Trúc đào (Apocynaceae)



Còn gọi là *sứ trắng*. Cây gỗ khá lớn. Toàn cây có nhựa mủ trắng. Hoa mọc thành cụm lớn trên một cọng dài. Hoa trắng, to, thơm, tâm màu vàng. Ra hoa quanh năm. Nguồn gốc từ Trung Mỹ, được nhập trồng làm cảnh ở nước ta. Gặp nhiều ở các tỉnh đồng bằng Nam Bộ. Hoa phơi khô dùng như trà, có tác dụng hạ huyết áp.

ĐÀO

Prunus persica (L.) Batsch.

Peach

Pêcher, prunier

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Hoa mọc đơn độc, nở cùng với lúc cây ra lá, khác với hoa mơ nở sau khi cây ra lá. Cuống hoa rất ngắn, gần như không có cuống. Đài có ống hình chuông, thuỳ hình trứng, có nhiều lông. Tròng hình trứng ngược, màu hồng. Nhị nhiều, từ 35 - 40 nhị, dài bằng cánh hoa. Hoa nở về mùa xuân, đúng vào dịp Tết Nguyên đán. Ở Hà Nội có giống đào Nhật Tân nổi tiếng vì hoa to, đẹp, cánh màu hồng đậm, gọi là "bích đào". Ngoài ra, còn có giống đào màu hồng nhạt gọi là "đào phai". Hoa đào tượng trưng cho mùa xuân tràn trề ước mơ và hi vọng.

Ngày Tết, ở miền Bắc nước ta có tục lệ cắm cành hoặc cây đào để đón xuân, xem như đón sự may mắn, tốt đẹp của năm mới như màu sắc và hình dáng đẹp của hoa. Hoa đào còn được dùng chữa bệnh phù thũng, táo bón, làm đẹp da...



ĐÀO TIÊN

Crescentia cujete L.

Long-leaved calabash tree

Calebassier à feuilles longues

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Còn gọi là *bầu cây*. Hoa mọc đơn độc ở đầu cành hay kẽ lá, buông thõng xuống. Đài xanh làm thành hai môi, cánh tràng màu xanh. Có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, nhập trồng nhiều ở nước ta như vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là ở Cần Thơ.



ĐẦU LÂN*Couroupita surinamensis* Mart. ex Berg*Couroupita**Couroupite**Họ Lộc vừng (Lecythidaceae)*

Hoa là chùm mọc ở thân, có khi dài đến 0,5 - 1m. Hoa lưỡng tính, thơm, to. Cánh tràng lõm, cong nở ra tròn đều, màu đỏ vàng, gốc đỏ tím hay vàng. Nhị nhiều, xếp sát nhau kín cả họng hoa. Có nguồn gốc từ Nam Mỹ, được trồng ở các tỉnh miền Nam nước ta để làm cảnh.



ĐẬU BẮP

Abelmoschus esculentus (L.) Moench

Luffa

Loofah, luffa

Họ Bông (Malvaceae)

Còn gọi là *mướp tây*. Hoa màu vàng tươi với tâm màu đỏ đậm, mọc ở nách lá. Hoa có 5 cánh, nhị nhiều, dính nhau thành cột. Ra hoa từ tháng 5 - 8.



ĐẬU BƯỚM

Clitoria ternatea

Butterfly pea

Pois-papillon

Họ Đậu (*Fabaceae*)



Cây leo, hoa mọc ngược, màu xanh tím.
Nguồn gốc từ châu Á (Ma-lai-xi-a).

ĐẬU LUPIN LÁ RỘNG*Lupinus polyphyllus**Large-leaved lupine**Lupin à feuilles larges**Họ Đậu (Fabaceae)*

Cây thảo hoặc cây bụi nhỏ. Hoa mọc thành chùm hình bông lúa, gồm nhiều hoa lẻ hình bướm, có mùi thơm đặc biệt. Ở Mỹ trồng làm cây cảnh vì cho hoa đẹp và thơm.



ĐẬU MÈO

Mucuna benettii ; *M. utilis* Wal. ex. Wight

Mucuna, red jade-vine

Pois pouilleux, mucuna

Họ Đậu (*Fabaceae*)

Dây leo, hoa nhiều xếp thành chùm ở nách lá, rủ xuống ; mỗi mẫu mang từng cụm 2 - 3 hoa màu đỏ. Ra hoa tháng 7 - 9.



ĐẬU THOM

Lathyrus odoratus L.

Sweet pea ; everlasting pea; fragrant pea

Pois musqué ; pois de senteur

Họ Đậu (Fabaceae)



Còn được gọi là *đậu hương*, *đậu hoa*. Cây leo. Cụm hoa thành chùm mang ít hoa, mọc ở nách lá. Hoa to, có một cánh cờ lớn lật lên, có hương thơm dễ chịu và màu sắc thay đổi tùy từng chủng, từ màu trắng qua màu hồng, đỏ rồi tím. Hoa nở dày đặc, che hết cả lá trên giàn, có thể cắt hoa để cắm vào chậu làm cảnh. Được trồng làm cảnh vì cho hoa đẹp. Trồng bằng cách gieo hạt trên đất thịt. Có nguồn gốc từ đảo Xi-xin (I-ta-li-a). Hoa tượng trưng cho *niềm vui vĩnh viễn* vì hương thơm nồng nàn và khả năng nở nhiều, nở liên tục.

ĐỒ QUYÊN

Rhododendron simsii Planchon. ; *R.annamense Rehd.*

Rhododendron

Rhododendron

Họ Đỗ quyên (Ericaceae)

Cây bụi dày, tán đẹp. Cụm hoa ngắn mang ít hoa. Hoa lớn màu hồng, ống vảnh cao và xẻ 5 phiến loe rộng ở đỉnh. Quả nang, lúc chín không lông. Có nguồn gốc từ vùng núi cao châu Á nhiệt đới, ở Việt Nam có ở vùng núi cao Trung Bộ, Bạch Mã, Quảng Trị,... Được gây trồng làm cảnh do hoa nở vào mùa xuân, mùa hoa kéo dài, bền. Ưa khí hậu mát, ẩm ; cần chăm sóc kĩ cây mới cho hoa. Trên thế giới có tới 800 loài đỗ quyên. Nó cũng đã được trồng làm cảnh từ 1500 năm về trước và được người Trung Quốc xếp vào bảng " thập đại danh hoa", là "nàng Tây Thi". Đỗ quyên còn dùng để chữa một số bệnh thông thường.



ĐỒ QUYÊN Ấn Độ

Azalea indica

Azalea of India

Azalée d'Inde

Họ Đỗ quyên (*Ericaceae*)



Cây bụi nhỏ giống đỗ quyên, có hoa hình ống dài, đầu loe, màu hồng tía. Nguồn gốc từ vùng núi châu Á (Ấn Độ) Trồng làm cảnh.

ĐỒ QUYÊN HỒNG

Rhododendron arboreum

Alpine rhododendron

Laurier à fleurs; rose des Alpes

Họ Đỗ quyên (Ericaceae)



G giống đỗ quyên nhưng
cho hoa màu hồng.



ĐỒ QUYÊN VÀNG

Rhododendron ponticum

Yellow azalea

Azalée pontique jaune

Họ Đỗ quyên (*Ericaceae*)



Gống đỗ quyên nhưng cho hoa màu vàng.

ĐỒNG TIỀN*Gerbera jamesonii* Bolus ex. Hook.*Coin-flowered plant**Plante à fleur-piécette**Họ Cúc (Asteraceae)*

Còn gọi là *cúc đồng tiền*. Cây thảo rễ chùm. Cụm hoa hình đầu mọc đơn độc trên một cán hoa cao khoảng 20 - 40cm. Hoa hình lưỡi ở ngoài, màu đỏ, vàng, hồng..., hoa ở trong hình ống. Ra hoa quanh năm, có nhiều vào dịp Tết. Gốc Nam Phi, được nhập trồng ở nước ta từ đầu thế kỉ XX, hiện được trồng phổ biến ở nhiều nơi. Có hai loại: đồng tiền đơn và đồng tiền kép. Hiện nay, phổ biến là loại đồng tiền kép có màu sắc đa dạng như đỏ, trắng, hồng, tím... Hoa đồng tiền được xem là biểu tượng của *sự may mắn và sung túc*.



ĐƠN BUỐT*Bidens pilosa* L.*Spanish needle**Chrysanthème d'Espagne**Họ Cúc (Asteraceae)*

Còn gọi là *đơn kim*, *mẫu đơn ta*, *tràng*. Cụm hoa mọc trên cọng dài, các hoa ngoài vô tính màu trắng, hoa trong lưỡng tính, hình ống, màu vàng. Mọc hoang phổ biến tại nhiều vùng ở nước ta.



ĐƠN ĐỎ

Ixora coccinea L.

Red ixora

Ixora rouge

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Còn gọi là đơn đỏ lùn.

Cây mọc thành bụi.

Hoa hợp thành cụm khá lớn ở ngọn cành, màu đỏ.

Đài 4, ống tràng hẹp, phía trên chia 4 thùy hẹp. Ra hoa vào mùa hạ, mùa thu. Được trồng khá phổ biến để làm cảnh vì cho hoa đẹp.



ĐƠN ĐỎ HOA TO

Ixora duffii ; *I. macrothyrsa* (Teijsm. & Binn.) F. Moore.

Grandiflorous ixora

Ixora à grandes fleurs

Họ Cà phê (Rubiaceae)



Còn gọi là *trang đỏ*, *trang to*. Cây bụi, phân cành nhánh nhiều. Cụm hoa to, có khi rộng đến 20cm, mọc trên cuống chung dài, mang rất nhiều hoa nhỏ, màu đỏ thẫm xếp khít nhau. Hoa nở quanh năm, nhiều nhất vào mùa mưa. Có nguồn gốc ở Ấn Độ.

ĐƠN HỒNG

Ixora rosea Wall.

Pink ixora

Ixora rose

Họ Cà phê (*Rubiaceae*)



Còn gọi là *trang hường*. Cây bụi. Cụm hoa có rất nhiều hoa ở ngọn, màu hồng thắm như son. Trồng làm cảnh vì hoa đẹp.

ĐƠN TRẮNG

Ixora finlaysoniana Wall.

White ixora

Ixora blanc

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Còn gọi là *trang trắng*, *trang thơm*. Cây nhỏ. Cụm hoa mọc ở đầu cành, dày đặc, hoa có màu trắng, thơm. Bông hoa không có cuống, cánh hoa hợp thành ống tràng dài hẹp, trên chia 4 thùy hình xoan ngược. Hoa nở quanh năm. Được trồng trong bồn hoặc lối đi trong công viên để làm cảnh.



ĐƠN VÀNG*Ixora stricta* Roxb.*Yellow ixora**Ixora jaune**Họ Cà phê (Rubiaceae)*

Còn gọi là *trang vàng*. Cây nhỏ mọc thành bụi. Hoa mọc thành cụm ở đầu cành, có màu vàng tươi, hoa có 4 cánh, ống tràng hẹp hình trụ. Ra hoa quanh năm. Được trồng để làm cảnh.

ĐU ĐỦ

Carica papaya L.

Papaya, melon-tree

Papayer

Họ Đu đủ (*Caricaceae, Papayaceae*)



Cây cao 5 - 10m. Hoa có màu vàng nhạt hơi xanh mọc ở nách lá. Hoa có nhiều loại : hoa đực, hoa cái, hoa lưỡng tính. Cụm hoa đực thường phân nhánh, có cuống dài thông xuống. Các cụm hoa cái chỉ gồm 2 - 3 hoa. Hoa đực còn được dùng chữa bệnh ho có đờm, ho gà ở trẻ em.

ĐUÔI CÔNG

Plumbago indica L. ; *P. rosea* L.

Plumbago

Plumbago

Họ Đuôi công (*Plumbaginaceae*)



Còn gọi là *bướm bướm đỏ*, *xích hoa xà*.
 Cây thảo, mọc thành bụi. Hoa hợp thành bông dài ở đỉnh, đôi khi có phân nhánh ở phần trên. Đài hình trụ, có lông bao phủ. Tròng màu đỏ, dài gấp 4 lần đài, có 5 thùy trải ra. Nhị 5. Bầu nhỏ, vòi nhụy chia thành 5 nhánh. Trồng trên khắp nước ta làm cảnh.

ĐUÔI ĐIỀU

Iris japonica Thunb.

Japanese iris

Iris du Japon

Họ Lay ơn (*Iridaceae*)

Còn gọi là *huệ Nhật*, *diên vĩ*. Cây thảo, mọc bò. Cụm hoa hình chùm mọc ở ngọn thân, vượt quá lá, phân thành nhiều nhánh, mỗi nhánh là một cụm gồm 3 - 4 hoa to, màu tím nhạt. Lá dài có mép nhăn nheo, màu vàng, có một cái mào ở giữa. Cánh hoa ngắn hơn và trải ra. Nhụy có các cánh vòi nhụy dài, chẻ sâu ở ngọn, giống như cánh hoa. Nhị nằm ngay dưới các cánh vòi nhụy này. Được trồng ở một số nơi (Sa Pa) để làm cảnh. Có tới hơn 200 loài đuôi điều khác nhau với nhiều màu : xanh da trời nhạt, các loại tím, vàng, trắng... Tên tiếng Anh của loài hoa này là Iris, cũng là tên một nữ thần Hi Lạp, là sứ giả đưa tin của các vị thần linh từ "con mắt Thiên đường" xuống cho nhân loại qua vòng cầu vồng rực rỡ. Hoa cũng là biểu tượng của Hoàng gia và được xem như là sự che chở của thần thánh hàng thế kỉ trên khắp thế giới trước đây.



ĐUÔI ĐIỀU HAI MÀU

Dietes bicolor
African bicoloured iris
Iris bicolore
 Họ Lay ơn (Iridaceae)



Cây thảo giống cây đuôi điều, lá hình kiếm, hoa màu vàng có đốm màu nâu rất đẹp.

ĐUÔI ĐIỀU HOA VÀNG

Iris chrysophylla

Yellow-flowered iris

Iris à fleurs jaunes

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Hoa giống cây đuôi điều nhưng có màu trắng ngà. Lá dài có nhiều vân màu tím và đốm vàng. Cánh tràng màu trắng. Hoa đuôi điều vàng được coi là biểu tượng của *ngọn lửa* và *sự đam mê tình yêu*. Cây trồng làm cảnh.



ĐUÔI ĐIỀU PHI*Dietes iridioides**African iris**Iris d'Afrique**Họ Lay ơn (Iridaceae)*

Hoa màu tím nhạt, lá dài bọc ngoài có đốm vàng tươi, đối diện với cánh tràng. Ở tâm, có vòi nhị, nằm đề lên và che lấp một phần vòi nhụy. Bầu hạ. Cây trồng làm cảnh.



ĐUÔI ĐIỀU TÍM

Iris tenax

Purple iris

Iris violet

Họ Lay ơn (*Iridaceae*)

Cây bụi ; lá dài, mảnh.
Cụm hoa mọc từ gốc,
cao hơn lá. Hoa đẹp, màu
tím nhạt có sọc trắng. Cây
trồng làm cảnh.



GAO

*Gossampinus malabarica (DC.) Merr.**India kapok**Bombax, kapok d'Inde**Họ Gạo (Bombacaceae)*

Cây gỗ lớn có cành mọc ngang. Về cuối mùa xuân, hoa nở đỏ rực khắp các cành cây (lúc này cây không có lá). Đài hoa màu xanh, dày như da, bao bọc nụ hoa. Khi hoa nở, đài rách thành 3 - 5 mảnh không đều. Tràng 5, màu đỏ. Nhị nhiều. Mọc phổ biến ở vùng nông thôn nước ta. Cánh hoa có vị ngọt, tính mát dùng để thanh nhiệt, lợi tiểu, chữa viêm ruột, kiết lỵ, rong kinh, chảy máu dạ dày, sỏi thận...



GIÁNG HƯƠNG ĐEN

Pterocarpus indicus

Burmese rosewood

Padouk, ptérocarpe ébène

Họ Đậu (Fabaceae)



Cây gỗ lớn, với nhiều chùm hoa vàng rất thơm. Gốc từ Đông Nam Á.



Desmos chinensis Lour.

Chinese unona

Unona de Chine

Họ Na (*Annonaceae*)

Còn gọi là *hoa dẻ thơm*, *nối côì*, *chập chại*. Cây nhỏ, mọc bò. Hoa thường mọc đối diện với lá, rất thơm, cánh hoa 6, màu lục vàng, dài tới 8cm, rộng 1 - 2 cm, nhị cao 1,5 cm. Lá noãn nhiều. Ra hoa vào tháng 5. Thường mọc ở ven rừng. Hoa có thể thu hái cất tinh dầu để chế nước hoa.



GIÈ NAM BỘ

Desmos cochinchinensis Lour.

Cochinchinese unona

Unona de Cochinchine

Họ Na (*Annonaceae*)

Còn gọi là *hoa dẻ lông đen, chập chại*. Cây nhỡ leo. Hoa mọc ngoài nách lá, thơm, màu vàng tươi, cánh hoa dài, có lông. Ra hoa tháng 5 - 7. Thường gặp ở ven rừng, đồi từ Nghệ An đến các tỉnh Nam Bộ. Hoa hãm lấy nước uống an thần.



GỐI HẠC TÍA

Leea rubra Bl.

Purple flamingo-knee plant

Plante-flamant pourpre

Họ Gối hạc (Leeaceae)



Cây leo dạng bụi. Hoa mọc thành ngù nhiều hoa. Hoa nhỏ màu tía. Đài 5, tràng 5, nhị 5, chỉ nhị cong thành móc. Ra hoa vào tháng 6. Mọc hoang trong rừng, có nhiều ở Nam Bộ.



GỪNG

Zingiber officinale Rosc.

Ginger-plant

Gingembre

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cụm hoa dài 5 cm, rộng 2 - 3 cm trên một cán hoa dài 20 cm mọc từ gốc. Lá bắc màu lục nhạt. Đài có 3 răng ngắn. Tràng có ống dài gấp đôi đài, cổ 3 thùy hẹp, nhọn; 1 nhị. Cánh môi màu vàng viền màu tím. Ra hoa vào mùa hạ, mùa thu.



GỪNG ĐỎ

Alpinia purpurata

Red ginger

Gingembre rouge

Họ Gừng (Zingiberaceae)



Còn gọi là *riêng đỏ*.
Lá dài màu đỏ rực.
Tràng hoa cũng đỏ
chói, mặc dù chỉ có
một đoá nở.



GỪNG VÀNG

Zingiber zerumbet

Yellow ginger

Gingembre jaune

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cỏ có 1 nhị thực, hoạt động được kèm 2 nhị thêm, không hoạt động. Thuỳ các cánh tràng hẹp, dính thành 1 bao hoa hình ống. Nhụy rất mảnh mai, nằm nép giữa 2 túi phấn màu vàng. Vòi nhụy lộ ra khỏi đỉnh của nhị.



HÀI NHI CÚC*Kalimeris indica* (L.) Sch. - Bip.*Kamimeris**Kalimère**Họ Cúc (Asteraceae)*

Cây thảo sống nhiều năm, phân nhiều cành nhánh mảnh. Cụm hoa đầu màu lam ở ngọn thân và các nhánh, xếp thành chùy dạng ngù. Hoa ở rìa hình lưỡi, hoa ở giữa hình ống. Mọc hoang và được trồng làm cảnh.



HẢI ĐƯỜNG

Thea amplexicaulis Pitard

Amplexicaulous tea-plant

Théier amplexicaule

Họ Chè (*Theaceae*, *Ternstroemiaceae*)

Cây bụi. Hoa mọc 2 - 3 cái một ở gần ngọn, không có hương thơm. Cánh hoa màu đỏ, tròn, dính nhau ở gốc. Nhị nhiều, màu vàng. Trồng làm cảnh. Hoa nở vào dịp Tết. Thường được cắm trên bàn thờ ngày Tết vì hoa đẹp và lâu tàn.



HÀNH TA

Allium fistulosum L.*Welsh onion, catawissa, cibol**Cive, ciboule**Họ Hành (Alliaceae)*

Còn gọi là *hành* *hoa*. Cụm hoa hình đầu tròn, chứa nhiều hoa, cuống ngắn, bao hoa có các mảnh hình trái xoan nhọn. Nhị nhiều, bao phấn mọc thò ra ngoài. Ra hoa vào mùa hạ.



HOA BIA

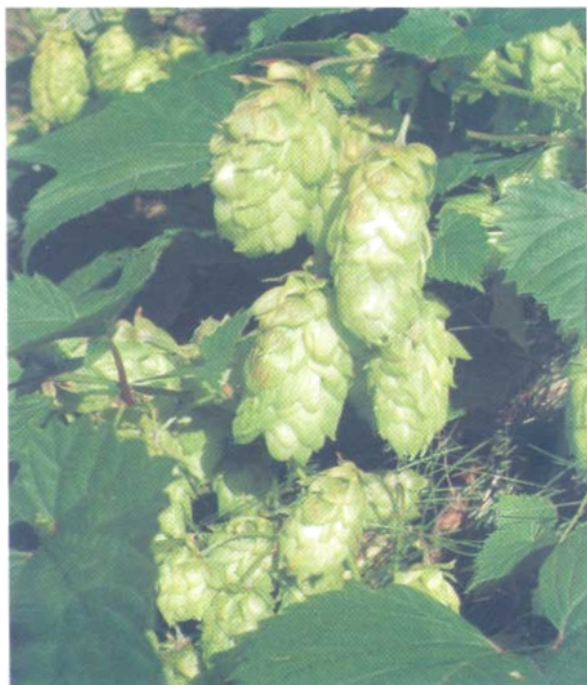
Humulus lupulus L.

Hop

Houblon

Họ Gai mèo (*Cannabaceae*, *Canabinaceae*)

Còn gọi là *húp lông*. Cây leo, hoa có màu lục nhạt. Hoa đực tập hợp thành chùy thưa, hoa cái hợp thành xim co tròn hay hình nón mọc ở nách lá. Ra hoa vào tháng 6, tháng 7. Nhập nội vào nước ta, được trồng ở các vùng núi cao như Mộc Châu để lấy hoa ướp rượu, bia, làm cho bia có mùi thơm đặc trưng và vị đắng đặc biệt.



HOA BƯỚM

Viola tricolor L.

Pansy

Pensée

Họ Hoa tím (Violaceae)



Còn gọi là *hoa păng-xê*, *hoa tím thơm*. Cây sống hằng năm hay hai năm. Hoa to mọc đơn độc trên một cuống dài, lá dài có móng ngắn; 4 cánh hoa với 2 cánh hướng lên trên và 2 cánh ngang. Cánh hoa to, có nhiều màu sắc, trông xa như hình bướm đậu nên có tên là hoa bướm. Ra hoa vào mùa xuân, mùa thu. Có nguồn gốc châu Âu, được nhập vào nước ta từ đầu thế kỉ XX, trồng làm cảnh. Ưa khí hậu mát, được trồng nhiều ở Đà Lạt. Tên păng-xê có nghĩa gốc của tiếng Pháp là *ý nghĩ* nên hoa păng-xê được quan niệm là "vật kỉ niệm" hay là "sự hoài niệm".

HOA CHÔNG

Barleria cristata L.

Thorny-flowered plant

Plante à fleurs épineuses

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây thảo hay cây nhỡ. Hoa to, mọc đơn độc hay thành bông ở ngọn hay nách lá. Lá bắc hình sợi; lá dài 4, có răng nhọn; tràng 5, màu xanh hay hồng, có ống hình phễu dài, phía trên xẻ 5 thùy gần đều nhau. Ra hoa vào tháng 5 - 10. Là loài của Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Mọc dại và được trồng làm cảnh.



HOA CHÔNG VÀNG

Barleria prionitis L.

Yellow barleria

Barleria jaune

Họ Ô rô (*Acanthaceae*)



Còn gọi là *gai kim*. Cây nhỏ. Hoa mọc ở nách lá, mọc đơn độc hoặc chụm 3 chiếc một. Ở nước ta mọc phổ biến, được trồng làm cảnh và làm hàng rào.

HOA CHUÔNG ĐỎ

Spathodea campanulata P. Beauv.

African tulip tree

Faux tulipier

Họ Núc nác (Bignoniaceae)



Còn gọi là *đỉnh phượng hoàng*, *so đo cam*, *hồng kì*. Cây gỗ lớn. Cụm hoa ngắn và dày đặc mọc ở ngọn thân hay cành. Mỗi hoa lớn với cánh hoa dính thành ống rộng hơi cong, chia 5 thùy nhẵn nheo màu vàng đậm hay đỏ cam hoặc phía dưới cánh hoa đỏ ửng, vàng. Hoa nở rộ trên tán lá vào mùa khô, mùa hoa thường kéo dài. Có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới. Được trồng trên đường phố, công viên nước ta.

HOA ĐÁ

Echeveria glauca Hort. et Baker*Lotos-shaped crassula**Crassula en forme de lotus*

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Còn gọi là *cây liên đài*, *sen đá*. Cây thảo có lá mỏng nước rất dày xếp thành hình hoa thị ở ngọn thân, trông giống như hoa sen. Cụm hoa mọc ở nách lá. Hoa nhỏ, màu trắng hay vàng, đài 5, tràng 5, nhị 10, lá noãn 5. Được trồng để làm cảnh.



HOA GIẤY

Bougainvillea spectabilis Willd.

Paper-flowered plant

Bougainvillier

Họ Hoa phấn (Nyctaginaceae)



Còn gọi là *bông giấy*. Cây leo, thân gỗ mọc nhanh. Cụm hoa thường có 3 hoa, mỗi hoa gắn trên 3 lá bắc có màu sắc thay đổi từ trắng, cam, hồng, tím, đỏ xác pháo,... Quả bế tròn hoặc cụt ở ngọn. Có nguồn gốc Bra-xin. Hiện được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Nam làm cây cảnh leo hàng rào, hoa trở vào mùa khô và gần như nở quanh năm. Các nhà làm vườn nước ta gây trồng nhiều dạng hoa có màu sắc khác nhau hoặc lai ghép trên một cây cho hoa đủ màu bán vào dịp Tết Nguyên đán để làm cây cảnh.

HOA GIẤY ĐỎ

Bougainvillea spectabilis Willd. var lateritia Lemaire

Red paper-flowered plant

Bougainvillier à fleurs rouges

Họ Hoa phấn (Nyctaginaceae)

Có hình dạng giống hoa giấy tím, phân biệt nhau ở đặc điểm : Hoa giấy đỏ có lá bắc màu đỏ gạch. Loại này ít thấy hơn giống hoa màu tím. Cũng được trồng làm cảnh.



HOA GIẤY TÍM

Bougainvillea brasiliensis Willd.

Violet paper-flowered plant

Bougainvillier à fleurs violettes

Họ Hoa phấn (Nyctaginaceae)



Cây leo có thân hoá gỗ. Hoa mọc thành cụm ở đầu cành, có lá bắc màu sắc sỡ hoặc màu tím, dài bằng các hoa hay dài hơn, hình trái xoan, thường bị nhầm là cánh hoa. Bao hoa màu tím ở phía ngoài, màu vàng nhạt ở phía trong. Nhị thường 8, dính liền ở gốc thành hình chén. Ra hoa gần như quanh năm.



HOA HIỀN

Hemerocallis fulva L.
 Day lily, tawny day lily
 Hémérocalle, lys diurne
 Họ Huệ tây (Liliaceae)



Còn gọi là *huyền thảo*. Cây thảo có thân rễ phình thành củ. Trục hoa cao bằng lá, phân nhánh ở phía trên, mang 6 - 12 hoa. Hoa to màu vàng đỏ, dài 8 - 10cm. Bao hoa hình phễu, phía trên xẻ 6 mảnh hình cánh hoa có sọc ngang. Ra hoa vào mùa hạ và mùa thu. Mọc hoang và được trồng ở nhiều nơi để làm cảnh và lấy hoa nấu canh ăn. Theo đông y, hoa hiên có vị ngọt, tính mát có tác dụng làm yên ngũ tạng, an thai, lợi tiểu, giúp sáng mắt, nhẹ mình,...

HOA HỒNG

Rosa chinensis Jacq. ; R.indica Auct

Rose

Rose

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Còn gọi là *hoa hường*. Cây bụi, cành non, nhẵn, có nhiều gai cong, mập. Hoa hợp thành nụ thưa ở đỉnh hoặc đơn độc ở nách lá. Hoa to, cánh hoa lớn, màu sắc đa dạng : đỏ, trắng, hồng, cam,...có mùi thơm. Đế hoa lõm. Lá dài có mặt ngoài nhẵn, mặt trong có lông. Cánh hoa lõm, do nhị biến đổi thành, xếp thành nhiều lớp. Nhị nhiều, chỉ nhị nhẵn, bao phấn hình bầu dục. Vòi nhụy thường ngắn hơn nhị. Lá non nhiều, rời nằm trong đế hoa. Đế hoa về sau tạo thành một quả giả hình trứng ngược. Ra hoa quanh năm. Được trồng phổ biến trên khắp thế giới làm cảnh hoặc để chế nước hoa, mỹ phẩm. Còn được dùng trong đông y làm thuốc chữa bệnh bạch hầu, viêm mủ da, ỉa chảy...

Theo người phương Tây, hoa hồng còn là biểu tượng của tình yêu và nên người ta thường tặng hoa hồng cho người mình yêu.



HOA HỒNG BẠCH

Rosa chinensis sp.

White rose

Rose blanche

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

G iống hoa có màu trắng hơi phớt hồng. Hoa hồng bạch tượng trưng cho sự ngây thơ, duyên dáng và dịu dàng.



HOA HỒNG NHUNG

Rosa chinensis sp.

Red rose

Rose rouge

Họ Hoa hồng (Rosaceae)



Giống hoa có màu đỏ thắm như nhung. Hoa hồng nhung tượng trưng cho tình yêu say đắm và cuồng nhiệt.



HOA HỒNG VÀNG

Rosa chinensis sp.

Yellow rose

Rose jaune

Họ Hoa hồng (Rosaceae)



Gióng hoa có màu vàng tươi, tượng trưng cho một tình yêu rực rỡ nhưng kiêu sa. Tuy nhiên đôi khi là sự phản bội, muốn cắt đứt quan hệ.

HOA KÈN

Beaumontia grandiflora (Roxb.) Wall.

Beaumont plant

Beaumontier

Họ Trúc đào (*Apocynaceae*)

Còn gọi là thanh minh hoa, hũng hoa to. Cây leo to. Cụm hoa mọc ở ngọn cành. Hoa to, màu trắng hơi xanh hay hồng. Ra hoa từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau. Được trồng làm cảnh vì hoa đẹp, thơm.



HOA KÈN THOM

Beaumontia murtonii Craib.

Fragrant beaumont plant

Beaumontier odorant

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Còn gọi là *hũng thơm*, *thanh minh hoa dài lớn*. Cây leo to, gần giống hoa kèn. Hoa mọc thành xim ở ngọn ; lá bắc rộng 1cm ; đài 3cm ; tràng rộng đến 12cm, màu trắng, thơm, ống tràng cao 6cm, chỉ nhị dài 3cm, bao phấn hình dấu tên. Trồng làm cảnh.



HOA LỐC

Phlox drummondii Hook. f. ; *P. paniculata* L.

Drummond phlox

Phlox de Drummond

Họ Hoa lốc (*Polemoniaceae*)



Còn gọi là *phước*, *giáp trúc đào*. Cây thân cỏ sống nhiều năm. Hoa có cọng dài, đài cao 1cm dính thành ống 1/2. Cánh hoa dính thành ống tràng, 5 tai tù tròn. Ra hoa vào mùa xuân (ở miền Bắc), ưa nắng, thích hợp với khí hậu mát, kém chịu nóng. Cây có nguồn gốc từ bang Téch-dát (Mĩ) và Mê-hi-cô ; hiện trồng nhiều ở Đà Lạt. Có nhiều thứ và tạp chủng đủ màu : đỏ, có bột đậm, hồng, tím hay vàng, trắng.

HOA MỠM SỎI

Antirrhinum majus L. ; A. latifolium DC.

Common large snapdragon

Gueule-de-loup, mufler

Họ Mỡm sỏi (Scrophulariaceae)

Còn gọi là *hoa mỡm chó, mép dê*. Cây thân cỏ cao, sống hằng năm. Cụm hoa dạng chùm ở chót thân mang nhiều hoa lớn xếp cách nhau đều đặn và nở dần từ dưới lên trên. Hoa to, lưỡng trục : 5 lá đài gần bằng nhau; 5 cánh tràng hợp thành ống rộng hình túi ở gốc, phía trên chia 2 môi, môi dưới cong lên che miệng hoa lại trông giống như mỡm sỏi. Có nguồn gốc từ châu Âu, vùng Địa Trung Hải, hiện được trồng nhiều ở nước ta vì cho hoa đẹp. Trồng chủ yếu bằng hạt, sau khi gieo 6 - 8 ngày thì hạt nảy mầm, sau 1 tháng bung ra trồng 130 - 150 ngày thì cây ra hoa. Các nhà vườn thường trồng các chủng hoa có màu sắc khác nhau như *hoa mỡm sỏi trắng, hoa mỡm sỏi hai màu, hoa mỡm sỏi đỏ*.



HOA MỘC

Osmanthus fragrans Lour.

Fragrant osmanthus

Osmanthus odorant

Họ Nhài (*Oleaceae*)

Cây bụi nhỏ. Cụm hoa ở gần ngọn, mọc thành chùm rất thấp. Hoa nhỏ màu vàng hay hơi trắng. Đài có 4 thùy dính nhau ở nửa dưới.

Tròng 4 cánh hoa, hơi dính nhau ở gốc, dày, mép cuộn xuống dưới.

2 nhị đối nhau, bao phấn hình bầu dục ngắn. Bầu có hai lá noãn. Ra hoa vào mùa thu. Hoa rất thơm nên được dùng để ướp chè.



HOA MUỖI GIỜ

Portulaca grandiflora Hook.

Grand-flowered purslain

Pourpier à grandes fleurs

Họ Rau sam (Portulacaceae)

Cây thảo, thân bò. Lá nhỏ, nạc, mọng nước. Hoa to mọc ở ngọn, có nhiều màu sắc khác nhau : đỏ, trắng, hồng, vàng,... ở nước ta phổ biến là màu hồng cánh sen. Đài 2, ngắn, nhọn. Cánh hoa hình trứng, mỏng. Ra hoa vào mùa hè, thường nở rộ vào lúc 10 giờ nên có tên là *mười giờ*, được trồng phổ biến ở nước ta làm cảnh, trồng trong chậu hoặc rìa các luống hoa, bồn hoa.



HOA SAN HỒ

Jacobinia carnea (Lindl.) Nichols ;
Cyrtanthera carnea (Lindl.) Bremek
 Jacob's flower plant
 Plante-corail, fleur de jacob
 Họ Ô rô (Acanthaceae)



Còn gọi là *ngọc long*, *gia cốp*. Cây bụi. Cụm hoa thành ngù lớn ở ngọn, cao 8 - 10cm. Các hoa xếp sít nhau, màu hồng, dài khoảng 5cm, đỉnh chia thành 2 môi màu hồng đậm hơn. Ra hoa gần như quanh năm. Có nguồn gốc ở Bra-xin, được nhập trồng ở nước ta. Được trồng trong chậu để làm cảnh. Nhờ lai tạo, người ta đã tạo ra thứ hoa trắng rất đẹp.



HOA SAO

Hoya carnosa R. Br.*Indochina hoya**Hoya multicolore* d'Indochine

Họ Thiên lí (Asclepiadaceae)



Còn gọi là *hổ da thịt*, *cẩm cù*. Cây leo, rễ bám. Cụm hoa hình tán, mang nhiều hoa. Tán hình bán cầu to khoảng 7 - 8cm. Hoa hình sao, màu trắng, tâm đỏ, cánh hoa có lông ở mặt trên. Hoa nở vào tháng 4, tháng 5. Có nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam. Thường mọc trên các cây to trong rừng ở Đà Lạt, Bà Rịa - Vũng Tàu. Được trồng để làm cảnh.

HOA SAO KHÁC LÁ

Hoya diversifolia Blume

Hoya diversiform

Hoya

Họ Thiên lí (Asclepiaceae)



Cây leo, lá dày, hình tròn hay hơi nhọn ở gốc. Hoa xếp thành tán nhiều hoa. Cuống hoa có lông mềm. Đài và cánh hoa đều có lông mềm, cánh hoa màu hồng nhạt, tâm màu đậm hơn. Cây được trồng làm cảnh.

Chloranthus spicatus (Thunb.) Makino ; *C. inconspicus* Sw.

Chloranthus

Chloranthus

Họ Hoa sói (Chloranthaceae)

Cây bụi. Hoa mọc thành cụm ở ngọn cành. Hoa nhỏ, mỗi hoa được che chở trong một lá bắc nhỏ hình lòng thuyền, màu trắng. Nhị 3. Bầu hình trứng. Ra hoa vào mùa hạ, mùa thu. Trồng làm cảnh. Hoa thơm mát, dùng để ướp chè.



HOA TÍ NGỌ

Pentapetes phoenicea L.

Pentapetes

Pentapete

Họ Trôm (*Sterculiaceae*)

Cây thảo hằng năm. Hoa đơn độc mọc ở nách lá, cuống hoa có khớp ở đoạn giữa và tại đáy mang 3 lá bắc con hình dải nhọn. Hoa màu đỏ tím. Lá đài 5. Cánh hoa mọc xen kẽ với lá đài. Nhị 15, xếp thành 5 nhóm; nhị lép 5 xếp xen kẽ với 5 nhóm nhị. Bầu 5 ô, mỗi ô có 10 - 12 noãn. Ra hoa vào cuối mùa hạ đến đầu mùa đông. Được trồng làm cảnh vì hoa đẹp.



HOA TÍM

*Viola odorata L.**Fragrant violet**Violette odorante**Họ Hoa tím (Violaceae)*

Cây thảo nhỏ. Hoa mọc đơn độc ở ngọn trên một cuống dài, tràng màu tím hay trắng. Cánh hoa 5, trong đó cánh trước mang ở gốc và phía dưới một cái cựa lồi giữa hai lá đài gần nhất. Nhị 5 xen kẽ với các cánh hoa. Ra hoa tháng 5. Ở vùng lạnh như Đà Lạt có hoa quanh năm. Được nhập trồng làm cảnh. Đối với người phương Tây, bông hoa nhỏ bé rụt rè này giữ một vị trí cao trong nghệ thuật bày tỏ bằng hoa, vì nó là biểu tượng của "tính khiêm tốn" và "sự chung thủy".

HOA TÍM RỪNG

Viola glabella

Wood violet

Violette des bois

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây thảo giống hoa tím. Lá hình tim tròn. Hoa mọc đơn độc ở trên một cuống dài. Hoa có màu vàng tươi, rất đẹp.



HOA TÍM THƯỜNG XANH

Viola sempervirens

Evergreen violet

Violette vivace

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây thảo, thường mọc dưới tán rừng. Lá to, hình tim tròn. Hoa màu vàng nhạt, mọc đơn độc trên một cuống dài, mập.



HOA TÍM VÀNG

Viola pedunculata

Yellow violet

Violette jaune

Họ Hoa tím (Violaceae)



Nhị dính không chặt quanh nhụy. Chóp của mỗi nhị phát triển thành một lưỡi mỏng màu mã não. Túi mật thu hẹp thành một bọc nhỏ. Các bộ phận phụ của các nhị lùn cũng bị thu nhỏ thành những mấu màu lục trên các nhị nằm dưới.



HOA TÚ THỜI

Lantana camara L.

Lantana

Lantanier

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Còn gọi là *thơm ổi*, *hoa ngũ sắc*, *cúc ngũ sắc*. Hoa hợp thành bông hình cầu mọc ở nách lá và ngọn, có nhiều màu từ vàng nhạt đến vàng rồi cam đỏ, có khi lẫn màu hồng. Màu sắc của hoa có thể biến đổi theo ánh sáng. Ra hoa gần như quanh năm. Có nguồn gốc từ Trung Mĩ. Cây ưa sáng, chịu hạn, mọc hoang ở ven đường, ven ổi, đặc biệt là các vùng đất cát ven biển. Được trồng để làm cảnh.



HOA VỊ KIM

Caltha palustris L.

Yellow marsh marigold

Caltha jaune des marais, Souci d'eau, populage

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)



Cây thảo, lá tròn giống lá cây rau má. Hoa có 5 cánh màu vàng tươi mọc ở nách lá, trên một cuống nhỏ. Thường mọc ven bờ nước.



<http://tieulun.hopto.org>

HOA XUÂN*Anemone deltoidea**White windflower, Columbia wind flower**Anémone à fleurs blanches**Họ Mao lương (Ranunculaceae)*

Cây thảo, cao khoảng 10-30cm. Lá mọc vòng 3 chiếc quanh thân cây. Hoa có 5 cánh trắng muốt, mọc đơn độc trên một cuống dài. Thường mọc dưới tán các khu rừng ẩm ướt.



HOA XUÂN NHẬT

Anemone hupehensis var. *japonica*

Japanese windflower

Anémone du Japon

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Cây thảo, giống hoa xuân. Hoa có nhiều màu, thường có màu trắng, hồng; nhị vàng, nhị và nhụy bé ken dày ở tâm.



HOÀ HOÀNG

Crossandra infundibuliformis (L.) Nees ; *C. undulaefolia* Salisb.

Wavy-leaved crossandra

Crossandra à feuilles ondulées

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây thảo cứng. Cụm hoa hình bông dày ở ngọn. Hoa màu đỏ, tràng hình ống, phía trên chia 5 thùy không đều. Ra hoa vào mùa xuân. Có nguồn gốc ở Ấn Độ, được nhập trồng làm cảnh vì hoa có màu đỏ cam hay màu gạch tôm rất đẹp, được nhiều người ưa chuộng.



HOÀNG LAN

Cananga odorata (Lamb.) Hook.j. et Thoms

Ylang ylang

Ylang ylang

Họ Na (*Annonaceae*)

Còn gọi là *ngọc lan tây*, *y lang y lang*. Cây gỗ khá lớn. Hoa thường làm thành cặp trên những nhánh ngắn không lá, có 6 cánh mỏng, dài, lượn sóng, lúc còn non có màu xanh, dần dần trở thành màu vàng lục rất thơm. Ra hoa quanh năm. Được trồng ở nhiều nơi trên khắp nước ta. Ở Phi-líp-pin và In-đô-nê-xi-a, hoa được chiết lấy tinh dầu dùng làm một loại nước hoa gọi là *y lang y lang*.



HOÀNG LIÊN

*Coptis trifolia.**Goldthread**Fil d'or**Họ Mao lương (Ranunculaceae)*

Cây thảo có thân bò dưới đất. Lá có 3 lá chét khá đẹp, mép lá có răng cưa. Hoa mọc đơn độc trên một cuống dài. Mỗi hoa có 7-8 cánh trắng hay tím nhạt. Nhị nhiều.



HOÀNG THẢO HỒNG

Dendrobium hercoglossum Reichb. f; *D. poilanei* Guill.

Hooked-flowered orchid

Orchidée à fleurs crochues

Họ Lan (Orchidaceae)



Còn gọi là lan đất, mũi câu.

Cây làm thành bụi, thân hẹp như có cọng ở đáy, không có lá lúc trổ bông. Cụm hoa là chùm mọc đối diện với lá, hoa tím nhạt ; cánh môi chót có mũi cong lên giống như một cái cựa. Cây gặp từ Quảng Bình đến Đà Lạt.

HOÀNG THẢO LONG NHÃN

Dendrobium fimbriatum Hook. f.

Golden-leafed dendrobium

Dendrobium-longane

Họ Lan (Orchidaceae)

Còn gọi là *kim điệp*. Cụm hoa là chùm thưa, thống xuống mang hoa to màu vàng nghệ ; môi có bót đỏ đậm, có dạng xoan rộng, bìa rún và có rìa mịn. Hoa nở vào mùa xuân. Gặp ở Nghệ An, Kon Tum, Bảo Lộc, Đà Lạt. Trồng làm cảnh vì hoa đẹp.



HOÀNG THẢO MỖ GÀ

Dendrobium densiflorum Wall.

Yellowish orchid

Orchidée jaune-pâle, orchidée à fleurs touffues

Họ Lan (Orchidaceae)

Còn gọi là *thuỷ tiên vàng*. Là một loại phong lan sống phụ sinh. Hoa mọc thành chùm dày, to, thông, có đường kính đến 5cm ; màu vàng ; môi có tâm màu cam, hình tròn hơi vặn, rìa có răng mịn. Có nguồn gốc Đông Nam châu Á, mọc từ miền Trung đến Nam Bộ Việt Nam.



HOÀNG THẢO THUỶ TIÊN

Dendrobium farmeri Paxt.

Yellow orchid

Orchidée à fleurs jaunes, orchidée-narcisse

Họ Lan (Orchidaceae)



Còn gọi là *thuỷ tiên vàng*, *vảy rồng*. Lan sống phụ sinh mọc thành bụi. Chùm ở gần ngọn, thường ở giả hành (thân) không lá, thông, lá hoa nhỏ ; hoa vàng nhạt, môi tròn có rãnh, tâm vàng. Mọc chủ yếu ở Tây Nguyên và các tỉnh phía Nam nước ta.

HỒNG HOA

Carthamus tinctorius L.

Carthamus

Carthame, safran bâtard

Họ Cúc (*Asteraceae*)

Còn gọi là *rum*. Cây nhỏ, sống hằng năm. Cụm hoa đầu ở ngọn, bao chung gồm nhiều lá bắc có gai ở mép hay ở chóp. Hoa nhỏ, màu đỏ cam. Ra hoa tháng 5 - 7. Có nguồn gốc ở Ả Rập, nay được trồng ở nhiều nước.



HỒNG LEO

Rosa tunquinensis Crép.

Climbing rose

Rosier grim pant

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Còn gọi là *hồng bắc*. Cây nhỡ leo, thân có gai mập, cong. Hoa thường họp thành chùy hình tháp. Lá dài sớm rụng. Cánh hoa màu trắng, hình trứng ngược. Nhị nhiều, chỉ nhị ngắn, bao phấn tròn. Vòi nhụy thường dính thành một cột có lông lốm chớm hoặc rời, dài bằng bao phấn. Mọc đại hoặc trồng ven hàng rào làm cảnh.



HỒNG MÔN

Anthurium andreanum Lindl.

Andrea arum

Anthurium de Ed. André

Họ Ráy (Araceae)

Còn gọi là *vĩ hoa tròn*. Cây bụi, chịu rợp. Cụm hoa là 1 bông trên 1 cuống chung mập, dài, màu đỏ. Mo hình tim, mép hơi nhẵn, màu đỏ thẫm. Hoa màu vàng có vân trắng, cả cụm hoa tươi rất bền. Có nguồn gốc từ Cô-lôm-bi-a, hiện nay ở vườn Lục sinh hoá Thành phố Hồ Chí Minh gây trồng nhiều chủng đặc sắc cho cây lùn nhỏ, hoa có mo màu sắc thay đổi từ tím, hồng đến đỏ tía.



HUỆ

Polianthes tuberosa L.

Lily

Lis, tubéreuse

Họ Thuỷ tiên (Amaryllidaceae)



Cây có gốc củ hành, dạng quả lê dài, mọc thành một cuống hoa dài 70 - 80cm, mang nhiều hoa kép, xếp dọc theo cuống. Hoa to màu trắng muốt, có mùi thơm đặc trưng, hợp thành bông mọc 2 cái một ở nách một lá bắc. Bao hoa hình phễu, phía trên chia 6 thùy. Trồng bằng cách vùi củ hành trong đất mùn giữa tháng 3. Mỗi củ hành chỉ ra hoa một lần từ tháng 6 đến tháng 9 ; sau 1 năm, cần thay mới bằng các củ hành con mọc từ gốc mẹ, sẽ ra hoa sau 1 - 2 năm ở vùng lạnh. Hoa cắt cuống dài, bó thành chùm khoảng 10 hoa, cắm trên bàn thờ hay ở chùa... Do hương thơm ngào ngạt thường toả về ban đêm nên người ta cho rằng nó không tốt cho sức khoẻ con người nên ít ai cắm huệ trong phòng ngủ. Huệ là thứ hoa được dùng nhiều trong cúng, lễ mà ít dùng để tặng nhau.



HUỆ CHÙM HAI MÀU

Brodiaea douglasii

Bicolored cluster lily

Lis à fleurs bicolores

Họ Huệ tây (Liliaceae)

Cây thảo, cao 20-70cm. Hoa mọc thành chùm dạng tán trên một cuống dài tới 70cm. Hoa màu tím, hình chuông, trên xẻ 6 thùy, 3 thùy xếp ngoài, 3 thùy xếp phía trong. Cây thường mọc ở các đồng cỏ, dưới tán rừng ở Cô-lôm-bi-a và Mỹ.



HUỆ CHUÔNG

Convallaria majalis
Lily-of-the-valley, May-lily, Woodruff
Muguet
Họ Huệ tây (Liliaceae)

Còn gọi là
ngọc linh.

Thân căn hành
mảnh mai, hoa
trắng ngà rất
thơm, hình chuông
nhỏ. Hoa nở vào
đầu xuân, rộ vào
tháng 5. Có thể
giữ cây con trong
phòng lạnh để có
hoa quanh năm.
Mọc dại phổ biến
ở dưới tán rừng
thưa vùng ôn đới
Bắc bán cầu.
Ưa bóng râm mát,
đất giàu mùn.



HUỆ XÀ*Muscari botrioides**Musked mallow**Mauve-musquée**Họ Huệ tây (Liliaceae)*

Hoa mọc thành chùm tới 30 - 50 hoa, xếp dọc theo một cuống hoa dài và khỏe. Hoa hình cầu, màu xanh lam hoặc trắng. Ra hoa vào các tháng 3 - 4. Trồng làm cảnh, ngoài trời, nơi có nắng dịu, để viền các bồn hoa ở công viên, biệt thự, hòn non bộ.



HƯỚNG DƯƠNG

Helianthus annuus L.

Sunflower

Tournesol

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây thảo sống một năm. Cụm hoa lớn hình đầu, đường kính từ 7 - 20cm. Các hoa ở ngoài hình lưỡi, màu vàng; các hoa ở giữa hình ống, màu vàng sẫm. Cụm hoa luôn hướng về Mặt Trời nên trên cánh đồng hoa tất cả các bông đều quay về một phía, trông khá đẹp mắt. Vì thế mà có tên là



hướng dương. Ra hoa vào mùa đông - xuân. Trồng đại trà để lấy hoa làm cảnh, lấy hạt làm dầu. Có nguồn gốc từ Pê-ru. Người dân Pê-ru dùng hoa hướng dương trong các lễ hội thờ cúng *Thần Ban ngày* của họ có lẽ cũng vì đặc điểm hướng về Mặt Trời của hoa.



HUYẾT HOA

Haemanthus multiflorus (Tratt.) Martyn

Blood lily, Sea-egg, powder puff.

Lis multiflore rouge-sang

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Còn gọi là *hoa quốc khánh*. Địa thực vật có củ hình cầu lớn, có đốm màu đỏ nâu. Cụm hoa mọc trên một cuống chung mập, thẳng, cao khoảng 30cm; tổng bao trắng do nhiều lá bắc làm thành. Mỗi hoa có một cọng dài, xếp dày đặc làm thành một tán hình cầu có đường kính khoảng 10 - 15cm, gồm đến gần 100 hoa màu đỏ tươi. Hoa có cánh tràng hợp thành ống dài và phía trên chia 6 thùy dài, hẹp. Nhị đực dài, màu đỏ với bao phấn ở đỉnh màu vàng, nhị thò ra ngoài. Có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, hiện được trồng nhiều ở nước ta, thường trồng trong chậu làm cảnh. Cây mọc khoẻ, dễ trồng, thường xử lí để hoa nở vào dịp Tết.



KÉ HOA VÀNG

Sida fallax ; *Sida rhombifolia* L.

Ilima, cocklebur

Sida à fleurs jaunes

Họ Bông (Malvaceae)



Cây bụi nhỏ, cao khoảng 30 - 70cm.
Lá đơn, mép có răng cưa. Hoa
vàng, nhỏ, mọc đơn độc ở nách lá. Cây
mọc dại ở ven đường, bãi cỏ.

KHẾ

Averrhoa carambola L.

Carambole

Carambolier

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây gỗ có hoa mọc thành cụm ngắn ở kẽ các lá. Nụ hình cầu, hoa màu tím đỏ, 5 cánh hoa mỏng dính nhau ở 1/3 dưới. 5 nhị. Ra hoa từ tháng 4 đến tháng 5.



KHOAI NƯA HOA KHỔNG LỒ

Amorphophallus titanum K.Koch.

Giant flowered arrow-root

Kouniak, tacca.

Họ Ráy (Araceae)

Khoai nưa có bông mo to khổng lồ, có thể dài tới 1,37m.
Gốc từ châu Á nhiệt đới và châu Đại Dương. Mọc hoang.



KHOAI TÂY

Solanum tuberosum L.

Potato

Pomme de terre

Họ Cà (Solanaceae)

Hoa của khoai tây có màu trắng hoặc lam nhạt, mọc thành xim. Đài hình chuông, phân thùy dạng mũi mác hẹp. Tròng có ống ngắn. Bao phấn nứt ở đỉnh. Ra hoa vào mùa hạ.



KIM ANH

*Rosa laevigata Michaux**Michaux rose**Rose de Michaux**Họ Hoa hồng (Rosaceae)*

Hoa kim anh trông giống hoa hồng. Hoa mọc đơn độc, lớn, rất thơm. 5 cánh hoa màu trắng, nhị rất nhiều. Lá nõn nhiều nằm trong đế hoa lõm. Ra hoa vào tháng 2 - 3. Mọc hoang.

KIM ĐỒNG

Galphinia gracilis Bartl. ; *G. glauca* Cav. ;

Thyrallis glauca (Cav.) O. Ktze.

Slender galphinia

Galphinie gracile

Họ Dùi đục (Malpighiaceae)



Cây gỗ nhỏ mọc thành bụi. Cụm hoa là chùm tụ tán; tán ở chót nhánh mang hoa mọc thưa. Hoa màu vàng tươi, 5 lá đài; 5 cánh hoa vàng có cọng dài; 10 tiểu nhị có chỉ nhị mảnh màu vàng rồi chuyển sang đỏ. Có nguồn gốc từ Mê-hi-cô đến Pa-na-ma. Ở Việt Nam, được trồng chủ yếu ở miền Trung và miền Nam vì hoa đẹp, nở quanh năm, bền và lâu rụng.

KIM NGÂN

Lonicera japonica Thunb.

Common honey-suckle

Chèvrefeuille

Họ Côm cháy (Caprifoliaceae)

Cụm hoa mọc dày đặc trên các nách lá về phía gần dưới ngọn cành, hoa thường xếp từng đôi một. Hoa nở gần như quanh năm ở các tỉnh miền núi phía Nam và vào mùa hè (tháng 4 - 5) ở các tỉnh phía Bắc. Mùi thơm nhẹ, khi trời đang nắng bỗng có mùi thơm sức nức lên là sẽ có mưa vào 7 đến 10 giờ sau. Hoa có dáng đẹp, dạng ống, hơi cong và chia hai môi, không đều, môi trên 4 thùy, môi dưới 1 thùy, lật ra ngoài. Xuân đến, từ các kẽ lá mọc ra từng cặp hoa màu trắng, 2 - 3 ngày sau chuyển sang màu vàng. Như vậy, cùng lúc trên cây có cả hoa trắng (mới nở), hoa vàng (nở trước đó) nên nó còn có tên là *kim ngân hoa* (hoa vàng, bạc). Mùi thơm thoang thoang của hoa mang cảm giác bình an cho con người. Kim ngân có mặt ở hầu hết các thang thuốc đông y và được xếp hàng đầu trong loại thuốc thanh nhiệt, giải độc.



KIM NGÂN CÀNH

Lonicera tellmanniana

Ornamental honey suckle

Chèvrefeuille d'ornement

Họ Cỏm cháy (*Caprifoliaceae*)

Hoa mọc thành chùm ở đầu cành, nhánh, màu vàng cam. Còn loại *Lonicera confusa* có màu vàng tươi trông rất đẹp mắt. Hoa kim ngân được coi là "xiềng xích của tình yêu" do tính chất gắn bó ngọt ngào của cây, vì thân kim ngân thường quấn mềm mại vào các cây khác một cách yêu kiều và trang điểm cho cây đó bằng những vòng hoa thơm ngát.



KIM PHƯỢNG

Caesalpinia pulcherrima (L.) Sw. ; *Poinciana pulcherrima* L.

Fence flower, barbados pride

Petit flamboyant, œillet d'Espagne

Họ Vang (*Caesalpinniaceae*)

Còn được gọi là điệp ta, điệp cứng, phượng ta. Hoa hình chùm, mọc đứng, to; cánh hoa màu vàng, da cam nhạt, với các vạch dài màu đỏ, có khi màu hồng tía... Cọng hoa to, dài. Thường có 10 nhị dài, đỏ, uốn cong trông như đuôi phượng. Có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới như Ấn Độ. Được trồng làm cảnh trong chùa chiền ở miền Nam nước ta vì hoa có màu đẹp.



LẠC TIÊN

Passiflora hispida DC.

Passion-flower, hispid granadilla

Passiflore

Họ Lạc tiên (Passifloraceae)

Còn gọi là *nhãn lông*. Tua cuốn và hoa mọc ở kẽ lá. Đầu tua cuốn giống như lò xo. Hoa mọc riêng lẻ, có lá bắc chia thành những dải nhỏ như sợi tóc, về sau còn lại ở gốc quả. Các cánh hoa màu trắng hay tím nhạt. Ra hoa vào tháng 4, tháng 5. Mọc hoang và được lai trồng thành nhiều giống cho hoa đẹp làm cảnh.



LAN BỌ CẠP

Arachnis maingayi (Hook.f.) Schltr.

Scorpioid orchid

Orchidée-scorpion

Họ Lan (Orchidaceae)

Còn gọi *trí thù đồ*. Là loài phong lan to mang rễ khí sinh to. Cụm hoa gần nách lá, cứng, dài có khi gần 1m, phân nhánh và cho các hoa nở liên tục, lâu tàn. Hoa to, màu tái có bột đỏ; lá dài giữa đứng cao, lá dài cạnh và cánh hoa cong xuống; môi có thùy cạnh to, thùy giữa nhọn, đứng, vàng và hồng. Hoa đẹp nhưng không có hương. Có nguồn gốc từ Phi-líp-pin, đảo Sô-lô-môn, Tân Ghi-nê, Đông Nam Á.



L LAN CÁT-LAY-A

Cattleya Lindley

Cattleya orchid

Orchidée de Cattleya

Họ Lan (Orchidaceae)

Cát-lay-a (*cattleya*) là giống lan đẹp nhất trong họ phong lan. Hiện nay trên thế giới có khoảng 65 loài thuộc giống này. *Cattleya* được chia thành hai nhóm : nhóm 1 lá có hoa đơn độc, hoa to rất đẹp, nhóm hai lá có hoa chùm rất nhiều (có chùm mang đến 12 hoa) nhưng hoa bé. Hoa có màu sắc cực kì phong phú. Hoa thường có mùi thơm, tuy nhiên chúng rất chóng tàn, ngắn nhất là loài *Cattleya mantini* chỉ một tuần lễ, nhưng đa số các loài thuộc giống này hoa nở khoảng nửa tháng ; vài loài khác có thể lên đến 3 tuần. Hoa ra quanh năm.



LAN ĐUÔI CỎ

Aerides falcatum Lindl. ex Paxt var. *houlettianum* Veitch ;

A. houlettianum Rchb f.

Fox-tailed orchid

Orchidée queue - de - renard

Họ Lan (Orchidaceae)



Cây thân thảo, lá hình dải. Cụm hoa là chùm thưa, ngắn hơn lá, mọc từ nách lá thẳng xuống.

LAN HỒ ĐIỆP

Phalaenopsis Blume

Butterfly orchid

Orchidée papillon

Họ Lan (Orchidaceae)

Lan Hồ Điệp có 21 loài. Đây là giống có hoa lớn đẹp, cuống ngắn gom lại thành những chùm lỏng lẻo, có thể là chùm đơn hay phân nhánh. Lá dài và hoa phẳng, trải rộng, thường thì lá dài giống và gần bằng cánh hoa. Cánh môi liên tục, có góc trục kéo dài, vì mang một điểm nhú nhỏ ở gốc, phiến hoa trải rộng hay hướng lên trên một ít ... Hoa có màu sắc rất phong phú và thời gian nở rất lâu.



LAN HUỆ

Hippeastrum equestre Herb.

Valentine flower

Orchidée Valentine, fleur d'amour

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)



Có củ to ngầm dưới đất, lá mọc từng cặp hình dải, màu lục đậm. Cụm hoa mọc trên một cán tròn cao 30 - 40cm. Mỗi củ có thể cho 1 - 2 cụm hoa. Ở đỉnh có một tổng bao là 2 lá bắc, trong chứa 4 hoa màu đỏ. Lan huệ còn được đặt tên là *hoa hạnh phúc* vì 4 bông hoa có thể nở cùng một lúc (2 hoa tượng trưng cho cặp tình nhân hoặc đôi vợ chồng, 2 hoa tượng trưng cho các con).



LAN HUỆ MẠNG

Hippeastrum reticulatum Herb.

Reticulated hippeaster

Hippeaster réticulé, lis en étoile

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Địa thực vật có củ gần như tròn. Lá hình muỗng, dày ; gân chính to ; màu lục tươi, bóng. Cụm hoa là tán trên một cọng đứng cao đến 40cm ; tổng bao gồm các lá bắc nhỏ, mỏng. 4 hoa rất to trên cọng dài. Hoa có phiến hoa to dính ở đáy thành ống ; màu đỏ, có sọc màu hồng dọc ; tiểu nhị không thò ra ngoài. Hoa có tâm màu hồng, toả ra nhiều cánh nhìn xa giống như hình sao. Thường trồng trong bồn hoa, dọc lối đi ở các nơi danh thắng của Đà Lạt.



LAN HUỆ MẠNG LÁ SỌC

Hippeastrum reticulatum var. *striatifolia* Herb.

Striated-leaf hippeaster

Lis à feuilles striées

Họ Thuỷ tiên (Amaryllidaceae)

Hoa giống lan huệ mạng nhưng có sọc trắng ở giữa lá.



LAN PHƯỢNG Vĩ

Renanthera inschootiana Rolfe.

Phoenix-tailed orchid

Orchidée queue-de-phénix

Họ Lan (Orchidaceae)

Còn gọi là *huyết nhung trơn*, *phi công thiên*. Phong lan to; rễ dài thòng. Phiến lá dài. Các cụm hoa mọc từ trục lá, cứng, nằm ngang, phân nhánh và hoa thưa ra. Hoa có nhiều màu : đỏ đậm, vàng có đốm đỏ... Có nguồn gốc từ tây bắc Ấn Độ, nhập trồng ở Đà Lạt làm cảnh.



LAN THOÁT BÀO

Lycoris aurea Herb.

Golden lycoris

Orchidée dorée, ail sauvage

Họ Loa kèn đỏ (Amaryllidaceae)

Còn gọi là *tối trời*. Cây có thân hành giống củ hành tây. Hoa màu vàng kim, mọc đứng, dài 8cm, xếp từ 5 - 10 cái thành tán trên một cán hoa dài 40cm, có khi tới 60cm. Lá dài và cánh hoa hình dải - mũi mác, tạo thành một cái phễu màu vàng. Nhị nghiêng, không bằng nhau, màu vàng nhạt, chỉ nhị dài hơn bao phấn nhiều. Bầu hình trứng thuôn, màu lục nhạt. Vòi nhụy dài, đầu nhụy hình trứng màu đỏ nhạt. Có nguồn gốc ở Trung Quốc, được nhập vào nước ta trồng làm cảnh.



LAN VŨ NỮ

Oncidium sp. Swartz

Oncidium

Oncidier, orchidée-daseuse

Họ Lan (Orchidaceae)



Trên thế giới có khoảng 750 loài lan thuộc giống Vũ Nữ. Gồm các loài sống phụ, chỉ có ít loài mọc

được ở đất và ở trong các hốc đá. Cây mọc thành bụi nhỏ. Lá mềm mại thuôn dài và hẹp. Cụm hoa rất dài, cong, mềm, đôi khi rũ xuống, nguyên hay phân nhánh.

Hoa mọc thưa, hoặc xếp dày đặc trên một cuống chung.

Hoa đẹp độc đáo, có dạng con bướm hoặc dạng cô gái mang váy rộng ; nở liên tục quanh năm và trong nhiều năm. Hoa từ màu vàng rồi có

đốm đỏ nâu, đến màu nâu hoàn

toàn. Hoa có kích thước trung bình đến lớn. Cánh dài và cánh tràng thuôn dài và toả rộng. Cánh môi to lớn thường chia thành 3 thùy xoè rộng, nhẵn và gợn sóng ở mép. Gốc cánh môi dính vào cột nhị và có bướu.

Spathiphyllum clevelandii

Spathiphyllum

Spathiphyllum d'Italie

Họ Ráy (Araceae)



Cây thảo, mọc thành bụi dày. Mo màu trắng, đài phát triển với nhiều lá đài kết thành bao hoa, nâng đỡ chùm hoa mềm hình trụ, gồm rất nhiều hoa. Hoa lưỡng tính. Bộ nhị vây quanh nhụy. Mỗi nhụy có 3 thùy, 3 ô noãn. Trồng làm cảnh.

LAY ƠN

Gladiolus gandavensis Van Houtte ; *G. communis* L.

Common iris, sword-grass

Glaïeul commun

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Còn gọi là *hoa đơn*, *la đơn*. Cây thảo sống lâu, có thân hành đặc. Hoa không đều, xếp thành xim một ngã. Bao hoa hình phễu. Lá dài ở phía trên phát triển hơn các bộ phận khác trong bao hoa. 3 nhị dính trước lá đài. Bầu hạ 3 ô, 3 đầu nhụy. Các hoa ở dưới nở trước, hoa gần ngọn lần lượt nở sau. Cây có hoa quanh năm với nhiều màu sắc đẹp. Nguồn gốc từ vùng Địa Trung Hải, nay ở nhiều nước. Hoa lay ơn trắng thường được kết thành bó cho các cô dâu ôm trong ngày cưới do màu trắng tinh khiết của nó.



LAY ON CÁP LAI

Crocasmia crocosmiiflora L.

Montbretia

Glaïeul hybride du Cap

Họ Lay on (Iridaceae)

Hoa đối xứng 2 bên ; lá dài dạng cánh tràng ; 3 nhị ; bầu hạ. Gốc từ Nam Phi, được lai tạo thành nhiều giống cho hoa rất đẹp.



LÊ

Pirus communis L.

Pear

Poire

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây gỗ, có hoa mọc thành cụm. Mỗi cụm có khoảng 3 hoa mọc ở đầu cành, nách lá. Hoa màu trắng, đài 5, 6 cánh mỏng, tròn, nhị nhiều. Ra hoa vào mùa xuân. Là cây ăn quả phổ biến của các nước ôn đới.



LIỄU ĐỎ

Salix babylonica var. *lavalleyi* Dode.

Weeping willow

Saule pleureur

Họ Liễu (Salicaceae)

Còn gọi là *tràm bông đỏ*. Cây gỗ to có nhánh thòng. Cụm hoa là gié (bông) đực dài, thòng, hoa xếp sát nhau dày đặc với chỉ nhị màu đỏ nổi trên cánh hoa cũng đỏ. Hoa nở quanh năm. Có nguồn gốc Trung Quốc, được gây trồng rộng rãi vì tán cây đẹp, duyên dáng.



LIỄU TUỒNG HOA ĐỎ

Russelia equisetiformis Schl.

Coral plant, fountain bush, firecracker plant

Russelia à fleurs écarlates

Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)

Cây dạng bụi, cành rất mềm, màu lục rử xuống. Lá đơn, dạng sợi. Hoa mọc thành bông. Tràng hình ống, phía trên chia 5 thùy không bằng nhau, màu đỏ rực rỡ. Trồng làm cảnh.



LOA KÈN ĐỎ

Amaryllis belladonna Sweet

Amaryllis

Amaryllis

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)



Cây thảo sống lâu năm, thân hành. Lá hình dải. Hoa to, không đều, mọc từ 4 - 10 cái thành một tán có mo bao bọc. Lá đài và cánh hoa dính thành ống ngắn. 6 cánh hoa màu đỏ đậm xếp thành 2 lớp so le nhau. Nhị 6. Bầu hạ. Ra hoa vào tháng 12 đến tháng 2 năm sau. Được trồng trong chậu hay ven các lối đi để làm cảnh vì hoa đẹp.

LOA KÈN ĐỎ NHỆN

Gloriosa superba

Spider lily

Lis-araignée

Họ Huệ tây (Liliaceae)

Lá dài giống cánh tròng ; 3 vòi nhụy ; 6 nhị.
Bộ nhụy gần như đối xứng 2 bên.



LOA KÈN TRẮNG

Lilium longiflorum Thunb., *L. japonicum* L.

Lily of Japan

Lis du Japon

Họ Huệ tây (Liliaceae)



Còn gọi là *hoa huệ tây*. Cây thảo thân hành. Hoa rất to, thơm, màu trắng trông giống như hình loa kèn vì thế nên có tên là loa kèn trắng. Bao hoa hình phễu dài gồm 6 mảnh rời nhau. Nhị 6. Vòi nhụy 1, đầu nhụy 1 chia làm 3 núm rõ. Ra hoa vào cuối xuân, đầu hạ. Được trồng phổ biến làm cảnh, lấy hoa trang trí. Từ lâu người ta vẫn coi hoa loa kèn trắng là biểu tượng của sự thanh khiết và lòng lầy.



LONG ĐỒM XANH TÍM

Gentiana purpurea L.

Blue gentian

Gentiane bleue

Họ Long đởm (*Gentianaceae*)

Cây thân thảo, mọc trên các trảng cỏ vùng núi. Cây sống nhiều năm nhưng chỉ trổ hoa một lần và chết khi hạt vừa rơi xuống đất. Hoa thuộc dạng hợp cánh tràng, hình chuông ngược, đáy kín, các đầu cánh hoa nở xoè hình sao, màu vàng, xanh, tím tùy giống. Ra hoa vào mùa thu. Trong dân gian, loài hoa có màu xanh hiếm thấy này có ý nghĩa là "sự kiêu hãnh trong trắng".



LONG THỦ

Justicia brandegeana Wass.et Sm. ; *Beloperone guttata* Brandege
 Red shrimp plant
 Carmantine rouge
 Họ Ô rô (Acanthaceae)



Còn gọi là *rồng nhả ngọc*, *phượng hàm thư*, *cửu long nhả ngọc*. Cây thảo. Lá mọc đối. Cụm hoa ở ngọn dài 6 - 9cm, lá bắc hình trái xoan màu nâu tím, phía trên màu trắng nhạt mọc úp lên nhau. Hoa ở phía trong có 2 lá bắc con, đài có 5 răng, tràng cao 3cm, màu trắng và tím, chia 2 môi, nhị 2. Ra hoa quanh năm. Nguồn gốc ở Mê-hi-cô, được nhập trồng trong chậu làm cảnh.

LONG THỦ TRẮNG

Justicia betonica

White shrimp plant

Carmantine blanche

Họ Ô rô (Acanthaceae)



Còn gọi là *thanh táo trắng*.
Cánh đài lộ ; tràng gồm 2
môi lớn, và 2 cặp nhị so le.



LONG THỦ VÀNG

Pachystachys lutea
Yellow shrimp plant
Carmantine jaune
Họ Ô rô (Acanthaceae)

Còn gọi là *thanh táo vàng*. Cây bụi, phân nhánh ít. Cụm hoa ở ngọn mọc thẳng đứng. Lá bắc màu vàng tươi xếp sát nhau thành bông dày. Hoa nhỏ ở phía trong màu trắng ngà, dạng ống cong, nhỏ, phía trên đỉnh phân thành 2 thùy thò ra ngoài những lá bắc màu vàng trông khá đẹp mắt. Nguồn gốc từ Pê-ru, được nhập trồng ở Việt Nam làm cảnh vào dịp Tết Nguyên đán.



LÔ HỘI

Aloe barbadensis Mill. var. *sinensis* Haw. ; *Aloe vera* (L.) Burm. f.

Barbados aloe

Aloès vulgaire, aloès commun de Barbados

Họ Lô hội (Asphodelaceae)

Còn gọi là *nha đam*. Cây thân cỏ mọng nước, màu lục tươi. Lá mập không cuống, mọc vòng sát nhau. Trục cụm hoa dài có khi đến 1m, dạng chùy dài mang nhiều hoa màu vàng xanh, hoa non mọc đứng rồi sau đó rũ xuống. Các cánh hoa hợp lại thành ống, phía trên chia thùy sâu. Có nguồn gốc từ Trung cận Đông.



LỘC VÙNG

Barringtonia angusta Kurj. ; *B. pterocarpa* Kurj

Barringtonia

Barringtonia

Họ Lộc vùng (*Lecythidaceae*)



Cây gỗ lớn, có hoa màu đỏ, mọc thành chùm dài tới 40 - 50cm hay hơn, rủ xuống rất đẹp. Tròng 4, nhị nhiều, bầu 2 ô. Ra hoa vào cuối mùa hè, thường nở vào buổi chiều. Phân bố ở nhiều nơi trên nước ta. Được trồng làm cảnh vì có hoa đẹp.



LUỖI RẮN VÀNG*Lilium tigrinum**Striped lily**Lis tigré**Họ Huệ tây (Liliaceae)*

Còn gọi là *huệ đốm*. Cây củ hành vùng ôn đới, hoa mọc trên cuống dính thẳng vào ngọn thành chùm thẳng đứng ; cánh tràng giống hoa huệ trắng, nhưng lốm đốm nhiều vết tím đỏ. Trồng làm cảnh.

Myosotis alpestris ; *M. palustris* ; *M. scorpioides*
Forget-me-not
Myosotis
 Họ Vòi voi (*Boraginaceae*)

Còn gọi là *hoa lưu li*, *lưu li thảo*, *đừng quên tôi*. Cây thân thảo: Hoa mọc thành xim ngắn ở ngọn thân, đài có lông, tràng màu hồng sau chuyển màu lam, thơm, có ống dài bằng các thùy, phía trên xẻ 5 thùy. Hoa nở trông giống tai chuột, nên châu Âu còn gọi là *hoa tai chuột*. Ra hoa tháng 4 - 6. Nguồn gốc châu Âu, ưa khí hậu mát, được nhập trồng ở Đà Lạt. Có nhiều thứ hoa màu sắc khác nhau : trắng, hồng, chàm,...có thể trồng viền bồn hoa, trồng giỏ hay chậu,... Hoa tượng trưng cho niềm hi vọng về một mối tình chung thủy.



LỰU

*Punica granatum L.**Pomegranate**Grenadier**Họ Lựu (Punicaceae)*

Cây nhỏ. Hoa mọc đơn độc ở kẽ lá, có màu đỏ rực. Đài 6
 thùy dày hình tam giác, tràng 6. Nhị nhiều. Quả mọng.
 Ra hoa vào mùa hạ. Hoa tiêu biểu cho những đêm mùa hạ
 oi ả hương nồng nàn tình ý.



LÝ CHUA

Ribes rubrum L.

Currant bush

Groseillier

Họ Tai hùm (Saxifragaceae)

Ra hoa vào tháng
5 - 6 ; sống 20 - 30
năm tùy cách chăm sóc.



MẠCH MÔN

Ophiopogon japonicus Ker. - Gawl.

Serpiginus taro, *Japanese taro*

Ophiopogon du Japon

Họ Tóc tiên (*Convallariaceae*)



Cụm hoa hình chùm nằm ở đầu một cán trần dài 10 - 20cm. Hoa nhỏ, màu lơ sáng, có cuống ngắn, xếp 1 - 3 cái một ở nách những lá bắc màu trắng. Bao hoa có 6 mảnh hình trái xoan, thuần. Nhị 6 ; bầu hạ, 3 ô màu tím chứa 1 - 2 hạt. Ra hoa vào đầu mùa hạ. Cây đẹp, được trồng ở bờ các bồn hoa, nơi mát và có bóng râm.

MAI

*Prunus mume Sieb. et Zucc.**Apricot**Abricot**Họ Hoa hồng (Rosaceae)*

Cây nhỏ, gần giống cây mơ. Hoa giống hoa mơ nhưng nhỏ hơn, mọc ở nách lá. Đài 5 ; tràng 5, màu trắng, nhiều nhị. Ra hoa vào dịp Tết Nguyên đán. Hoa mai tượng trưng cho tính kiên định, sức sống trường tồn và là sứ giả của mùa xuân. Hoa mai cũng chiếm vị trí cao quý trong lòng thi nhân Việt Nam :

Mười năm chu du tìm gươm cổ

Cả đời chỉ cúi lạy hoa mai.

(Cao Bá Quát)



MAI CHIỂU THUỶ

Wrightia religiosa (Teijsm. et Binn.) Hook. f.

Pagoda apricot

Abricot des pagodes

Họ Trúc đào (Apocynaceae)



Cây gỗ nhỏ. Hoa nhỏ, có màu trắng, mùi thơm, mọc thòng trên một cọng dài, có khi đến 10cm. Có nguồn gốc từ các nước Đông Nam Á. Trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Trung và miền Nam nước ta, miền Bắc có nhưng ít. Trồng để làm cảnh, nhiều nhất ở các chùa chiền, miếu mạo.

MAI ĐỊA THẢO

Impatiens walleriana Hook. f. in Oliv. ; *I.sultanii*. Hook. f.

Sultana

Rose impatiens ; *Balsamine-impatiente*

Họ Bóng nước (Balsaminaceae)

Cây thân cỏ mọc nước. Hoa lớn, mọc cô độc trên một cọng dài 3 - 6cm và trải ra trên ngọn. 5 cánh hoa xoè rộng, phẳng, màu hồng đậm có bớt ở giữa, màu cam, màu trắng... Có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, du nhập vào nước ta từ năm 1970, trồng nhiều ở Đà Lạt vì hoa đẹp, nhiều, nhất là hoa nở quanh năm.



MAI TÚ QUÝ

Ochna atropurpurea DC.

Ochna

Ochna d'Annam, Ochna des quatre-saisons

Họ Hoàng mai (Ochnaceae)

Còn gọi là *mai đỏ*. Hoa nhỏ màu vàng, 5 lá đài màu xanh, cứng, không rụng mà còn lại cùng sự lớn lên của quả, về sau sẽ chuyển dần sang màu đỏ. Cánh tràng màu vàng tươi, mau rụng. Quả đen tồn tại lâu trên cây. Có nguồn gốc từ Nam Phi. Có hoa, quả đẹp quanh năm nên được trồng để làm cảnh.



MAI VÀNG

Ochna integerrima (Lour.) Merr. ; Ochna harmandii Lee.

White apricot

Abricotier janne

Họ Hoàng mai (Ochnaceae)



Còn gọi là *hoàng mai* hay *huỳnh mai*. Cây gỗ nhỏ. Hoa mọc thành chùm ở nách lá. Mỗi hoa trên một cọng dài, có 5 lá đài xanh. 5 cánh hoa vàng (trắng) dễ rụng ; nhiều nhị nhỏ ; Cây mọc hoang ở rừng từ Quảng Trị trở vào, đến các vùng có độ cao tới 1200m. Hiện được gây trồng làm cảnh do cây cho hoa đẹp trở vào dịp Tết Nguyên đán (thường trở sau khi ngắt bỏ lá 15 ngày). Nhiều nhà vườn đã ghép tạo ra các chủng mai có màu vàng, trắng, có rất nhiều cánh, có giống đến 150 cánh. Mai vàng nở tượng trưng cho niềm vui lớn.

MÀN MÀN CẢNH

Cleome speciosa Rafin

Cleome

Cléome

Họ Màn màn (*Capparaceae*)

Còn gọi là *màn màn đẹp*, *màng màng cảnh*, *hồng ri*. Cây thân cỏ hằng năm hay bụi nhỏ sống lâu năm. Cụm hoa là chùm đứng cao mang nhiều hoa. 4 lá đài xanh, 4 cánh hoa trắng, hồng, tím tùy giống có cuống và nở rộng, cánh có thể dài đến 4cm. 6 tiểu nhị dài, mảnh, màu hồng. Có nguồn gốc Trung Mĩ (Mê-hi-cô), được nhân trồng ở nhiều nước vì cụm hoa đẹp, hoa đặc sắc và nở gần như quanh năm.



MAO ĐỊA HOÀNG*Digitalis purpurea L.**Foxglove**Digitale pourpre ; doigtier**Họ Mỡm sói (Scrophulariaceae)*

Còn gọi là *dương địa hoang*. Hoa mọc thành dãy thẳng đứng trên một cuống dài. Hoa giống hoa mỡm sói, nhưng màu tuyền tía hoặc vàng, thường mọc rủ xuống quanh cuống chung. Vì hoa giống găng tay tách rời thành từng ngón, nên được đặt tên là *hoa ngón tay*. Hoa đẹp nên trồng làm cảnh. Giống hoa tía chứa nhiều ancaloit độc, trong đó có chất digitalin được bào chế thành thuốc trợ tim.



MAO LƯƠNG

Ranunculus sceleratus L.

Crowfoot, Buttercup

Renoncule, bouton d'or, bouton d'argent

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Cây thảo sống hằng năm. Thân nhẵn, cành thẳng. Hoa nhiều, màu vàng nhạt hoặc trắng, hợp thành cụm. Đài 5. Tròng 5. Nhị nhiều, ngắn. Ra hoa vào đầu xuân. Thường mọc ở chỗ ẩm ướt như bờ ao, ruộng ngập nước, đồng cỏ trũng..., nên châu Âu còn gọi là *hoa ếch con*.



MAO LƯƠNG ĐỒNG NỘI

Ranunculus arvensis, L.

Corn crowfoot

Renoncule des champs; bassinet

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)

Còn gọi là *mao lương đồng nội*. Hoa đơn mọc riêng lẻ hoặc hoa kép ; màu hồng, da cam, vàng nghệ (mao lương châu Á), đỏ chói... Cuống hoa có thể dài 7 - 8cm, thẳng và khỏe. Trồng vào tháng 9 - 10 ở vùng nắng ấm, vào tháng 2 - 3 ở vùng lạnh. Nở hoa vào tháng 4 - 6 hoặc sớm hơn (mao lương đỏ Thổ Nhĩ Kỳ).



MAO LƯƠNG HOA VÀNG

Ranunculus repens L.

Creeping buttercup

Renoncule rampant

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)



Hoa có nhiều nhị vàng, che lấp một phần các nhụy chen chúc ở tâm hoa. Trồng làm cảnh.



<http://tieulun.hopto.org>

MÀO GÀ

Celosia cristata L.*Amaranth* ; cock's comb ; prince's feather*Célosie* ; crête-de-coq ; amarante éléganteHọ Rau dền (*Amaranthaceae*)

Còn gọi là *bông mồng gà*, *hoa mào gà*. Cây thảo, thân thẳng đứng, nhẵn. Hoa màu đỏ, có cuống ngắn, mọc thành khối dày uốn lượn ở ngọn, trông giống như mào gà trống. Ra hoa từ tháng 7 - 10. Được trồng làm cảnh rất phổ biến ở nước ta. Nhờ lai tạo cho nhiều loại có màu sắc thay đổi, đa dạng : đỏ tươi, đỏ sẫm, cam, vàng, trắng,... Hoa mào gà còn được dùng trong đông y, là vị thuốc chữa cầm máu.



MÀO GÀ ĐỎ*Celosia argentea L. var. cristata L.**Red cockscomb**Célosie rouge**Họ Rau dền (Amaranthaceae)*

Cây thân cỏ một năm, chồi nách có lá nhỏ. Cụm hoa ở đỉnh mang nhiều hoa nhỏ mọc khít nhau thành một thảm dày màu đỏ thẫm, gồm các hoa không cuống. Có nguồn gốc châu Á nhiệt đới. Cây trồng bằng hạt, sau khoảng 70 ngày ra hoa. Thường trồng để cho hoa vào dịp Tết Nguyên đán.



MÀO GÀ TRẮNG

Celosia argentea L.

Silvery coxcomb

Célosie blanche ; queue-de-renard

Họ Rau dền (*Amaranthaceae*)

Còn gọi là đuôi
lươn hay đuôi
cáo. Cây thảo một
năm, thân phân
nhánh. Cụm hoa là
gié ở ngọn nhánh
mang nhiều hoa
nhỏ không cuống,
màu trắng. Có
nguồn gốc vùng
Đông Ấn Độ.



MÀO GÀ TUA

Celosia argentea L. forma *plumosa* (Voss.) Bakh.

Hairy silvery coxcomb

Célosie plumeuse argentée

Họ Rau dền (Amaranthaceae)

Hình dạng giống như mào gà. Cụm hoa mọc ở ngọn cây thành chùm tụ tán tua. Cây có nguồn gốc ở vùng Đông Ấn Độ, hiện được trồng làm cảnh vì cho hoa đẹp, nở vào dịp Tết Nguyên đán.



MĂNG BÀN TAY

Asparagus plumosus Bak.

Asparagus-ferr, smilax

Asperge plumeuse

Họ Măng tây (*Asparagaceae*)

Cây leo có thân mảnh, nhẵn, mang nhiều cành nằm ngang. Hoa nhỏ, màu trắng, dài khoảng 3mm, tập hợp 1 - 4 cái trên một cuống ngắn ở gần ngọn các cành. Ra hoa vào mùa hạ. Trồng làm cảnh.



MĂNG TÂY LEO

Asparagus densiflorus, L.

Coarse asparagus-fern

Asperge sauvage grimpante

Họ Măng tây (*Asparagaceae*)

Cây leo, thường có gai, với lá hẹp và dẹt mọc thành cụm 1 - 3 lá ; Hoa bé, trắng hoặc hồng nhạt, mọc thành chùm dày đặc.



MẬN

Prunus salicina Lindl. ; *P. triflora* Roxb.

Plum

Prune

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Hoa mận màu trắng, thường nhóm hợp 3 cái một. Cuống hoa dài. Đài nhẵn, các thuỳ hình mũi mác dài bằng ống. Cánh hoa hình trứng ngược, nhẵn, nguyên, tròn đầu. Nhị nhiều, từ 25 - 30, xếp thành 2 vòng, các nhị ở vòng ngoài dài bằng cánh, các nhị ở vòng trong ngắn hơn nhiều, chỉ nhị nhẵn, mảnh, hơi phình ở gốc, bao phấn tròn, nhỏ. Hoa nở về mùa xuân vào tháng 3 - 4.



MẪU ĐƠN

Paeonia suffruticosa Haw. ; *P. moutan* Sims.

Bullfinch ; peony

Pivoine ; péonie

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Cây lâu năm, có thể cao 1 - 2m, rễ phát triển thành củ. Hoa mọc đơn độc ở đầu cành, rất to. Tròng 5 - 6 hay nhiều hơn tùy theo từng giống, màu đỏ, tím hay trắng. Hoa nở vào dịp Tết. Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhập vào nước ta trồng ở vùng núi có khí hậu mát như tỉnh Lào Cai. Được trồng làm cảnh vì hoa đẹp nở vào dịp Tết.



MI-MÔ-DA

Acacia podalyriaefolia Cunn. ex. G. Don
Mimosa, sensitive plant
Mimosa
 Họ Trinh nữ (Mimosaceae)



Còn gọi là *keo lá tròn*.
 Cây gỗ nhỏ. Cụm hoa
 là chùm ở nách lá mang hoa
 hình đầu màu vàng tươi,
 thơm. Có nguồn gốc ở
 Ôt-xtrây-li-a, trồng làm cảnh
 ở Đà Lạt.

MÓNG CỌP XANH

Strongylodon macrobitrys L.
Jade vine, Philippines jade-vine
Griffes-de-jade
Họ Đậu (Fabaceae)



Còn có tên là vuốt cọp. Dây leo thân gỗ, leo bằng thân. Cụm hoa rất lớn và mang hoa dày đặc, buông thõng xuống. Hoa màu xanh, cánh cờ gần tròn lật ra sau và hai cánh dưới hẹp, hợp lại ; hoa chưa nở cong, có đầu mút nhọn như vuốt cọp. Có nguồn gốc từ Phi-líp-pin, hiện được gây trồng làm cảnh ở một vài nơi như Thiền viện Trúc Lâm và vườn hoa thành phố ở Đà Lạt.



MÓNG RỒNG

Artabotrys odoratissimus R.Br. , *A. uncinatus* (Lam.) Merr.

Climbing ylang-ylang

Ylang-ylang de Chine, ylang ylang grim pant

Họ Na (Anonaceae)

Còn gọi là dây công chúa. Cây bụi leo. Hoa mọc riêng lẻ, lúc mới nở màu xanh sau chuyển sang màu vàng nhạt, có mùi thơm như mùi chuối chín, mít chín. Tràng 2 vòng, 3 cánh ngoài hình mác, gần gốc thắt lại và dính với nhau, đầu cánh rời và loe rộng, 3 cánh trong ngắn hơn dính nhau ở gốc rồi loe rời ra. Cuống hoa lúc đầu thẳng, sau uốn cong lại như móng rồng. Ra hoa vào mùa hè. Có nguồn gốc từ Ấn-đô-nê-xi-a và Ma-đa-ga-xca. Cây được trồng làm cảnh, lấy hoa thơm để chưng, cất tinh dầu.



MỎ KẾT

Heliconia psittacorum Sesse & Moc

Parrot-billed plant

Bec-de-perroquet

Họ Chuối cảnh (*Heliconiaceae*)



Cây mọc thành bụi thưa, cụm hoa mọc trên một cuống chung dài, mọc giữa đám lá xanh. Bẹ hoa mọc đối, hẹp, láng, màu vàng tươi, nhọn. Mỗi hoa to màu da cam ; có từ 4 đến 8 hoa trong một bẹ. Cây dễ trồng, mọc khỏe, mùa hoa kéo dài, màu bền. Thường trồng phổ biến làm cảnh.

MÒ

*Clerodendrum sp. L.**Glory-tree**Clérodendron**Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)*

Cây bụi, hoa mọc thành chùm toả rộng rất đẹp. Cánh hoa trắng, bên ngoài có nhiều vân màu hồng. Cây được trồng làm cảnh.

MÒ LÔNG LẦY

Clerodendrum magnificum

Magnificent glory-tree

Clérodendron magnifique

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây bụi, hoa mọc thành chùm đỏ rực.
Đài và tràng đều có màu đỏ ; nhị 4,
dài vươn ra ngoài cánh hoa.



MỘC LAN

Magnolia grandiflora L.*Large-flowered magnolia**Magnolia à grandes fleurs*

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)



Còn gọi là ngọc lan hoa to. Hoa to, hình chén màu mỡ gà, thơm ngọt ngào, gồm các phần không phân hoá rõ của bao hoa theo kiểu hoa cổ. Đế hoa dài ra, mang nhiều nhị và nhụy. Có nguồn gốc từ châu Á và châu Mỹ. Trồng làm cảnh và lấy tinh dầu thơm cho mỹ phẩm.

MỘC LAN HOA HÌNH SAO

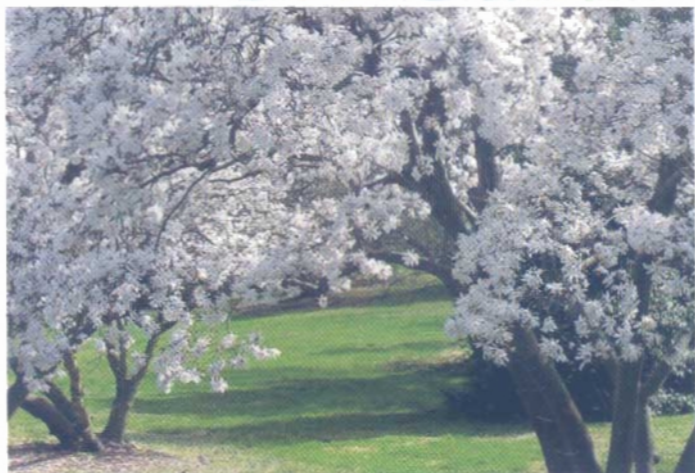
Magnolia stellata L.

Star flowered magnolia ; star magnolia

Magnolia à fleurs en'étoile

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây gỗ lớn,
cao khoảng
5-8m. Hoa trắng,
đẹp. Ra hoa vào
đầu xuân. Nguồn
gốc ở Nhật Bản.



MỘC LAN HOA HUỆ

Magnolia liliflora L.

Lily - flowered magnolia

Magnolia à fleurs de lis

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)



Hoa màu tím hồng, cánh hoa thon dài. Ra hoa vào đầu xuân.



MỘC LAN TÍA

Magnolia purpurea L.

Purple magnolia

Magnolia pourpre

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Hoa màu đỏ tía, có ít cánh tràng nhưng rất thơm.



Prunus armeniaca L. ; *Armeniaca vulgaris* Lamk.

Common apricot

Abricot commun

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây gỗ, hoa mọc đơn độc, có cuống ngắn, màu trắng. Đài hình ống, chia 5 thùy. Tràng 5, màu trắng. Nhị nhiều, xếp thành hai vòng. Trổng phổ biến ở Việt Nam. Ra hoa vào tháng 2 - 3, thường ra lá non trước khi nở hoa. Hoa mơ nở là dấu hiệu của mùa xuân đến. Ở vùng núi phía Bắc nước ta, hoa mơ nở trắng rừng tạo một sắc xuân độc đáo miền sơn cước.



MUA

Melastoma candidum D. Don

Melastoma

Mélastoma

Họ Mua (*Melastomaceae*)

Cây bụi. Hoa lớn, thường 3 cái mọc chụm lại ở đầu cành. Cánh hoa màu tím hồng, nhụy màu vàng rất đẹp. Ra hoa từ tháng 4 - 7. Mọc hoang khắp các vùng đồi, núi, trung du. Hoa mua tuy giống hoa sim, nhưng không đẹp bằng, thường được ví với người con gái nghèo, sống nơi núi non hoang dã...



MUA ĐỒNG

Pterolepis glomerata L.*False meadow beauty ; Pterolepis**Pterolepis**Họ Mua (Melastomaceae)*

Hoa của giống mua mọc trên đồng nội. Hoa mọc đơn độc, có 4 cánh mỏng màu tím nhạt, nhụy vàng.

MUA HOA TRẮNG

Melastoma candidum

White flowered melastoma

Mélastome à fleurs blanches

Họ Mua (*Melastomaceae*)

Cây bụi, lá hình trứng, phiến lá có 3 gân nổi rõ, có lông bao phủ bề mặt. Hoa to, có 5 cánh trắng, thường mọc thành cụm ở đầu cành.



MUA HỒNG ĐÀO

Tibouchina urvilleana L.

Tibouchina, lasiandra

Tibouchina

Họ Mua (Melastomaceae)

Hoa có nhị hình vuốt. Bao hoa lộ, mọc trùn lên bầu noãn và làm chỗ tựa cho bộ nhị.



MUA LEO

Medinilla magnifica L.

Medinilla

Médinilla

Họ Mua (*Melastomaceae*)

Bao phần hình vuốt,
ở chóp có lỗ thông.



Coriandrum sativum L.
Coriander
Coriandre
Họ Hoa tán (Umbelliferae)



Cây thảo, có thể cao tới 1m. Cụm hoa hình tán kép, có cuống dài phân 3 - 5 nhánh. Cánh hoa màu trắng. Ra hoa vào mùa xuân.

MUỐNG HOÀNG YẾN

Cassia fistula L.

India laburnum, golden shower

Cassie d'Inde, *cassie dorée*

Họ Vang (*Caesalpiniaceae*)

Còn gọi là *muống hoàng hậu*, *bò cạp nước*. Cây gỗ trung bình. Chùm hoa mọc thống có khi dài đến 50cm, mang nhiều hoa xếp thưa, mỗi hoa trên một cuống dài. Hoa lớn trung bình, có 5 cánh màu vàng chanh tươi. Hoa nở vào cuối xuân, đầu hạ. Thường mọc hoang ở bìa rừng ngập mặn. Nay được trồng ở nhiều nơi làm cảnh vì cho nhiều chùm hoa rủ, trông giống đồ trang sức của hoàng hậu ngày xưa.



MUỐNG NGŨ

Samanea saman (Jacq.) Merr, *Mimosa saman* Jacq,
Pithecolobium saman Benth, *Enterolobium saman* Prain
 Saman, rain tree
Mimosa saman
 Họ Trinh nữ (Mimosaceae)



Còn gọi là cònng. Cây gỗ. Hoa nở rộ vào tháng 3, tháng 4. Cụm hoa hình đầu, màu hồng, mọc trên một cuống chung dài. Hoa có cánh tràng mềm mại làm nền cho 20 tiểu nhị, có chỉ nhị dính nhau. Có nguồn gốc Trung Mỹ.

MUỐNG NHIỀU ĐÔI LÁ

Cassia multijuga Rich.

Orange-flowered cassia

Casse à feuilles multiples

Họ Vang (*Caesalpiniaceae*)

Cây nhỏ, cao từ 1- 3m.

Hoa nhiều, màu vàng tươi, vàng nghệ, mọc ở ngọn cành ; cánh hoa hình trứng, không đều nhau. Ra hoa vào tháng 8 - 9.



MUỚP

Luffa cylindrica (L.), Roem, *Luffa acutangula* (L.) Roxb.
Rag ground, loofah, luffa
Courge-torchon
Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)

Còn gọi là *mướp ta*. Cây thảo sống hằng năm. Hoa có màu vàng nhạt mọc thành chùm. Đài có thủy nhón. Hoa không có cuống, mọc đơn độc. Hoa đực và hoa cái mọc ở nách lá. Hoa đực mọc thành chùm 15 - 20 hoa, màu vàng, có 5 cánh. Hoa cái mọc đơn độc. Ra hoa vào mùa xuân, mùa hè.



MUỚP SẮT

Cerbera manghas L., *C. odollam* Gaertn.

Fragrant rag-luffa

Courge-torchon insulaire

Họ Trúc đào (Apocynaceae)



Còn gọi là *mướp sắt* hương, *mật sắt*.

Cây nhỏ, thân có nhựa mủ trắng.

Hoa mọc thành cụm ở ngọn,

màu trắng, tâm

hồng hay vàng cam, rất

thơm. Nhị 5. Ra hoa tháng 3 - 5.

Strophanthus gratus (Wall. et Hook. f. ex Benth.) Baill.

Strophanthus ; ribbon-flowered creeper

Strophanthus ; liane à fleurs en ruban

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây leo. Hoa mọc thành cụm ở đầu cành, màu hồng đẹp. Lá dài 5, tràng có ống cao, phía trên xẻ 5 thùy, có 2 vảy ở miệng. Phần cuối của cánh tràng hoa thường mọc dài thành dải lụa thông. Có nguồn gốc ở các rừng nhiệt đới châu Phi. Được nhập trồng làm cảnh, thường trồng ở giàn.



NÁNG HOA ĐỎ

Crium ensifolium Roxb., *C. amabile* Donn.

Red-flowered crium

Crium à fleurs rouges

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây thân hành to. Bẹ lá hợp thành thân giả. Trục cụm hoa hơi đẹp. Cụm hoa là tán ; hoa có mùi rất thơm. Phiến hoa dài đến 12cm, rộng bản, màu đỏ hay tía ; tiểu nhị có màu tía. Ra hoa vào mùa hạ. Thường mọc tự nhiên trong rừng hoặc các nơi ẩm ướt.



.....NÁNG HOA ĐỎ NHỆN

Hymenocallis littoralis

Spider lily

Lis-araignée

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)



Hoa giống náng
hoa trắng nhưng
màu đỏ tím, chóp cánh
tràng khểng khiu như
hình chân nhện.



NÁNG HOA TRẮNG

Crium asiaticum Linn.

White-flowered crium

Crium à fleurs blanches, crium d'Asie

Họ Thuỷ tiên (Amaryllidaceae)

Còn gọi là *chuối nước*, *đại tương quân*, *đại công tử*. Thân hành hình trụ; bẹ lá hợp thành thân giả, màu trắng. Cụm hoa gồm một trục phát hoa hơi dẹp, cao đến 40 - 60cm; tán hoa màu trắng, rất thơm, các phiến hoa hẹp, dài ; 6 tiểu nhị mang bao phấn vàng nâu. Ra hoa vào mùa xuân.



NGÂU

Aglaia duperreana Pierre, *A. odorata* Lour.

Aglaia

Aglaie

Họ Xoan (Meliaceae)



Cây gỗ nhỏ. Hoa nhỏ mọc thành chùm ở kẽ lá, màu vàng, thơm. Ra hoa vào mùa hạ. Trồng làm cảnh trong các đền, chùa. Hoa thơm nhẹ, thường dùng để ướp chè cho hương thơm ngọt hoặc được dùng làm hoa cúng.

NGHỆ

Curcuma domestica Vahl., *C. longa* L.

Curcuma, turmeric

Safran d'Inde

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Còn gọi là *uất kim*, *khương hoàng*. Cây thảo. Lá thon nhọn ở hai đầu. Hoa to, nằm giữa các lá. Cụm hoa hình trụ hay hình trứng, dài tới 20cm, có màu trắng hay xanh lục nhạt. Hoa nhỏ có cánh trắng và môi vàng nghệ nằm giữa các lá bắc. Ra hoa vào tháng 8. Hoa đẹp dùng để cắm lọ, trông khá ấn tượng.



.....NGHỆ TÂY

*Crocus vernis**Crocus**Crocus, safran printanier**Họ La đơn (Iridaceae)*

Cây củ hành nhỏ ; hoa nhiều màu tùy giống : trắng, vàng, tím, tía, xanh đậm, lam... Nở hoa sớm vào tháng 2 (đầu xuân) trong vài ba năm. Trồng tháng 9 - 10 và cả tháng 11 (nếu trời còn ấm). Mỗi chậu đường kính khoảng 10cm, vùi 7 - 8 củ hành dưới 2 - 3cm, đất xốp và ẩm trong 4 - 5 tuần, rồi đưa vào nhà hoặc vườn ươm khoảng 1 tháng trước khi muốn cây nở hoa. Trồng làm cảnh trên thảm cỏ, non bộ...

NGỌC BÚT

Tabernaemontana divaricata (L.) R.Br. ;

T.coronaria (Jacq.) Willd. ; *Nerium divaricatum* L.

Crape jasmine, *paper gardenia*

Jasmin sauvage

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Còn được gọi là *mai chỉ thiên*, *bánh hổi*, *lài trâu*. Cụm hoa lá tụ tán chia nhánh ; hoa trắng, đài xanh, vành cao 2cm xẻ 5 tai ; tiểu nhị gần miệng ống vành. Hoa thơm. Có nguồn gốc châu Mĩ, hiện được trồng nhiều nơi, bằng chiết, giâm cành ; mọc khoẻ, luôn xanh tươi và có hoa quanh năm, bền. Thường trồng làm cảnh trong vườn, bồn hoa, bãi cỏ trong công viên. Chủng hoa đẹp có cánh kép, thơm.



NGỌC LAN TRẮNG

Michelia alba DC.

White magnolia

Magnolia blanche

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Còn gọi là *ngọc lan*, *ngọc lan ta*. Cây gỗ lớn. Lá to màu lục tươi. Hoa mọc thành từng bông ở nách lá, phía trên ngọn. Hoa có màu trắng, nhiều cánh dài, mảnh, có mùi thơm dịu. Nhị nhiều, chỉ nhị ngắn và dẹt. Lá noãn ở rời xếp trên đế hoa. Ra hoa vào mùa hè, mùa thu. Theo đông y, hoa ngọc lan trắng có tác dụng chống ho, làm long đờm, chữa viêm phế quản, ho gà, viêm tiểu liệt tuyến, bạch đới...



NGỌC LAN VÀNG

Michelia champaca L.

Golden magnolia

Magnolia jaune

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây nhỏ. Hoa giống ngọc lan trắng nhưng có màu vàng, rất thơm. Nguồn gốc Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a. Trồng ở đình chùa công viên làm cảnh, lấy hoa dùng để ướp chè, cất tinh dầu chế mỹ phẩm.



NGỌC TRÂM

Eucharis sp.

Eucharis

Eucharis

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)



Cây có thân hành, tròn.

Hoa màu trắng muốt, mọc thành cụm trên một cán hoa dài.

Bao hoa 6 cánh chia ra 2 lớp, có phần phụ ở vòng trong. Bầu 3 ô, quả mở. Ra hoa vào mùa xuân, khoảng tháng 2, tháng 3. Dễ trồng, thường được trồng làm cảnh vì hoa rất đẹp.

NGŨ SẮC

Coddiaeum variegatum (L.) Bl. var. *pictum* Muell. - Arg

Eel-tail grass

Herbe queue d'anguille

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)



Còn gọi là cồ tòng, đuôi lươn, vàng bạc trở. Cây bụi hay cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều. Lá có màu sắc rất đa dạng : xanh lục, trắng, vàng hay đỏ, một màu hay nhiều màu lẫn lộn. Cụm hoa ở ngọn, có khi ở nách lá, mọc thành chùm nhiều hoa. Ra hoa vào tháng 3. Được trồng trong các bồn hoa, công viên để làm cảnh.

NGUYỆT QUẾ

Laurus nobilis

Laurel, bay-tree

Laurier, laurier sauce

Họ Long não (Lauraceae)

Cây nhỏ có lá cứng và không rụng vào mùa thu. Hoa trắng ngà, mọc ở nách lá đầu ngọn. Mỗi hoa gồm 4 lá, nhiều nhị đỏ tía và 1 bầu nhụy hình nậm rượu ở giữa.



Nguồn gốc vùng Địa Trung Hải. Thời cổ ở châu Âu, cành nguyệt quế được xem như biểu tượng của vinh quang và thắng lợi. Và câu thành ngữ : "Ngủ trên vòng nguyệt quế" hàm ý nói tới sự tự mãn sau thắng lợi.

NGUYỆT QUÝ

Murraya paniculata (L.) Jack

Orange jasmine

Myrte de Chine

Họ Cam (Rutaceae)



Còn gọi là *nhâm hôi*. Cây gỗ. Thân thẳng. Lá kép. Hoa là chùm tụ tán nhỏ, ít hoa, có màu trắng hơi vàng, nở vào ban đêm, có mùi rất thơm. Mộc đại hoặc được trồng ở nhiều nơi để làm cảnh. Hoa dùng cất tinh dầu.



Jasminum sambac (L.) Ait.*Jasmine, jessamine**Jasmin**Họ Nhài (Oleaceae)*

Cây bụi. Cụm hoa mọc ở ngọn. Lá bắc hình sợi chỉ. Hoa màu trắng, thơm ngát, nở về đêm. Đài có lông, ống hình chuông, 10 thùy hình dải. Tràng có ống khỏe, thường có 10 thùy. Nhị ngắn. Bầu cụt, đầu nhụy không vượt quá các thùy của đài. Ra hoa vào mùa hè, thu. Được trồng phổ biến làm cảnh. Hoa dùng để ướp chè. Do mùi thơm đặc biệt của hoa nhài nên ca dao có câu :

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An...



NHÀI SÓNG

Jasminum undulatum Ker-Gawl.*Undulating jessamine**Jasmin ondulé*Họ Nhài (*Oleaceae*)

Cây leo, dài tới 10m. Cụm hoa mọc ở kẽ lá hay ở ngọn hoặc trên những cành ngắn mang 1 - 2 đôi lá. Cụm thường có 3 hoa màu trắng, cỡ trung bình. Đài có ống hình chuông, 6 thùy hình dải, có lông ngắn. Tràng có ống dài, 6 - 7 thùy hình vạch, có mũi nhọn. Nhị ngắn, không tới họng. Bầu hình trứng, đầu nhụy thò ra ngoài, vòi dài. Ra hoa vào tháng 9, tháng 10. Mọc hoang ở Hà Nội, trong rừng Cúc Phương,... và được trồng làm cảnh.



NHÀI TÀU

Nyctanthes arbor.tristis L.

Chinese jessamine

Jasmin de Chine

Họ Nhài (Oleaceae)



Còn gọi là *lài tàu*, *dạ hoa*. Cây bụi nhỏ. Chùm tụ tán ít hoa; hoa màu trắng, tâm vàng. Cánh tràng dày chia 10 thùy hình bầu dục. Được gây trồng rộng rãi ở nông thôn để làm cảnh, hoa thơm dùng ướp chè, làm thuốc. Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Trung Hoa.

NHẤT ĐIỂM HỒNG

Dendrobium heterocarpum Lindl.

Heterocarpous dendrobium

Dendrobie hétérocarpe

Họ Lan (Orchidaceae)

Còn gọi là *nhất điểm hoàng*. Cây mọc thành bụi đứng. Hoa từng cặp to, màu trắng, môi hồng có sọc đỏ ; phiến hoa dài. Là loại lan rừng, hiện được trồng nhiều ở Đà Lạt.



NHẬT QUỲNH

Phyllocactus hybride
 Thorn-leaved cactus
 Cactus à feuilles en pointe
 Họ Xương rồng (Cactaceae)



Cây nhỏ mọc thành bụi. Hoa to, mọc trên một cọng dài ở nách răng của thân. Phiến hoa nhiều gợn theo xoắn ốc, màu tím đậm, đỏ cam. Nhị nhiều. Hoa lâu tàn ; nở vào ban ngày nên có tên là *nhật quỳnh*. Có nguồn gốc Trung Mỹ, được trồng vì có nhiều chủng hoa đẹp nhiều màu và thơm.



NONG TÂM

Victoria regia

Amazonian lotus, victoria

Nénuphar d'Amazonie

Họ Sen (*Nelumbonaceae*)

Còn gọi là sen A-ma-dôn. Là loài cây có lá to nhất trên thế giới, giống lá sen, trải rộng trên mặt nước, đường kính tới 2 - 3m. Ra hoa vào tháng 8. Hoa thường nở về đêm và chỉ nở trong hai ngày. Hoa to, màu hồng, nở trên mặt nước. Sống phổ biến ở lưu vực sông A-ma-dôn thuộc Nam Mỹ.



Cassia grandis L. f.
 Pink shower tree, coral shower tree
 Rose cassia
 Họ Đậu (Fabaceae)



Cây gỗ lớn, hoa màu hồng đậm. Quả dài hình trụ có nhiều hạt. Cây gặp nhiều ở miền Nam.

Ô RÔ

Acanthus ilicifolius L.

Bear's foot, acanthus

Acanthe

Họ Ô rô (Acanthaceae)



Cây nhỏ thường mọc thành bụi. Hoa mọc thành bông ở ngọn, xếp thành từng cặp. Cánh hoa màu trắng hay xanh nhạt. Đài 4, tràng hợp thành ống ngắn. Nhị 4. Ra hoa từ mùa xuân đến mùa thu. Mọc hoang.



Psidium guajava L.
Guava
Goyavier
Họ Sim (Myrtaceae)

Cây gỗ, hoa màu trắng mọc đơn độc ở kẽ lá, 4 cánh hoa tròn, nhị rất nhiều, mau tàn. Ra hoa vào tháng 4, tháng 5. Cây trồng lấy quả.



PHI DIỆP

Dendrobium superbum Reichb. var. *delacourii* Gagnep.

Magnificent dendrobium

Dendrobium superbe

Họ Lan (Orchidaceae)

Còn gọi là *giả hạc tím*. Cây bì sinh. Thân hình trụ, dài, thông xuống, chia nhiều đốt. Lá hình mũi mác, sớm rụng. Sau khi lá rụng hoa mới xuất hiện. Hoa mọc 1 - 2 cái ở mỗi đốt, màu trắng hơi phớt hồng, cánh môi có hai đốm sẫm, trông giống con bướm đang xoè cánh bay. Ra hoa vào tháng 5, tháng 6. Sống bám trên các cây gỗ lớn trong rừng và được trồng làm cảnh.



PHI YẾN

Delphinium consolida L.*Peacock ; larkspur**Delphinelle-paon**Họ Mao lương (Ranunculaceae)*

Còn gọi là *hoa la-lết*. Cây thảo, sống hằng năm. Hoa không đều, lưỡng tính, màu xanh lam hay màu trắng, mọc thành chùm. Đài 5, hình cánh, không đều, lá đài phía sau mọc dài thành một cái cựa rỗng. Tròng 2, rời nhau mang một phần phụ đứng trong cái cựa. Nhị nhiều, cao bằng nhau khi nở, hoa có hình dáng giống chim yến đang bay. Với hình dáng duyên dáng của mình, hoa phi yến mang biểu tượng của sự nhẹ nhàng, thanh thoát. Cây được trồng làm cảnh.



PHÙ DUNG

Hibiscus mutabilis L.

Rose mallow, cotton rose hibiscus

Hibiscus mutabile

Họ Bông (Malvaceae)

Cây nhỏ. Lá hình sao. Hoa lớn, có hai loại: hoa đơn có 5 cánh, hoa kép có nhiều cánh. Hoa nở nhiều, hết bông nọ đến bông kia, xoè to bằng cái bát, cánh xốp, trông giống hoa giấy, đổi màu từ sáng đến chiều vì trong cánh hoa có chất anthocyan bị ôxi hoá dần khi tiếp xúc với không khí. Sáng sớm hoa nở chum chim và trắng muốt, khoảng 10 giờ nở rộ màu phớt hồng, lúc này là lúc hoa đẹp rực rỡ; từ giữa trưa đến chiều màu hồng đậm dần và đến tối thì thành màu đỏ đậm. Sáng sớm hôm sau hoa héo rũ và thâm đen. Ra hoa từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau. Do đặc điểm đổi màu và "sớm nở tối tàn" của hoa nên nó thường được ví với những gì đẹp mà không chắc chắn, không bền lâu. Ở Việt Nam được trồng làm cảnh.



PHƯỢNG VĨ

Delonix regia (Bojer) Raf, poinciana regia Bojer

Royal poinciana

Flamboyant

Họ Đậu (*Fabaceae*)

Còn gọi là *phượng tây*.

Cây gỗ cao. Hoa màu đỏ rực mọc thành cụm, mỗi bông hoa có 5 cánh, trong đó có một cánh môi là lớn nhất, có màu đỏ pha lẫn trắng. Nhị 5. Ra hoa vào mùa hạ. Hoa phượng tượng trưng cho tuổi học trò. Khi ve kêu gọi hè về cũng là lúc hoa phượng nở. Khi hoa phượng nở là mùa thi đến. Hải Phòng trồng nhiều hoa



phượng và được gọi là "thành phố hoa phượng đỏ".



PHƯỢNG VĨ TÍM

Jacaranda mimosifolia D. Don.

Fern-tree ; green ebony

Flamboyant mauve

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Còn gọi là *phượng lam*. Cây gỗ trung bình, cành nhánh nhiều. Phát hoa là chùm tụ tán ở chót nhánh mang hoa nhỏ màu lam đẹp ; cánh tràng hợp thành ống cao 3 - 5cm, hẹp, 5 tai gần bằng nhau. Cây có nguồn gốc từ Ác-hen-ti-na, Bô-li-vi-a ; hiện được trồng ở Đà Lạt.



QUẤT

Citrus japonica Thunb.

Kumquat

Citronnier du Japon, kumquat

Họ Cam (Rutaceae)



Cây nhỏ. Hoa nhỏ màu trắng thơm, cấu tạo gần giống hoa bưởi. Ra hoa quanh năm.

QUỲNH

Epiphyllum oxypetalum (DC.) Haw.*Phyllocactus**Phyllocactus*

Họ Xương rồng (Cactaceae)



Cây không lá, thân hình trụ. Hoa mọc từ thân, cuống hoa dài mang nhiều lá bắc hình vẩy. Hoa màu trắng, nhiều, bao phấn màu trắng sữa, nở về đêm, khoảng 9 giờ tối đến sáng hôm sau thì hoa tàn. Ra hoa vào mùa thu. Do quá trình nở hoa rất đẹp nên ngày xưa, các cụ đồ Nho hay uống rượu, uống trà bên gốc quỳnh để xem hoa nở và bình thơ. Dạ hội lần đầu tiên xem hoa quỳnh nở lúc nửa đêm ở Huế là vào mùa thu năm 1939, tại nhà bào chế dầu khuynh diệp Viễn Độ. Hoa quỳnh được xem là *hoàng hậu của màn đêm*. Đó là lúc hoa mãn khai tỏa hương thơm ngào ngạt như mùi va ni.

QUỖNH HOA ĐỎ

Epiphyllum akermanii Haw. ; *Phyllocactus akermannii* Valp.

Red-flowered phyllocactus

Epiphyllle d'Acherman

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có thân dẹt màu xanh, thành đốt dài, bìa có răng. Hoa to ở đầu cành hay ở các lỗ răng trên thân. Nhiều phiến hoa gần theo đường xoắn ốc, phiến dài mảnh mai đỏ tươi ở ngoài, đỏ hồng ở trong. Nhị nhiều. Cây có nguồn gốc Trung Mỹ, được trồng vì hoa đẹp và thơm. Hiện có nhiều chủng mang hoa nhiều màu.



Citrus reticulata Blanco

Mandarine tree, mandarine orange tree

Mandarinier

Họ Cam (Rutaceae)

Cây gỗ nhỏ. Hoa nhỏ màu trắng, mọc riêng lẻ. Thường ra hoa vào mùa xuân, hiện nay có nhiều giống ra hoa quanh năm.



RẠNG ĐỒNG

Pyrostegia venusta (Ker-Gawl.) Miers

Pyrostegia

Pyrostegia

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Còn gọi là *chùm ớt*. Dây leo, lá mọc dày đặc, xanh quanh năm. Hoa hợp thành chùm, nhiều hoa ở ngọn cành, cuống chung mềm nên hoa thường rủ xuống. Hoa to, màu đỏ gạch, đẹp rực rỡ như một chùm lửa. Thường ra hoa vào mùa xuân. Có nguồn gốc Nam Mỹ. Được trồng để làm cảnh, thường trồng ở những nơi có độ cao từ 500m trở lên.



RAU MÁC

Sagittaria cuneata, *S. sagittaeifolia* L.

Arrowhead, sagittaria

Sagittaire

Họ Trạch tả (Alismaceae)



Cây thảo sống ở nước, có thân, rễ nằm trong bùn. Hoa đơn tính, đực bên trái và cái bên phải. Mỗi hoa có 3 lá đài và 3 cánh tràng. Ra hoa vào mùa thu.

RAU MUỐNG

Ipomoea aquatica Forsk.

Watercress, water morning glory

Liseron d'eau

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây thảo sống lưu niên, có thể bò trên mặt đất hay nổi trên mặt nước. Thân rỗng. Cụm hoa mọc ở nách lá gồm 1 - 2 hoa. Hoa to, hình phễu, màu trắng hay tím. Cánh hoa dính nhau thành hình phễu. Ra hoa vào mùa hạ.



RAU MUỐNG BIỂN

Ipomoea pes-caprae (L.) Sw.

Sea watercress

Liseron-d'eau marin

Họ Khoai lang (*Convolvulaceae*)

Cây thân thảo, mọc bò trên các bãi cát ven biển. Hoa hình phễu giống hoa rau muống, màu tím nhạt. Mọc dại ven biển.



RAU SAM*Portulaca oleracea L.**Purslane**Pourpier**Họ Rau sam (Portulacaceae)*

Cây thảo, mọc thấp. Lá xanh, cánh đỏ, hoa vàng là những màu đặc trưng của rau sam. Hoa mọc ở đầu cành, không cuống, cánh hoa màu vàng.



RÁY CẢNH*Anthurium andreanum* L.*Anthurium**Anthurium, alocase*

Họ Ráy (Araceae)

Cây thảo bé, có hoa (kèm theo lá đài) to, đẹp, lâu tàn, rất được ưa chuộng trong nghệ trồng hoa ở Ha-oai (Mĩ). Gốc từ châu Mĩ nhiệt đới. Trồng làm cảnh.



RÁY MÌ

Monstera deliciosa

Monstera

Monstera d'Amérique

Họ Ráy (Araceae)

Cây bò lan hoặc leo, có lá thủng lỗ chỗ ; chùm hoa to hình trụ mềm, có bao hở bọc ngoài, gồm rất nhiều hoa nhỏ mọc trên một cuống dài. Gốc từ Trung Mĩ. Quả ăn được, ngon, có mùi vị vừa giống dứa, vừa giống chuối.



RÂU MÈO*Orthosiphon spirabilis (Lour.) Merr, O. stamineurs Benth**Orthosiphon**Orthosiphon**Họ Hoa môi (Lamiaceae)*

Cây thân cỏ
sống lâu năm.

Cụm phát hoa mọc ở ngọn cành dài đến 10cm; hoa mọc thành vòng, gồm 6 - 10 vòng, mỗi vòng 6 hoa. Đài có 5 răng; cánh hoa hợp thành ống dài chia làm 2 môi ở trên, màu trắng hay tím nhạt, nhiều tiểu nhị rất dài thò ra ngoài. Có nguồn gốc ở Ấn Độ. Được trồng làm cảnh.



RÈ QUẠT

Belamcanda chinensis (L.) DC.

Leopard flower ; Chinese belamcanda

Ranevala de Chine ; belamcanda de Chine

Họ Lay on (Iridaceae)

Còn gọi là *lưỡi đồng, xạ can*. Cây thảo sống dai có thân rễ mọc bò, có lá mọc thẳng. Lá hình kiếm, mọc hai bên thân thành hai hàng trong một mặt phẳng trông giống như chiếc quạt giấy xòe ra. Cụm hoa phân nhánh, dài tới 40cm, có các nhánh mảnh trải ra trong một mặt phẳng. Hoa có cuống, xếp thành hình sao, màu vàng cam có đốm đỏ. Ra hoa vào mùa thu.



RIỀNG

Alpinia officinarum Hance
Galigale, alpinia
Galanga
 Họ Gừng (Zingiberaceae)



Cây thảo. Lá không có cuống. Cụm hoa hình chùy mọc ở đầu cành, có lông mềm, dài khoảng 10cm. Hoa mọc xít nhau, cánh môi màu trắng có vạch màu đỏ. Ra hoa từ tháng 11 năm trước đến tháng 1 năm sau.



RIỀNG HOA HỒNG

Alpinia purpurata.

Pink ginger

Gingembre rose

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây giống như cây riềng. Hoa có lá đài màu hồng. Chỉ có 1 nhị hoạt động, mọc đối diện với cánh tràng màu hồng. Còn cổ thêm 2 nhị phụ không hoạt động mọc cạnh nhị chính. Ngoài cùng là các cánh hình tam giác của tràng hoa.



RỒNG NHÀ NGỌC

Clerodendron thomsonae Balf.f.

Climbing clerodendron

Clérodendron grimpomp

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)



Còn gọi là *ngọc nữ, lồng đèn*. Cây leo. Hoa là chùm to ở đầu cành, lá bắc màu trắng; các hoa màu đỏ đậm thò ra ngoài lá bắc. Thường ra hoa vào dịp Tết Nguyên đán. Có nguồn gốc từ Tây Phi.

SÀI DẤT

Wedelia chinensis (Osb.) Merr.

Chinese wedelia

Wédélie de Chine

Họ Cúc (*Asteraceae*)

Còn gọi là *húng trám* hay *cúc nháp*, *ngổ núi*. Cây thảo lâu năm. Cụm hoa hình đầu trắng, có cuống dài mọc ở ngọn hay kẽ lá. Ra hoa vào mùa hạ.



SAO BET-LÊ-HEM*Hippobroma longiflora**Star of Bethlehem**Belle d'onze heures**Họ Hoa chuông (Campanulaceae)*

Cây thảo, lá thon, dài, mọc từ gốc; hoa mọc đơn độc trên cành mảnh, có 5 cánh trắng muốt.



SAO NHÁI ĐỎ

Cosmos diversifolius Otto

Red cosmos

Cosmos rouge

Họ Cúc (*Asteraceae*)

Còn gọi là *cúc chuẩn đỏ*, *cốt mốt đỏ*. Cây thảo mọc thành bụi. Cụm hoa đầu đường kính rộng 4cm, mọc trên cuống dài. Lá bắc của bao chung màu lục, các hoa ở rìa màu đỏ sẫm hay màu tím, có lông nhung ; các hoa ở giữa hình ống, màu vàng. Có nguồn gốc ở Mê-hi-cô, được nhập trồng ở Đà Lạt và Thành phố Hồ Chí Minh.



SAO NHÁI HỒNG

*Cosmos caudatus HBK.**Cosmos**Cosmos**Họ Cúc (Asteraceae)*

Còn gọi là *cúc chuẩn chuẩn*. Cây thảo sống hằng năm. Cụm hoa đầu trên cuống dài, lá bắc hẹp và nhọn. Hoa ở rìa hình lưỡi màu hồng hay đỏ, thường có 8 hoa ; hoa ở giữa hình ống. Có nguồn gốc ở Trung Mĩ, được nhập trồng làm cảnh.

SAO TRẮNG

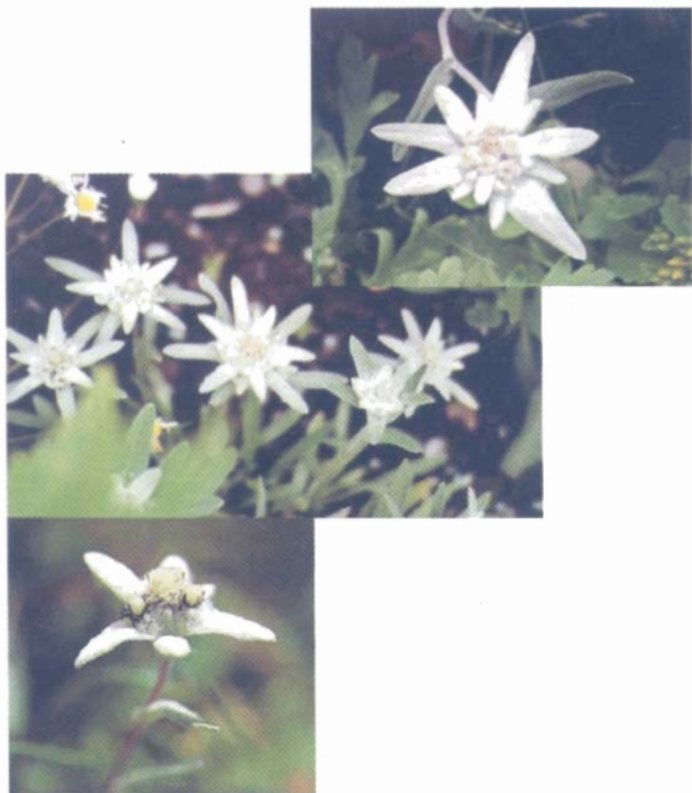
Leontopodium alpinum

Edelweiss

Étoile d'argent; pied-de-lion, immortelle des neiges

Họ Cúc (Asteraceae)

Còn gọi là sao bạc. Thân và lá phủ lông mịn ; hoa cụm mọc ở đầu ngọn thân, có vành lá to màu trắng bao quanh. Mọc trên núi cao trên 1500m, giữa băng tuyết, vùng Tây Âu.



SẢN

Manihot esculenta Crantz
Manihot, cassava, bitter manioc
Manioc
 Họ Thần dầu (Euphorbiaceae)



Còn gọi là *khoai mì*. Cây đơn tính cùng gốc. Cụm hoa ở gần ngọn. Hoa đực có đài hợp 5 răng, không có cánh hoa nhị 10. Hoa cái có đài giống hoa đực, vòi nhụy 3. Ra hoa từ tháng 4 đến tháng 10.



SẮN DÂY

Pueraria thomsoni Benth.

Kudzu, kudzu bean, kudzu vine

Koudzou, ku-duzy

Họ Đậu (*Fabaceae*)



Cây leo. Hoa màu xanh, mọc thành chùm ở kẽ lá. Ra hoa vào tháng 9 - 10.

SÂM BỐ CHÍNH

Hibiscus sagittifolius Kurz
 Arrow-leaved hibiscus
Hibiscus à feuilles en flèche
 Họ Bông (Malvaceae)

Cây thảo sống dai. Hoa màu hồng hay đỏ có pha ít vàng, mọc đơn độc ở nách lá, có 5 cánh. Ra hoa vào tháng 6, tháng 7.



SÂM ĐẠI HÀNH

Eleutherine subaphylla Gagnep

Eleutherine

Eleuthérine

Họ Lay ơn (*Iridaceae*)

Còn gọi là *sâm cau*, *tỏi lào*. Cụm hoa mọc ở đầu một cán hoa dài tới 40cm, mọc lên từ củ. Hoa nhiều, màu trắng hay vàng có 6 cánh hoa. Ra hoa vào mùa hạ.



SEN CẠN

Tropaeolum majus L.*Nasturtium**Capucine*Họ Sen cạn (*Tropaeolaceae*)

Cây leo, sống hằng năm. Hoa mọc đơn độc ở kẽ lá, màu vàng, đỏ hay trắng. Đài 5, hình tam giác, lá đài sau mang một cửa hình nón, cong ở đầu. Tròng 5, xếp xen kẽ với các lá đài và không bằng nhau. Nhị 8, bao phấn 2 ô. Bầu thượng, có 3 lá noãn.

Ra hoa mùa hạ, được trồng phổ biến làm cảnh vì dáng cây và hoa đẹp. Theo ngôn ngữ các loài hoa thì hoa sen cạn tượng trưng cho lòng yêu nước. Có nguồn gốc Bắc Mỹ.



SEN HỒNG

Nelumbo nucifera Gaertn

Lotus

Lotus

Họ Sen (*Nelumbonaceae*)

Cây có thân rễ hình trụ mọc trong bùn. Lá mọc lên khỏi mặt nước, có cuống dài. Hoa to màu trắng hay đỏ hồng, lưỡng tính, nhiều nhị. Nhị có phần phụ gọi là gạo sen, có hương thơm ngát, dùng để ướp chè. Nhiều tâm bì rời rụng trong để hoa loe thành gương sen. Ra hoa trong suốt mùa hè, đến mùa thu thì tàn lụi. Sen tượng trưng cho sự thanh cao, bởi sen "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Hoa sen hồng còn là biểu tượng của sự hân hoan và tươi vui. Ở nước ta, sen được trồng nhiều nơi.



SEN SẼ

*Nelumbo nucifera Gaertn**Smaller lotus**Lotus en pot**Họ Sen (Nelumbonaceae)*

Như sen hồng, nhưng cây thấp, hoa bé hơn, thường được trồng trong chậu, trong bể non bộ, làm cảnh.



SEN TRẮNG

Nelumbo nucifera Var. alba Gaertn

White-flowered lotus

Lotus blanc

Họ Sen (*Nelumbonaceae*)

Cây giống sen hồng nhưng hoa nhỏ hơn, có màu trắng. Trồng giữa mùa xuân. Ra hoa trong suốt mùa hè đến thu thì tàn lụi, mùa xuân lại mọc. Hoa sen trắng được xem là biểu tượng của *sự cung kính, tôn nghiêm*.



Rhodomyrtus tomentosa (Ait.) Hassk.

Myrte, myrtle

Myrte

Họ Sim (Myrtaceae)

Cây bụi. Hoa màu tím hồng, mọc đơn độc hoặc 3 bông một ở kẽ lá. Ra hoa từ tháng 5 - 7. Người La Mã cổ coi hoa sim cũng như hoa hồng, là biểu tượng của tình yêu. Họ dùng hoa sim tặng cho thần Venus - nữ thần tình yêu và sắc đẹp và trồng hoa sim xung quanh đền thờ nữ thần.



SO ĐO BÔNG VÀNG

Tecoma stans (L) H. B. K

Yellow elder, trumpetbush, yellowbells

Roble amarillo

Họ Núc nác (Bignoniaceae)



Còn gọi là *huỳnh liên*.

Cây nhỡ, cao 2-4 m, phân cành nhiều. Lá mọc đối, lá chét hai lần. Chùm hoa kép, màu vàng tươi rất đẹp. 5 lá đài bằng nhau, tràng hình ống, dài 3cm, nhị 4. Ra hoa vào mùa hè và

gần như quanh năm. Cây có nguồn

gốc ở Trung Mỹ, được nhập trồng ở thành phố Hồ Chí Minh và một số nơi khác. Cây được trồng làm cảnh vì hoa đẹp, có hương thơm. Thường được trồng trong vườn, dọc lối đi.



SO ĐO TÍM

Tabebuia rosea (Bertol.) DC.

Roble Savano

Roble, roble de Sabana

Họ Núc nác (Bignoniaceae)



Còn gọi là *kèn tím*.
Cây gỗ cao 7-10m.
Hoa to, đẹp. Tràng hoa
màu tím, có ống màu
vàng, trên có 5 thùy có
răng, miệng có sọc.
Nhị 5, trong đó có 1 nhị
lép. Cây có nguồn gốc từ
Mêhicô, được nhập trồng ở
thành phố Hồ Chí Minh.
Được trồng làm cảnh vì có hoa đẹp.

SỞ

Thea drupifera (Lour.) Pierre ; *T.sasanqua* Pierre var. *loureiri* Pierre
Oil tea

Thé à huile

Họ Chè (*Theaceae*)

Còn gọi là *dầu sở*. Hoa trắng không cuống mọc ra từ nách các lá ngọn trên cành nhỏ, thường xếp thành đôi. Đài 6 - 7, có lông óng ánh ở mặt ngoài. Tròng có mép khía ở đỉnh. Nhị có bao phấn thuần. Ra hoa từ tháng 10 đến tháng 1 năm sau.



SU SU

*Sechium edule (Jacq.) Sw.**Chayote, vegetable pear**Chouchoute, chayote**Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)*

Còn gọi là *su lê*. Cây leo. Hoa nhỏ màu kem ; hoa đực hợp thành chùm, hoa cái đơn độc. Ở miền Bắc, ra hoa kết quả vào mùa xuân ; ở vùng khí hậu lạnh có hoa quanh năm.

SÚNG CÚ

Nymphaea luteum

Rhizome water-lily, pond-lily, nenuphar

Nénuphar, nénufar à rhizome

Họ Súng (Nymphaeaceae)

Hoa to đơn độc, lưỡng tính, đều, màu xanh, đỏ, tím, trắng, vàng, hồng,... tùy giống ; có 4 lá đài, 10 - 30 cánh hoa, 10 - 50 nhị xếp xoắn, bao phấn mang một phần không sinh sản ở chóp. Nhụy gồm nhiều lá noãn dính lại. Ra hoa từ tháng 7 đến tháng 12. Mọc hoang và trồng nhiều làm cảnh ở các đầm nước khắp Việt Nam và thế giới.



SÚNG ĐỎ

*Nymphaea rubra Roxb.ex.Salib.**Indian red water-lily**Nénuphar rouge**Họ Súng (Nymphaeaceae)*

Lá có phiến rộng đến 40cm, có màu nâu đỏ rồi xanh, bìa có nhiều răng. Hoa đỏ, nở vào đêm đến 11 giờ trưa hôm sau. Trồng ở ao hoa to và đẹp. Có nguồn gốc vùng Trung cận Đông. Hiện mọc trên toàn thế giới.



SÚNG HOA BỐN GÓC

Nymphaea tetragona Georgi

Tetragonic nymphaea

Nénuphar tétragone

Họ Súng (*Nymphaeaceae*)



Còn gọi là *súng vuông*. Cây thảo mọc thành bụi nhỏ. Hoa nhỏ, hình bốn góc do có 4 lá đài bọc ngoài. Cánh hoa nhiều, màu trắng. Nhị nhiều, ngắn, bao phấn hình trứng. Bầu 12 ô, 12 vòi nhụy. Mọc hoang ở các đầm, ruộng nước miền Nam Trung Bộ, Việt Nam.

SÚNG SEN*Nymphaea lotus L.**Lotus- nymphaea**Nénuphar- lotus**Họ Súng (Nymphaeaceae)*

Cây thảo sống ở nước, hình dạng gần giống súng thường nhưng có lá to hơn, màu lục hồng. Hoa lớn, màu trắng hồng. Đài 4. Tròng 12 - 14. Nhị nhiều, bao phấn hình chỉ. Bầu trung, đầu nhụy 15 - 18. Mọc nhiều ở các ruộng nước, được trồng làm cảnh.



SÚNG TÍM

Nymphaea spp. L.

Mauve nymphaea

Nénuphar mauve

Họ Súng (Nymphaeaceae)



Phiến lá tròn rộng, mặt dưới nâu đỏ, mặt trên xanh bóng; gân lá rõ. Hoa có 4 đài, mặt ngoài xanh bóng, mặt trong ứng hồng. Có 12 - 17 cánh hoa tím đậm, 40 nhị, có chỉ rộng. Trồng ở hồ cảnh của Thiền viện Trúc Lâm, Đà Lạt.

SÚNG TRẮNG

Nymphaea alba L.

White water-lily

Nénuphar blanc, nymphae, lis des étangs

Họ Súng (Nymphaeaceae)

G iống súng thường, hoa trắng.



SÚNG VÀNG

Nymphaea spp. L.

Yellow nymphaea

Nénuphar jaune

Họ Súng (Nymphaeaceae)

Còn gọi là *binh bồng vàng*. Căn hành tròn dài, có củ. Lá có phiến rộng, mặt trên màu lam, gân không nổi rõ. Hoa có đài vàng cam (4 lá đài) ; 15-20 cánh hoa vàng tươi có dạng thon dài đến hơi rộng và nhỏ dần vào trong. Khoảng 40 tiểu nhị, vàng. Hoa đẹp, giống lạ, đã được nhập vào trồng ở Đà Lạt.



SÚ THÁI LAN

*Adenium obesum (Forssk.) Roem. et Schult.**Impala lily, desert rose**Rose du désert, frangipanier du désert**Họ Trúc đào (Apocynaceae)*

Còn gọi là *sứ sa mạc*. Thân mập, có mủ trắng. Lá tập trung ở đầu cành. Cụm hoa mọc ở ngọn cành, xếp sát với lá hay trên cùng một cành với lá. Hoa màu đỏ tươi, cánh hoa hợp ở gốc thành ống dạng phễu, phía trên chia 5 thùy. Ra hoa quanh năm ở miền Nam nước ta ; ở miền Bắc ra hoa vào mùa hè. Có nguồn gốc ở các nước châu Phi, được nhập trồng ở nước ta làm cảnh. Do trồng trọt, người ta đã tạo được những thứ hoa màu hồng, trắng,...

SỪ QUẦN TỬ

Quisqualis indica L.

Quisqualis

Quisqualis

Họ Bàng (*Combretaceae*)

Còn gọi là *dây giun*. Cây leo có cành mảnh. Hoa màu hồng hay vàng mọc thành chùm ở ngọn cành. Đài hình ống dài, 5 thùy. Hoa thơm, nở vào mùa hạ. Mọc dại hoặc được trồng làm cảnh.



SỮA

Alstonia scholaris (L.) R. Br*Alstonia, dita**Alstonia*

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Còn gọi là *mỏ cua*. Cây thân gỗ cao 5 - 20m, có nhựa mủ trắng. Hoa mọc thành cụm, màu vàng lục nhạt, nở về đêm và có mùi thơm hắc đặc trưng. Ra hoa từ tháng 8 - 12. Được trồng phổ biến khắp nước ta. Mùi hoa sữa nồng nàn ban đêm là một trong các biểu tượng về Hà Nội trong thơ ca.



SÙNG TRÂU

Strophanthus caudatus Kurz.var.giganteus Pit.

Giant strophanthus

Strophanthe géant

Họ Trúc đào (Apocynaceae)



Cây leo to. Lá
thuôn, mọc đối.
Hoa đỏ, mọc thành
cụm ở ngọn, tràng
hình ống, phía trên
xẻ 5 thùy kéo dài,
nhọn ; dài 4 - 5cm.
Cây phổ biến ở miền
Nam. Có thể trồng
làm cảnh vì hoa đẹp,
hình dạng đặc biệt.

TÁO TA

Ziziphus jujuba Lam. non Mill. ; *Z. mauritiana* Lam.

Jujube

Jujube

Họ Táo ta (Rhamnaceae)



Cây nhỡ có gai, cành
rủ, lá xanh lục.
Hoa trắng mọc ở kẽ lá.
Mọc từ sa mạc khô cằn
đến vùng nhiệt đới ẩm ;
phổ biến ở Việt Nam.

TÁO TÂY

Malus pumila L. , *M. communis* D. C. *M. domestica* Bork

Apple

Pomme

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây nhỡ, lá đơn. Hoa to màu trắng hoặc hồng. Đài 5, tràng 5, nhị là bội số của 5. Mùa xuân, hoa táo nở rộ, toàn thân cây được phủ đầy những hoa. Hoa táo mang ý nghĩa "sự hâm mộ, ưa chuộng". Đôi khi, người ưa thích hoa táo hơn hoa hồng vì nó xinh xắn và còn hứa hẹn những chùm quả ngọt. Ra hoa, kết quả sau khi trồng 3 - 5 năm tùy giống ; Thích khí hậu ôn đới, đất sét pha cát, với ít đá vôi. Ở Việt Nam có trồng ở Đà Lạt nhưng ít.



TẮM BÓP

Physalis angulata L. ; *P. peruviana* L. ; *P. alkekengi* L.

Winter cherry, strawberry tomato

Physalis, amour-en-cage, coqueret, alkekenge

Họ Cà (Solanaceae)

Còn gọi là *lồng đèn*.

Khi hoa nở dài biến thành một loại lồng đèn bởi giấy mỏng màu da cam nhạt hoặc lục nhạt, bọc quanh 1 quả mọng hình cầu to. Nguồn gốc châu Mỹ. Trồng làm cảnh.



THẠCH THẢO

Erica scoparia L.

Heather

Bruyère

Họ Đỗ quyên (Ericaceae)



Còn gọi là *thạch nam*, *thạch thảo chổi*. Hoa nhỏ màu tím hoặc hồng. Mọc hoang trên đất sỏi đá cần giàu silic, ở các trảng được gọi là "trảng thạch thảo".



THẠCH THIÊN THẢO

Peperomia argyreia (Miq.) E. Morr. ; *P. sandersii* Miq. var *argyreia* Hook. ; *P. sandersii* D.C.

Sanders' peperomia
Pépéromie de Sanders
Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Còn gọi là lá
cầm thạch,
càng cua cảnh. Cây
thân cỏ cần ít đất ;
mọc thành bụi nhỏ.
Lá mọc sát gốc,
dày, nạc, hình tim.
Cụm phát hoa là
bông (gié) dài, mọc
thẳng đứng, nổi rõ
trên đám lá dày đặc
bên dưới. Có nguồn
gốc từ các nước
châu Mỹ nhiệt đới.
Được gây trồng làm
cảnh ở nhiều nơi
trên thế giới.



THÀN MÁT

Milletia ichthyochtona Drake

Milletia

Milletia

Họ Đậu (*Fabaceae*)



Còn gọi là *cây hột mát*. Cây gỗ cao tới 15 - 20m, lá rụng về mùa đông. Lá kép lông chim 2 lần. Vào mùa xuân, hoa mọc trước và nở trắng xóa khắp các cành cây. Hoa xếp thành chùm. Khi hoa tàn, lá mới bắt đầu mọc. Quả có mũi nhọn dài, hạt hình bầu dục, màu nâu. Cây ra hoa vào tháng 3, tháng 4 khi lá non chưa mọc. Quả già vào tháng 2, tháng 3 năm sau. Được trồng để lấy bóng mát, khá phổ biến trên các đường phố Hà Nội.

THANH CÚC

Centaurea cyanus L.

Centaurea

Centaurée, bleuet, barbeau

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây thảo một năm. Hoa đầu to ở ngọn, cuống dài. Lá dài nhiều hàng, mép có răng to, làm thành rìa trắng hay đen. Các hoa ở phía ngoài to, trải ra, có 7 - 9 cánh tràng màu lam hay tím, hồng nhạt, có khi có màu trắng. Cây có

nguồn gốc ở Nam và Đông châu Âu, được nhập trồng ở nước ta, thường được gieo trồng vào mùa xuân. Cây trồng làm cảnh vì hoa đẹp. Các cụm hoa còn được dùng để làm thuốc có tác dụng lợi tiểu, làm săn da,...



THANH ĐIẾP

Clerodendron myricoides L.

Blue glory bower

Clérodendron-myrica

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây thảo có hoa đẹp, cánh hoa màu xanh nhạt, đối xứng 2 bên, với 2 đôi nhị so le và một vòi nhị phân thành 2 thùy. Trông xa giống hình một con bướm màu xanh nên có tên là *thanh điệp*. Cây mới được nhập trồng làm cảnh ở Thành phố Hồ Chí Minh.



THANH HOÀNG

Dendrobium capillipes Reichb. f.
Yellow-flowered orchid
Orchidée, dendrobie à fleurs jaunes
Họ Lan (Orchidaceae)

Cây có thân rễ mọc bò. Hoa thưa, trục hoa mảnh ; cánh hoa màu vàng có cánh môi bầu dục tròn to và có đốm vàng đậm ở giữa, móng ngắn. Là loài lan của vùng núi rừng thưa ở Buôn Ma Thuột, Lâm Đồng. Ra hoa vào mùa xuân.



THANH LONG

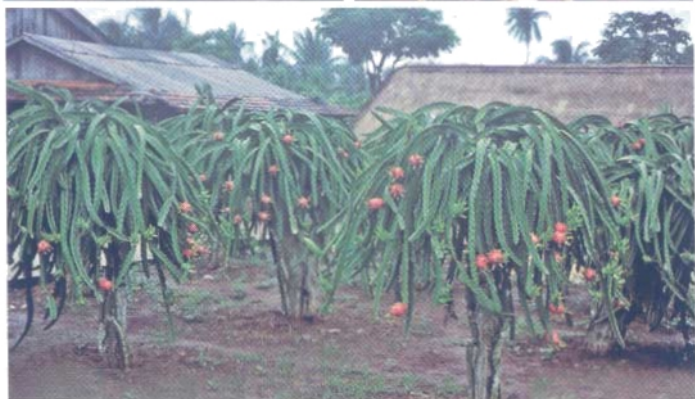
Hylocereus undatus (Haw.) Britt et Rose

Hylocerus

Hylocère

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây leo, thân hình dây rất dài, có ba cạnh, màu xanh, mọc bám vào các cột hoặc cây to. Hoa rất to, màu trắng hay vàng nhạt, nhiều lá đài và cánh hoa dính nhau thành ống, nhiều nhị đực. Hoa giống hoa quỳnh nhưng to và dài hơn.



THẦU DẦU

*Ricinus communis L.**Castor bean**Ricin commun**Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)*

Còn gọi là *đu đủ tia*, *dầu ve*. Cây thảo hằng năm rất độc. Hoa mọc thành chùy ở ngọn hay nách lá. Hoa cái mọc trên, hoa đực mọc dưới, trên cùng một cuống hoa. Không có cánh tràng. Đài hoa gồm nhiều lá đài về sau sẽ rụng dần. Nhị bé và có rất nhiều (tới 1000 nhị trên một hoa). Hoa cái có bầu 3 ô.



Ra hoa quanh năm. Gốc từ Trung Mĩ. Ở Việt Nam có 4 loại : tia lùn (thân đỏ thẫm) ; tia cao (thân hung đỏ) ; tia trỏ (thân xanh, giống dài) ; ve cầu phùng (thân lục).



THÌA LÀ

Anethum graveolens L.

Fennel, dill, anethum

Aneth, fenouil bâtard

Họ Hoa tán (Umbelliferae)

Cây thảo nhỏ hằng năm, ít phân nhánh.
Hoa màu vàng nhạt mọc thành tán.



THIÊN ĐIỀU

Strelitzia reginae Banks

Bird-of-paradise

Oiseau de paradis

Họ Thiên điều (*Strelitziaceae*)

Còn được gọi là *hoa chim thiên đường*. Cây thân cỏ, mọc thành bụi lớn cao trên 1m. Cụm hoa nằm trên cuống, mập, thẳng đứng mang hoa tập trung ở đỉnh trong hai mô lớn xếp úp lên nhau. Hoa nở, mọc ra trong khe của mô, mang 8 đến 10 hoa lớn, màu vàng cam, có 1 phiến màu xanh lam bóng như mỏ chim, mọc thẳng đứng, hướng lên trên. Các hoa khác lật ra phía sau như mào và đuôi chim. Cây được trồng làm cảnh vì có bụi hoa đẹp, đặc sắc, nở bền. Có nguồn gốc từ Nam Phi.



THIÊN LÍ

Telosma cordatum (Burm. f.) Merr. ; *pergularia minor* Andr.

Pergularia

Pergulaire

Họ Thiên lí (Asclepiadaceae)

Cây leo bằng thân cuốn. Hoa mọc thành xim dạng tán ở nách lá. Hoa màu vàng lục nhạt, mùi thơm dễ chịu. Đài có 5 thùy, nhiều lông. Các cánh hoa dính nhau tạo thành ống tràng. Ra hoa vào mùa xuân, hạ. Cây trồng khắp nơi thành giàn, làm cảnh. Hoa có vị ngọt nhạt, tính bình, có tác dụng bình can, tiêu viêm, làm tan màng mỏng, giải nhiệt an thần, gây ngủ, trừ giun kim... Đây là loài hoa vừa trồng làm cảnh lại vừa làm rau ăn.



THIỆT MỘC LAN

Dracaena fragrans L.
Ironwood-dracaena, fragrant dracaena
Dracaena odorant
 Họ Bông bông (*Dracaenaceae*)



Cây cao 1 - 3m. Thân đơn, ít phân cành. Cụm hoa mọc ở ngọn, dài tới 40cm, màu vàng lục nhạt, có mùi thơm ngát. Cây được trồng phổ biến để làm cảnh.



THÔNG THIÊN

Thevetia peruviana (Pers.) K. Schum. ; *T. nerufolia* Juss.

Yellow oleander, thevetia

Thévétie, laurier jaune

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây nhỡ, có nhựa trắng. Hoa màu vàng tươi mọc ở ngọn cành hay nách lá, thường nở từng hoa một. Hoa có cuống mềm và cong ra ngoài. Cánh tràng lớn, xếp vện đều. Ra hoa từ tháng 5 đến tháng 12. Ưa sống nơi đất ẩm, được trồng phổ biến ở khắp nơi. Cây có dáng đẹp, hoa đẹp nên được trồng để làm cảnh. Vì nhựa cây rất độc, nên trồng cách xa bể nước ăn, tránh để lá rụng vào các nguồn nước.



THU HẢI ĐƯỜNG

Begonia semperflorens Link. et Otto

Begonia

Bégonia

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây thân thảo, không lông. Hoa màu đỏ tía hay hồng ; hoa có nhị màu vàng, có 4 - 5 cánh. Cây có nguồn gốc từ Bra-xin, ở Việt Nam được trồng làm cảnh phổ biến bằng giâm cành.



THU HẢI ĐƯỜNG DAVIS

Begonia davisii Hook.

Peru begonia

Bégonia de Perou

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)



Có nơi gọi là sen cạn. Cây thấp, không có thân, có củ. Lá mọc từ gốc, hình tim, mép lá có răng cưa. Cụm hoa gồm nhiều hoa mọc trên một cán hoa dài 15 - 20cm. Lá bắc hơi tròn, cánh hoa màu hồng rất đẹp. Ra hoa vào mùa xuân, khoảng tháng 2 - 4. Cây có nguồn gốc từ Pê-ru, được trồng nhiều trong các chậu để làm cảnh vì hoa và lá đẹp.

THÙ DU

Cornus

Cornel-berry tree

Cornouiller

Họ Thù du (Cornaceae)



Cây gỗ cứng. Hoa mọc thành nhiều chùm tròn màu vàng, màu đỏ, màu hồng tùy theo giống. Quả đỏ như quả nhót. Phổ biến trong rừng thưa ôn đới.



THỰC QUỲ

Sidalcea cf. campestris L.

Tall wild hollyhock

Guimauve, rose trémière

Họ Bông (Malvaceae)

Cây thảo vùng đầm lầy hay đồng cỏ ẩm ướt. Hoa mọc thành cụm thưa thớt 4 - 5 hoa trên những cuống dài từ các nách lá ở ngọn cây ; hoa đơn, có 5 cánh tràng màu hồng-tím nhạt. Thường được ví von với những người và cảnh nhạt nhẽo, nghèo cá tính.



THUỐC BỎNG

Kalanchoe pinnata (Lam.) Pess.

Life plant, air plant

Kalanchoe

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)



Cây thảo, thân và lá mỏng nước. Hoa màu hồng, mọc thành chùm ở ngọn rất đẹp. Hoa có cánh hợp thành ống tràng ngắn, bên trên xẻ 4 - 5 phiến. Cây trồng làm cảnh và làm thuốc.



THUỐC LÁ

Nicotiana tabacum L.

Tabacco

Tabac

Họ Cà (Solanaceae)

Cây thảo sống hằng năm. Hoa to, xếp thành chùm ở ngọn cây, gồm 3 - 5 hoa màu vàng nhạt ; đài hình chuông bọc gốc hoa hình ống hẹp, gồm 5 cánh tràng dính, xoè ra thành phễu ở đoạn cuối. Có nguồn gốc ở châu Mỹ nhiệt đới.



THỦY TIÊN

Narcissus tazetta L.

Jonquil, daffodil

Jonquille, narcissse, coucou

Họ Loa kèn đỏ (Amaryllidaceae)

Cây có thân hành to. Hoa xếp từ 4 - 8 cái thành tán ở ngọn một cán hoa trần và được một mo mỏng bao bọc trước khi nở. Hoa thơm ngát và dịu, đường kính khoảng 3cm. Bao hờa màu trắng, hình ống dài 2cm mang các thủy cong ra ngoài. Tròng phụ bên trong màu vàng. Cây ra hoa thường vào dịp Tết Nguyên đán. Có nguồn gốc từ Nhật Bản và Trung Quốc, được nhập vào nước ta vì hoa đẹp và thơm. Vào những ngày Tết, người ta thường trồng thủy tiên vào các bình thủy tinh, hay pha lê đẹp để có thể vừa thưởng thức hoa vừa thưởng thức bộ rễ dài, trắng muốt mọc trong nước. Người ta cho rằng hoa nở đúng giao thừa là điềm báo một năm thật tốt lành cho chủ nhân. Thủy tiên được xem là biểu tượng của sự vương giả, thanh cao và kiêu hãnh.



THỦY TIÊN VÀNG

Narcissus jonquilla L.

Golden jonquil

Jonquille dorée

Họ Loa kèn đỏ (Amaryllidaceae)

Còn gọi là *thủy tiên bắc*. Giống thủy tiên thân hành hình củ. Hoa vàng rực có cổ viền cao, cánh hoa tròn. Ra hoa vào thu - đông. Gốc vùng Viễn Đông. Thường trồng trong chậu nhỏ làm cảnh.



THUỘC DƯỢC

Dahlia pinnata Cav. (*D. variabilis* Desf.)

Garden dahlia, dahlia

Dahlia

Họ Cúc (*Asteraceae*)

Cây thân cỏ mọc nước. Cụm hoa hình đầu lớn trên 1 cuống chung dài ; màu sắc của hoa thay đổi theo từng chủng. Bao quanh đế hoa gồm 2 hàng lá bắc : hàng trong lớn mỏng, hàng ngoài nhỏ màu xanh đậm, tất cả làm thành tổng bao bên ngoài hoa. Hoa bìa không đều, nhiều lớp cánh môi ; hoa giữa hình ống. Cây trồng bằng củ, nở hoa vào mùa đông, mùa xuân. Cây có nguồn gốc từ vùng núi cao Mê-hi-cô, được gây trồng làm cảnh ở châu Âu, hiện nay được lan truyền khắp trên thế giới. Thuộc dược ưa khí hậu mát, nhiệt độ dưới hay bằng 30°C nhưng ưa sáng, càng đủ ánh sáng màu sắc của hoa càng rực rỡ. Hiện nay các nhà vườn đã tạo rất nhiều dạng lai cho hoa kép và có màu sắc độc đáo hơn. Song, có lẽ vì hoa thuộc dược không có hương, tán lá tuy có màu xanh đẹp nhưng lại hơi thô ráp và màu sắc hoa quá phổ trương nên nó ít được các nhà thơ ca tụng.



TI-GÔN

Antigonon leptopus Hook & Arn.

Mountain rose

Rose de montagne, antigonon

Họ Rau răm (*Polygonaceae*)



Còn được gọi là *hoa nho* hay *hoa liễu nữ*. Cây leo mọc chằng chịt, thân mềm. Cây cho hoa quanh năm, chủ yếu vào mùa hè và thu. Cụm hoa ở đỉnh cành sát với các lá ngọn. Hoa nhỏ bé xếp sát nhau thành một chùm dài, màu hồng nhạt hay tím, tươi, bông hoa ít khi xoè rộng, vì khi các cành hoa nở hết thì hoa bắt đầu rụng. Cụm hoa lại cho hoa nở dần từ gốc lên đỉnh nên mùa hoa kéo dài gần như quanh năm. Nụ hoa hình tim có 3 cánh. Cây phát triển khoẻ, không kén đất, không cần nhiều nước nên được chọn trồng làm cảnh ở nhiều nơi. Do hình dáng và màu sắc của hoa nên nó đã được nhắc tới trong một bài thơ tình nổi tiếng "Hai sắc hoa ti-gôn".

TÓC TIÊN DÂY

Ipomoea quamoclit L.

Climbing ophilopogon

Ophilopogon grimpant

Họ Khoai lang (*Convolvulaceae*)

Cây leo bằng thân quấn. Hoa màu đỏ như nhung, ống tràng dài, 5 thùy hình sao. Ra hoa vào mùa hè - thu. Được trồng làm cảnh.



TÓC TIÊN HOA HỒNG

Zephyranthes carinata Herb

Pink rain lily

Lis-rose

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)



Cây nhỏ, cao 20 - 25cm. Hoa màu hồng cánh sen, hương thơm nhẹ. Ở Hà Nội chỉ nở một ngày rồi tàn. Cây ra rất nhiều hoa, trông khá đẹp mắt. Ra hoa vào mùa hạ, mùa thu. Trồng ven các bồn hoa hay trong chậu cảnh.

TÓC TIÊN HOA TO

Zephyranthes grandiflora Syn.
Zephyranthes with large flowers
Zephyranthe à grandes fleurs
Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Gióng tóc tiên hoa hồng nhưng khác về kích thước. Tóc tiên hoa to có chiều cao lớn hơn, lá lớn hơn, hoa to hơn, màu hồng. Trồng làm cảnh.



TÓC TIÊN HOA TRẮNG

Zephyranthes candida Herb.

White rain lily, fairy lily

Zéphyr blanc

Họ Thuỷ tiên (Amaryllidaceae)

Hoa mọc đơn độc trên một cuống dài. Hoa có 6 cánh chia làm 2 vòng, mỗi vòng 3 cánh hoa xếp so le, màu trắng muốt. Bầu 3 ô. Ra hoa vào mùa hè. Hoa nở vào buổi sáng, hôm sau đã tàn. Thường trồng viền các bồn hoa hay trồng trong chậu làm cảnh.



TÓC TIÊN HOA VÀNG

Zephyranthes citrina

Yellow rain lily, yellow zephyr flower

Zéphyr jaune

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cùng loại với tóc tiên hoa hồng, chỉ khác nhau về màu hoa. Hoa đẹp, màu vàng tươi.



TRA LÀM CHIẾU

Hibiscus tiliaceus L.

Sea hibiscus, mat hibiscus

Hibiscus de marais saumâtre, hibiscus pour nattes

Họ Bông (Malvaceae)



Cây nhỏ. Lá tròn. Cuống lá dài. Hoa màu vàng hay đỏ, tập hợp thành chùm 2 - 5 hoa. Đài có lông màu trắng nhạt, các thùy hình tam giác. Tròng 5. Nhị nhiều. Ra hoa từ tháng 6 - 9. Cây mọc ở ven sông, bãi sù vẹt ngập mặn, có nhiều trên các núi đá vôi ở Vịnh Hạ Long.

TRÀ MI ĐỎ

Camellia sp.
Red camellia
Camélia rouge
Họ Chè (*Theaceae*)



Còn gọi là *hồng trà* hay *hoa hồng Nhật Bản*. Cây bụi. Hoa màu đỏ. Hiện nay, các nhà vườn còn lai tạo được chủng hoa màu hồng phấn rất đẹp. Trong ngôn ngữ các loài hoa, hoa trà mang ý nghĩa "duyên dáng, cao thượng". Tên tiếng Anh và tiếng Pháp của hoa trà bắt nguồn từ tên một thầy tu dòng tên là Joseph Kamel. Ông là người đã đưa hoa trà vào châu Âu từ năm 1639.



TRÀ MI TRẮNG

Camellia japonica L.

Camellia of Japan

Camélia du Japon

Họ Chè (*Theaceae*)

Còn gọi là
bạch trà.

Cụm hoa thưa,
mang 1 đến 3
hoa ở ngọn cành.

Hoa màu trắng,
có thể có nhiều
màu khác như :

đỏ, hồng, hồng
phấn hay da
cam, tùy giống.

Hoa to đẹp nở rất
hài hoà, cây có
nhiều hoa nhưng

hoa không thơm. Hoa nở rộ vào mùa xuân, mùa hoa kéo dài.
Có nguồn gốc từ các nước châu Á, được gây trồng từ lâu đời
làm cây cảnh nơi đền chùa.



TRÀ MI VÀNG

Camellia sp.
Yellow camellia
Camélia à fleurs jaunes
Họ Chè (*Theaceae*)



Còn gọi là trà hoa vàng. Cây giống trà mi trắng nhưng có hoa màu vàng.



TRẠCH TÀ

Alisma plantago

Water plantain, water plantago

Plantain d'eau

Họ Trạch tả (Alismaceae)



Còn có tên là *mã đề nước*. Cây thân thảo, mọc ở ao, ruộng, cao 0,3 - 1m. Cán mang hoa mọc nhiều vòng, hoa hợp thành tán, đều, lưỡng tính. Mọc ở nơi có đất ẩm ướt, có nhiều ở Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình,...



TRẠCH TẢ NƯỚC

Alisma triviale, A. plantago aquatica

Water plantain

Alisma, fluteur, plantain d'eau

Họ Trạch tả (Alismaceae)

Hình dạng cây giống trạch tả. Hoa trắng có 3 lá đài lục, 3 cánh tràng màu vàng và trắng, 6 nhị và nhiều nhụy. Gốc Bắc bán cầu vùng ôn đới. Trồng làm cảnh.



TRÀM

Melaleuca cajuputti Powel. , *M. leucadendron* L.

Cajeput tree, cajuput

Cajeputier

Họ Sim (Myrtaceae)

Cây gỗ nhỏ ; ở vùng khí hậu không thích hợp, cây có dạng cây bụi. Hoa màu vàng, không cuống, họp thành bông dài ở đầu cành hay nách lá. Ra hoa vào tháng 4, tháng 5. Tràm ưa sáng, phát triển tốt trên đất bồi tụ ven biển đã được rửa bớt mặn.



TRANG TÂY

Kopsia fruticosa A. DC.

Kandel, red-flower kopsia

Plante chandelier à fleurs rouges

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây nhỏ cao từ 1 - 6m. Hoa mọc thành chùm dày đặc ở đầu cành, hoa có màu đỏ đẹp. Ra hoa vào tháng 9. Hiện nay người ta đã lai tạo được nhiều giống mới với các màu sắc rất đẹp, phong phú, hoa bền lâu. Được trồng để làm cảnh.



TRẠNG NGUYÊN

Euphorbia pulcherrima Willd. ex Klotzch., poinsettia
pulcherrima (Klotzch) Grah.

Poinsettia, easter flowers, Christmas flowers, Mexican flame leaf.

Euphorbe écarlate

Họ Thần dầu (*Euphorbiaceae*)



Cây gỗ nhỏ cao hơn 1m, có nhựa mủ trắng. Lá bao quanh cụm hoa có màu đỏ chói. Hoa cái không đài và tràng mọc trên một cộng dài có đốt ; có 1 tuyến màu vàng. Có nguồn gốc từ Mê-hi-cô. Ở Việt Nam cây trồng làm cảnh vào dịp Tết, do màu sắc rực rỡ của lá bắc. Cây dễ trồng bằng giâm cành, mọc khỏe phân cành nhánh nhiều, chịu được nắng hạn và cả khí hậu lạnh ẩm ; có hoa quanh năm.

TRINH NỮ*Mimosa pudica* L.*Sensitive plant**Sensitive**Họ Trinh nữ (Mimosaceae)*

Còn gọi là *cỏ thẹn*, *cây xấu hổ*. Lá và cành cây có khả năng cụp xuống khi có vật chạm vào, vì thế nên có tên là *cây xấu hổ*. Hoa màu tím đỏ, tụ thành hình cầu xấp. Cây cổ nguồn gốc châu Mỹ nhiệt đới, mọc hoang ven đường.



TRÚC ĐÀO

Nerium oleander L.

Rose-laurel, rose-bay, oleander, amyroot

Laurier-rose

Họ Trúc đào (*Apocynaceae*)

Cây nhỏ mọc thành bụi cao từ 3 - 5m. Hoa giống hoa đào, do đó còn có tên gọi là *bích đào*. Hoa màu hồng hay trắng, mọc thành xim hình ngù ở đầu cành. Ra hoa gần như quanh năm nhưng nhiều nhất vào mùa hè. Nguồn gốc ở vùng Địa Trung Hải.



TRƯỜNG SINH

Kalanchoe blossfeldiana poelln

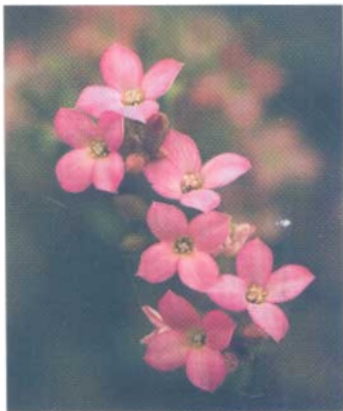
Kalanchoe

Kalanchoé spatulé

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)



Còn gọi là cây sống đời, thân cây mọng nước. Hoa mọc thành cụm lớn hình tán ở ngọn. Hoa đẹp có màu đỏ như nhung, hoa có cánh hợp thành ống tràng ngắn, bên trên xẻ 4 - 5 phiến, nở dần từ dưới lên, lâu tàn. Có nguồn gốc từ đảo Ma-đa-ga-xca (châu Phi). Được trồng để làm cảnh.



TUY LÍP

Tulipa vulgaris

Tulip

Tulip

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có thân hành hình củ, lá mọc từ gốc, gân lá song song. Hoa mọc đơn độc trên một cuống dài, có 6 cánh hoa, màu sắc đa dạng : trắng, đỏ, vàng, cam, hồng... Được trồng nhiều ở Hà Lan và là mặt hàng xuất khẩu rất có giá trị của nước này.



TUỒNG LIÊN

Hylocereus undatus (Haw.) Britt et Rose; *cereus triangularis* Haw.

Vaxy cactus

Cactus cireux, cactus grim pant

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Còn gọi là *cây lòng chảo*. Cây leo, có rễ khí sinh. Thân rất dài, mọc bám vào các cây to. Hoa to, hình ống, dài 25 - 30cm. Bao hoa màu vàng và cong ra phía ngoài, các bộ phận bên trong của bao hoa màu trắng tinh. Nhị nhiều. Hoa nở vào mùa thu và mùa hạ. Thường trồng làm cảnh cho leo trên tường.



TƯỜNG VI

Lagerstroemia indica L.

Eglantine

Églantier

Họ Tử vi (Lythraceae)

Còn gọi là *tử vi*. Cây nhỏ. Lá mọc đối. Hoa mọc thành chùy ở ngọn cành. Nụ hoa hình cầu. Hoa to màu đỏ hoặc hồng nhạt, có hương thơm nhẹ. Đài hình chuông, nhẵn. 6 cánh hoa có móng dài, uốn lượn nhẵn nhéo. Nhị nhiều. Ra hoa vào mùa hạ. Được trồng phổ biến khắp nước ta để làm cảnh vì hoa đẹp. Hoa tượng trưng cho vẻ đẹp bình dị, dân dã.



VẠN NIÊN THANH

Aglaeonema sp. , *A. siamense* Engl.

Aglaonema

Aglaonème

Họ Ráy (Araceae)

Cây thân thảo, leo hoặc bò trên mặt đất. Bông hình trụ mềm, có mo bọc ở gốc, gồm rất nhiều hoa nhỏ, đơn tính hoặc lưỡng tính, mọc thẳng từ 1 cuống hoa dài. Bộ nhị gồm 2 - 4 hoặc 8 nhị; bộ nhụy chỉ có 1 nhụy kép gồm từ 3 đến 15 lá noãn, 1 vòi nhụy, bầu trên với nhiều noãn. Được trồng làm cảnh.



VĂN ANH

Fuchsia hybrida Voss. ; *F. speciosa* Hort.

Flaming fuchsia, Ladies' ear-drop

Fuchsia

Họ Dừa nước (*Oenotheraceae*)

Còn gọi là *phước hoa, hoa lồng đèn*. Cây gỗ nhỏ, cao từ 1 - 2m. Hoa thòng ở chót nhánh từ 1 cọng dài, đỏ. Hoa có bầu hạ, trên đó lá ống dài dài, chia thùy tròn hình giáo màu hồng ; 4 cánh hoa tím, dài bằng lá đài ; nhiều nhị thò ra ngoài. Có nguồn gốc từ Chi-lê, được trồng làm cảnh vì hoa đẹp, có nhiều màu sắc khác nhau, trồng nhiều ở Đà Lạt. Loài hoa mang tên của Leonard Fuchs - nhà thực vật học người Đức nổi tiếng vào thế kỉ XVI.



VÂN HÀI

Paphiopedilum callosum (Reichb. f.) Stein.

Slipper-flowered orchid

Orchidée à fleurs en pantoufle

Họ Lan (Orchidaceae)

Cây cỏ đa niên mọc ở đất, thân ngắn. Trục cụm hoa dài mọc từ đỉnh ; mọc đứng hay hơi uốn cong, có lông nâu đỏ. Hoa to, 2 lá hoa có lông, lá đài trên hơi hình tim nhọn ở chót, màu hồng nhạt, có sọc xanh bên dưới và hồng bên trên, lá đài cạnh dính nhau, có sọc xanh, sọc đỏ. Cánh hoa có ria lông và có 5 chại đỏ ; môi có gót cao nâu hay đỏ ; 1 tiểu nhị lép giữa 2 tiểu nhị thụ. Có nguồn gốc từ Trung Quốc, Phi-lip-pin, Ấn Độ,... và được xem như là một trong các loài phong lan đẹp nhất ở rừng mưa nhiệt đới. Việt Nam có ở Đà Nẵng, Lâm Đồng, Đà Lạt.



VÂN MÔN

Zantedeschia aethiopica (L.) Spreng.

Common arum ; calla. , lily- of- the Nile

Arum commun

Họ Ráy (Araceae)



Cây có củ lớn, sống lâu năm. Cụm hoa là buồng trên một cọng đứng cao, mo trắng tinh, đẹp ; cuộn lại ở gốc và phía trên mở rộng kéo dài thành mũi. Cây có nguồn gốc từ Nam châu Phi, được gây trồng vì mo đẹp, có nhiều ở Đà Lạt. Ra hoa gần như quanh năm. Là hoa biểu tượng cho sắc đẹp lộng lẫy, thường hiện diện trong các bó hoa cầm tay của cô dâu.

VÒNG ĐỒNG

Hura crepitans L.

Sandbox tree

Sablier, sablier élastique

Họ Thần dầu (Euphorbiaceae)

Hoa cái thoái hoá thành nhụy trần với một đầu vòi nhụy mỏng màu hồng nhạt. Nhiều hoa đực hình nón mọc thành chùm nằm ngay bên cạnh hoa cái. Quả lúc chín sẽ nổ tung thành nhiều mảnh, mỗi mảnh mang 1 hạt.



VÔNG NEM

Erythrina indica Lam. , *E. variegata* L.

Erythrina

Érythrine

Họ Đậu (Fabaceae)



Còn gọi là *vông hoa đỏ*.
Cây gỗ, thân có gai
ngắn. Hoa đỏ tươi, hợp
thành chùm dày đặc. Ra hoa
vào mùa xuân. Mọc hoang.

VÒNG VÀNG

Abelmoschus moschatus (L.) Medic, *hibiscus abelmoschus* L.
 Musk mallow, ambrette
 Ketmie musquée
 Họ Bông (Malvaceae)

Còn gọi là *búp vàng*, *búp vàng*. Cây thảo sống hằng năm. Hoa to, mọc đơn độc trên một cọng mang hoa dài ở nách lá bắc. 5 cánh hoa vện màu vàng nghệ có tâm màu nâu. Thường mọc hoang ven đường, đất gò, ruộng,...



VÌ HOA TRÒN

Anthurium andreanum Lindl.

Anthurium

Anthurie

Họ Ráy (*Araceae*)

Cây bụi sống lâu năm. Buồng màu vàng
đứng, kết thành một trụ dài. Mo là một
phiến hình tim nở rộng, màu đỏ thắm.
Có nguồn gốc từ Cô-lôm-bi-a, châu Mỹ nhiệt đới.
Được trồng làm cảnh vì cụm hoa và mo có hình
dạng và màu đặc sắc.



XẠ CÚC

*Centaurea communis L.**Corn-flower**Centaurée**Họ Cúc (Asteraceae)*

Còn gọi là *cây nhân mã*. Gồm nhiều giống có hoa đẹp, nhiều màu như tím phớt hồng, vàng rực rỡ (xạ cúc vàng), hương thơm ngát (xạ cúc hoàng hậu hình ống, với xạ cúc đen, xạ cúc gai),... Hoa đẹp, trồng trong chậu cảnh.



XẠ CÚC LAM*Centaurea cyanus L.**Blue-bottle**Bleuet, bluet, centaurée, barbeau**Họ Cúc (Asteraceae)*

Cây phân nhiều cành, nhánh, cao 80cm. Hoa màu xanh lam, nở trên cuống dài. Do lai tạo, đã cho nhiều giống có hoa màu hồng, trắng, đỏ... Gieo hạt vào tháng 4 - 5. Mọc khắp nơi, không cần chăm sóc, trên nhiều loại đất khác nhau.



Melia azedarach L.
China tree, margose
Lilas du Japon, margousier
Họ Xoan (Meliaceae)



Còn gọi là *xoan ta*, *sầu đâu*, *sầu đông*, loài cây gỗ trung bình, cao 15 - 20m, rụng lá vào mùa đông. Hoa màu tím nhạt, có mùi hắc đặc biệt. Ra hoa vào tháng 3. Hoa là nguồn phấn cho ong mật. Xoan có nguồn gốc ở vùng lân cận Tây Á, di cư lan rộng đến nhiều nước châu Á như Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản. Ở nước ta, xoan mọc tự nhiên trên nương rẫy, ở những vùng đất ẩm, mát.

XÔN ĐỎ

Salvia splendens Ker. - *Gawl.* ; *S. colorans* Hort. ; *S. brasiliensis* Spreng

Scarlet sage

Sauge écarlate ; sauge de montagne

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Còn gọi là sô đỏ, xác pháo núi, hoa diến. Cây mọc thành bụi sống nhiều năm cao khoảng 1m. Cụm hoa đứng ở ngọn cao đến 20cm mang hoa dày đặc màu như nhung đỏ. Đài hợp thành ống rộng có 3 răng, màu đỏ. Cánh tràng hợp thành ống dài thẳng hay hơi cong rũ xuống và chia 2 môi không đều. Nhị thò ra ngoài. Có nguồn gốc Bra-xin, hiện trồng làm cảnh ở Hà Nội, Đà Lạt. Cây dễ trồng, chịu nắng và khí hậu ẩm mát ; càng đủ ánh sáng, màu sắc của hoa càng rực rỡ. Hiện xác pháo có nhiều chủng có màu sắc hoa khác nhau, nhiều nhất là 2 chủng xông trắng và xông tím đậm.



XÔN XANH*Salvia glutinosa**Blue sage**Sauge bleue**Họ Hoa môi (Lamiaceae)*

Còn gọi là *hoa diễm, sô xanh*. Hình dạng giống *xôn đỏ*, riêng hoa có màu xanh nhạt.

XƯƠNG RẮN

Euphorbia milii Ch. des Moulins

Chinese cactus, crown- of- thorns

Euphorbe epineuse

Họ Thần dầu (Euphorbiaceae)



Còn gọi là *xương rồng tàu, bát tiên*. Cây bụi, có nhựa trắng. Cụm hoa mọc trên cuống dài, 2 lá bắc to, tròn, màu sắc khác nhau, chủ yếu là màu lục nhạt, bọc lấy bao hoa. Tổng bao có hình chuông ; có 4 tuyến hình bầu dục. Ra hoa quanh năm. Cây có nguồn gốc từ đảo Ma-đa-ga-xca. Được trồng để làm cảnh. Các vườn cây cảnh du nhập các chủng với thân to hơn, mọc thẳng, hoa cho nhiều màu sắc khác nhau và gọi chung là *bát tiên*.

XƯƠNG RỒNG

Echinopsis torrecillasensis Card.

Cactus

Cactus

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Thân hình trụ, có thể cao đến 1m khi trưởng thành. Hoa dạng phễu giống loa kèn dài, có thể dài đến 20cm. Màu sắc của hoa thường trắng hay phớt hồng ở loài nở về đêm; hoa nở vào mùa khô có thể vàng hay đỏ ; bên ngoài hoa có nhiều lông và hoa có mùi thơm nồng.



XƯƠNG RỒNG BÀ

Opuntia dillenii Haw.

Opuntia

Opuntia, Cactus à raquettes

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Còn gọi là *cây gai bàn chải*, *cây vọt gai*.

Cây nhỏ, cao đến 3m. Hoa vàng rồi đỏ đậm, to, đường kính tới 4 - 5cm. Thường mọc ở vùng cát ven biển và được trồng làm hàng rào.



.....XƯƠNG RỒNG DÂU TÂY CÓ GAI

Echinocereus procumbens Engelman

Strawberry-cactus

Cactus-groseille

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Thân hình trụ ngắn, có nhánh bên và nhiều hoa. Hoa lớn thường xuất hiện từ các cạnh của cây. Hoa giống 1 ống nhỏ có gai và màu sắc sặc sỡ.

Nhuỵ vươn lên cao và các thùy thấy rõ ở trung tâm của hoa.

Trái mập và có gai, khi chín có mùi thơm gần giống mùi dâu tây.

Nguồn gốc ở vùng tây Nam Mỹ ; Bắc và Tây Mê-xi-cô. Phần lớn các loài mọc và trồng đều dễ dàng và cho hoa rất nhiều mỗi năm.

Cây mọc từ hạt; hầu hết có thể giâm cành.

Chúng phát triển tốt từ mùa xuân đến mùa thu nhưng trong mùa đông nếu giữ cho cây khô, các loài có thể chịu đựng nhiệt độ gần độ không.



XƯƠNG RỒNG GAI

Echinocactus hoaronthalonius Link. & Otto

Spiny cactus

Cactus épineux

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây còn non có dạng hình cầu, khi trưởng thành có dạng hình trụ dài và có thể cao đến 2m. Trung tâm thân có nhiều len mịn có màu thay đổi từ trắng ngà đến vàng. Hoa mọc từ giữa trung tâm khối len ; hoa có màu vàng, hồng đến tím. Hoa hình ống và ống hoa mềm như len, đường kính hoa khoảng 6,25cm. Hoa thường nở lớn.



XUONG RỒNG KHẾ*Cereus peruvianus* Haw.*Peruvian cactus**Cactus du Pérou**Họ Xương rồng (Cactaceae)*

Cây to có thân phân nhánh. Hoa mọc đơn độc trên các sườn lồi dọc của thân. Nhị rất nhiều, làm thành ống ở gốc.

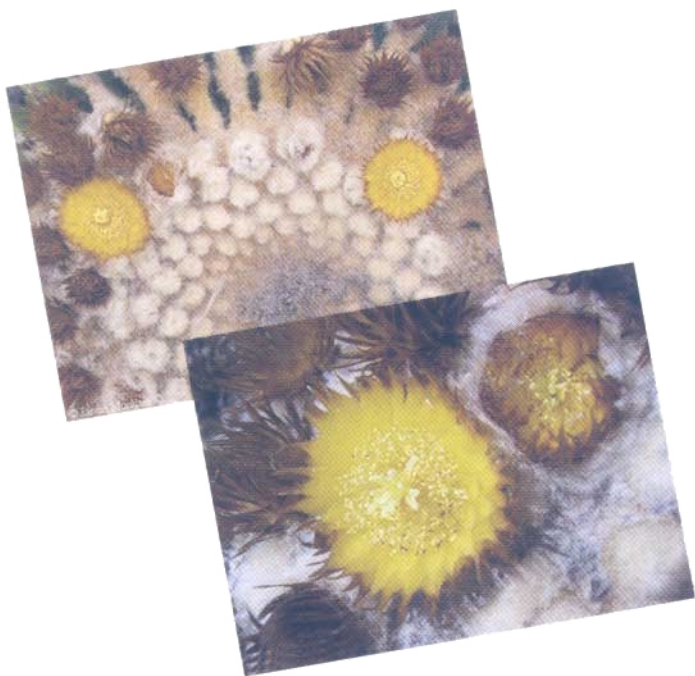
XƯƠNG RỒNG KIM HỒ

Echinocactus grusonii Hildm

Velvet cactus

Cactus duveteux

Họ Xương rồng (Cactaceae)



Thân hình cầu và hơi kéo dài khi trưởng thành. Tất cả các gai màu vàng, thẳng và mảnh. Hoa mọc từ đỉnh thân, dạng chuông, cao 4 - 6cm, rộng 5cm. Cánh hoa màu vàng bạc óng ánh với đỉnh cánh màu vàng thẫm. Cây có nguồn gốc từ Mê-hi-cô. Được trồng để làm cảnh.

XƯƠNG RỒNG MẬP

Aylostera muscula (Ritt & Thiels) Backbg.

Robust cactus

Cactus robuste

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Thân nhỏ, hình cầu và mềm. Hoa dựng đứng trên một ống hoa mảnh, đẹp và thơm; màu sắc quyến rũ, từ màu hồng sáng hay đỏ tươi kể cả khi hoa còn non. Xuất xứ từ Nam Bồ-li-vi-a và Bắc Ac-hen-ti-na.



XƯƠNG RỒNG SÙNG SƠN DƯƠNG

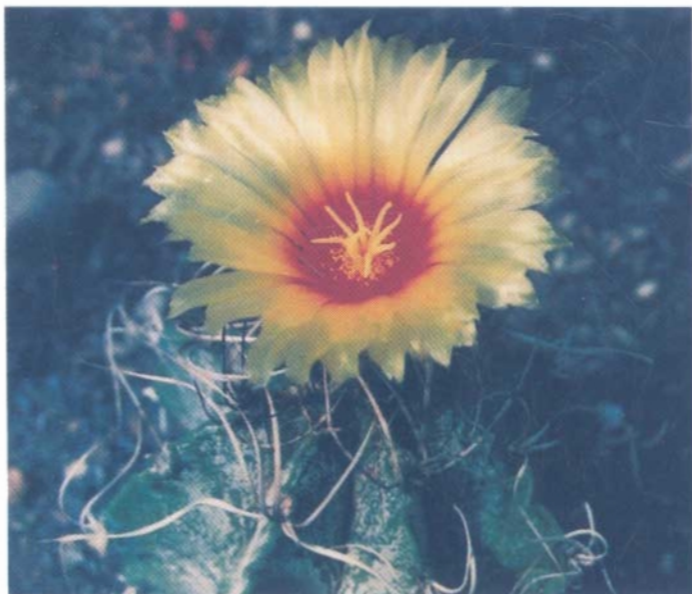
Astrophytum capricornis L.

Capricorn cactus

Cactus - Capricorne

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây con hình cầu, có thể dài ra theo tuổi của cây. Gai dài, mềm. Hoa màu vàng to ; hình dạng và màu sắc hoa rất thay đổi ; đôi khi ở tâm hoa có màu đỏ. Hoa nở rộ từ giữa đến cuối hè từ các chồi trên đỉnh thân. Thường cây từ 3 - 5 tuổi mới cho hoa nhưng với các cây ghép thì sẽ cho hoa sớm hơn. Là loài xương rồng được biết nhiều nhất, có nguồn gốc từ Téch-dát và Đông Mê-hi-cô. Thích hợp với mưa nhiều, đất thô và trung tính, ít kiềm. Hoa càng tươi màu và quyến rũ trong mùa nắng.



XƯƠNG RỒNG TÍA

Buiningia purpurea. Buin. & Bred

Purple cactus

Cactus pourpre

Họ Xương rồng (Cactaceae)



Thân hình trụ, có thể cao đến 1m. Hoa dạng ống màu đỏ thẫm, ống dài 2,5cm. Hoa thường nở về đêm nhưng khi thời tiết lạnh hoa vẫn nở ban ngày. Thời gian ra hoa từ mùa xuân đến mùa thu nhưng khi thời tiết ấm thì ra hoa cả năm. Có nguồn gốc từ Bra-xin.

XƯƠNG RỒNG TRỤ LÙN

Buiningia brevicylindrica Buin.

Cylindrical dwarf cactus

Cactus cylindrique nain

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Thân non màu lục tươi, hình cầu khi còn non nhưng sau 1 năm tuổi thì dài thành hình trụ. Hoa có ống dài hơn 2,5cm có màu lục non tái ; vùng ra hoa hình thành trên gờ gần đỉnh thân. Có nguồn gốc từ Bra-xin, mọc giữa các kẽ đá có một ít đất mùn. Cây mọc dễ từ hạt và tăng trưởng nhanh chóng nhưng thường 4 - 5 tuổi mới ra hoa. Thời gian ra hoa từ mùa xuân đến mùa thu, nhưng nếu thời tiết ấm áp cây sẽ cho hoa quanh năm.





TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Võ Văn Chi (Chủ biên), Trần Hợp – **Cây cỏ có ích ở Việt Nam (Tập 1)** – Nhà xuất bản Giáo dục 1999.
- Lê Khả Kế (Chủ biên), Võ Văn Chi, Vũ Văn Chuyên, Phan Nguyên Hồng, Đỗ Tất Lợi, Thái Văn Trưng – **Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam (Tập 1, 2, 3, 4, 5, 6)** – Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1971.
- Hoàng Thị Sản – **Phân loại học thực vật** – Nhà xuất bản Giáo dục, 2003.
- Hoàng Thị Sản (Chủ biên), Hoàng Thị Bé – **Thực hành phân loại thực vật** – Nhà xuất bản Giáo dục, 2003.
- Nguyễn Quang Vinh (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Sản (Chủ biên), Nguyễn Phương Nga, Trịnh Thị Bích Ngọc – **Sinh học 6** – Nhà xuất bản Giáo dục, 2003.
- Bộ Khoa học công nghệ và môi trường – **Sách đỏ Việt Nam, phần thực vật** – Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1996.
- David Burnie – **Les secrets de l'arbre** – Gallimard, 1988.
- Thiên Ân – **Những phương pháp trồng lan** – Nhà xuất bản Phụ nữ, 1999.
- Nguyễn Hữu Thắng, Nguyễn Quý Chiến (Biên dịch) – **Bộ sách 10 vạn câu hỏi vì sao** – Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2001.



A

A-ga-băng	5	Bằng lăng nước	25
Ấc-ti-sô	6	Bầu	26
Anh đào	7	Bèo Nhật Bản	27
Anh thảo	8	Bí đao	28
Anh túc hồng	9	Bí ngô	29
Anh túc phương Đông	10	Biển hoa sông Hằng	30
Ánh hồng	11	Bìm bìm	31

B

Bạch chỉ	12	Bồ công anh hoa tím	34
Bạch đàn nhựa hoa đỏ	13	Bồ công anh Trung Quốc	35
Bạch hoa xà	14	Bông	36
Bạch huệ	15	Bông tai	37
Bạch phiến	16	Bông vàng	38
Ban	17	Bông vàng lá hẹp	39
Ban đỏ	18	Bưởi	40
Ban hồng	19	Bướm bạc	41
Ban tía	20	Bướm bạc Phi-líp-pin	42
Ban trắng	21	Bướm bạc lá đài đỏ	43
Bàn tự cảnh	22	Bướm hồng	44
Báo xuân	23		
Bằng lăng nhiều hoa	24		

C

Cà	45
Cà chua	46

Cà độc dược	47	Chân bê	71
Cà độc dược cảnh	48	Chân chim	72
Cà rốt	49	Chè	73
Cải bắp	50	Chua me đất	74
Cải bẹ	51	Chua me đất lá tím	75
Cải củ	52	Chuối	76
Cải cúc	53	Chuối hoa	77
Cải thìa	54	Chuối hoa lai	78
Cải xanh	55	Chuối hoa Nam Mỹ	79
Cam	56	Chuối tràng pháo	80
Càng cua	57	Cọ	81
Cát lỏi	58	Cúc áo	82
Cau	59	Cúc bách nhật	83
Cau trắng	60	Cúc bất tử	84
Cẩm chương nhung	61	Cúc cánh mối	85
Cẩm chương tàu	62	Cúc cánh vàng	86
Cẩm chương thơm	63	Cúc chuẩn chuẩn	87
Cẩm tú cầu	64	Cúc chuẩn chuẩn hoa vàng	88
Cần tây	65	Cúc chùy	89
Cây hoa mật	66	Cúc hoa trắng	90
Cây hoa phấn	67	Cúc hoa vàng	91
Cây hoa tai	68	Cúc hội tim	92
Cây hoa xanh	69	Cúc kim tiền	93
Chanh	70	Cúc mốc	94

Cúc nghệ lá thon	95	Dầu lai lá đơn	116
Cúc nghệ nâu	96	Dây bông cảnh	117
Cúc phát trần	97	Dây bông lá trúc đào	118
Cúc tím	98	Dây bông xanh	119
Cúc trắng lớn	99	Dây ông lão	120
Cúc vạn thọ cao	100	Dây ông lão Ấn Độ	121
Cúc vạn thọ lá nhỏ	101	Dây ông lão hoa gié	122
Cúc vạn thọ lùn	102	Dây ông lão hoa hồng	123
Cúc yên bạch	103		

D

Dạ hợp	104	Diệp cá	125
Dạ hương	105	Diệp long	126
Dạ yến thảo	106	Dong riềng	127
Dành dành	107	Dừa chuột	128
Dâm bụt	108	Dừa cạn	129
Dâm bụt cánh xẻ	109	Dừa lười kiếm	130
Dâm bụt gai	110	Dừa rần	131
Dâm bụt Ha-oai	111		

Dâm bụt kép	112		
Dâm bụt sa mạc	113		
Dâu tây	114		
Dầu lai có củ	115		

Đ

Đại	132
Đại hoa đỏ	133
Đại lá tù	134
Đào	135
Đào tiên	136
Đầu lân	137

Đậu bắp	138
Đậu bướm	139
Đậu lupin lá rộng	140
Đậu mèo	141
Đậu thơm	142
Đỗ quyền	143
Đỗ quyền Ấn Độ	144
Đỗ quyền hồng	145
Đỗ quyền vàng	146
Đồng tiền	147
Đơn bướm	148
Đơn đỏ	149
Đơn đỏ hoa to	150
Đơn hồng	151
Đơn trắng	152
Đơn vàng	153
Đu đủ	154
Đuôi công	155
Đuôi diều	156
Đuôi diều hai màu	157
Đuôi diều hoa vàng	158
Đuôi diều phi	159
Đuôi diều tím	160

G

Gạo	161
Giáng hương đen	162
Giẻ	163
Giẻ Nam Bộ	164
Gối hạc tía	165
Gừng	166
Gừng đỏ	167
Gừng vàng	168

H

Hài nhĩ cúc	169
Hải đường	170
Hành ta	171
Hoa bia	172
Hoa bướm	173
Hoa chông	174
Hoa chông vàng	175
Hoa chuông đỏ	176
Hoa đá	177
Hoa giấy	178
Hoa giấy đỏ	179
Hoa giấy tím	180
Hoa hiên	181

Hoa hồng	182	Hoàng lan	206
Hoa hồng bạch	183	Hoàng liên	207
Hoa hồng nhung	184	Hoàng thảo hồng	208
Hoa hồng vàng	185	Hoàng thảo long nhãn	209
Hoa kèn	186	Hoàng thảo mỡ gà	210
Hoa kèn thơm	187	Hoàng thảo thủy tiên	211
Hoa lốc	188	Hồng hoa	212
Hoa môm sói	189	Hồng leo	213
Hoa mộc	190	Hồng môn	214
Hoa mười giờ	191	Huệ	215
Hoa san hô	192	Huệ chùm hai màu	216
Hoa sao	193	Huệ chuông	217
Hoa sao khác lá	194	Huệ xạ	218
Hoa sói	195	Hương dương	219
Hoa ti ngọ	196	Huyết hoa	220
Hoa tím	197		
Hoa tím rừng	198		
Hoa tím thường xanh	199		
Hoa tím vàng	200		
Hoa tứ thời	201		
Hoa vị kim	202		
Hoa xuân	203		
Hoa xuân nhật	204		
Hoà hoàng	205		
		K	
		Kẻ hoa vàng	221
		Khế	222
		Khoai nửa hoa khổng lồ	223
		Khoai tây	224
		Kim anh	225
		Kim đồng	226
		Kim ngân	227

Kim ngân cảnh	228
Kim phượng	229

L

Lạc tiên	230
Lan bộ cặp	231
Lan cát-lay-a	232
Lan đuôi cáo	233
Lan hồ điệp	234
Lan huệ	235
Lan huệ mạng	236
Lan huệ mạng lá sọc	237
Lan phượng vĩ	238
Lan thoát bào	239
Lan vũ nữ	240
Lan ý	241
Lay ơn	242
Lay ơn cấp lại	243
Lê	244
Liễu đỏ	245
Liễu tường hoa đỏ	246
Loa kèn đỏ	247
Loa kèn đỏ nhện	248
Loa kèn trắng	249

Long đởm xanh tím	250
Long thủ	251
Long thủ trắng	252
Long thủ vàng	253
Lô hội	254
Lộc vừng	255
Lưỡi rắn vàng	256
Lưu li	257
Lựu	258
Lý chua	259

M

Mạch môn	260
Mai	261
Mai chiếu thủy	262
Mai địa thảo	263
Mai tứ quý	264
Mai vàng	265
Màn màn cảnh	266
Mao địa hoàng	267
Mao lương	268
Mao lương đồng nội	269
Mao lương hoa vàng	270
Mào gà	271

Mào gà đỏ	272	Muống hoàng yến	296
Mào gà trắng	273	Muống ngủ	297
Mào gà tua	274	Muống nhiều đôi lá	298
Măng bần tay	275	Mướp	299
Măng tây leo	276	Mướp sát	300
Mận	277	Mỹ ê	301
Mẫu đơn	278		
Mi-mô-da	279	N	
Móng cạp xanh	280	Náng hoa đỏ	302
Móng rồng	281	Náng hoa đỏ nhện	303
Mỏ két	282	Náng hoa trắng	304
Mò	283	Ngâu	305
Mò lộng lẫy	284	Nghệ	306
Mộc lan	285	Nghệ tây	307
Mộc lan hoa hình sao	286	Ngọc bút	308
Mộc lan hoa huệ	287	Ngọc lan trắng	309
Mộc lan tia	288	Ngọc lan vàng	310
Mơ	289	Ngọc trầm	311
Mua	290	Ngũ sắc	312
Mua đồng	291	Nguyệt quế	313
Mua hoa trắng	292	Nguyệt quý	314
Mua hồng đào	293	Nhài	315
Mua leo	294	Nhài sổng	316
Mùi	295	Nhài tàu	317

Nhất điểm hồng 318

Nhật quỳnh 319

Nong tầm 320

Ô

Ô môi 321

Ô rô 322

Ồi 323

P

Phi điệp 324

Phi yến 325

Phủ dung 326

Phượng vĩ 327

Phượng vĩ tím 328

Q

Quất 329

Quế lan hương 330

Quỳnh 331

Quỳnh hoa đỏ 332

Quýt 333

R

Rạng đông 334

Rau mác 335

Rau muống 336

Rau muống biển 337

Rau sam 338

Ráy cảnh 339

Ráy mĩ 340

Râu mèo 341

Rẻ quạt 342

Riềng 343

Riềng hoa hồng 344

Rồng nhả ngọc 345

S

Sài đất 346

Sao bet-lê-hem 347

Sao nhái đỏ 348

Sao nhái hồng 349

Sao trắng 350

Sắn 351

Sắn dây 352

Sâm bố chính 353

Sâm đại hành 354

Sen cạn 355

Sen hồng 356

Sen sè	357	Thạch thiên thảo	379
Sen trắng	358	Thần mát	380
Sim	359	Thanh cúc	381
So đo bông vàng	360	Thanh điệp	382
So đo tím	361	Thanh hoàng	383
Sở	362	Thanh long	384
Su su	363	Thấu dầu	385
Sùng củ	364	Thìa là	386
Sùng đỏ	365	Thiên diêu	387
Sùng hoa bốn góc	366	Thiên lí	388
Sùng sen	367	Thiết mộc lan	389
Sùng tím	368	Thông thiên	390
Sùng trắng	369	Thu hải đường	391
Sùng vàng	370	Thu hải đường đá	392
Sứ Thái Lan	371	Thù du	393
Sử quân tử	372	Thục quỳ	394
Sữa	373	Thuốc bỏng	395
Sùng trâu	374	Thuốc lá	396

T

Táo ta	375	Thủy tiên	397
Táo tây	376	Thủy tiên vàng	398
Tầm bóp	377	Thược dược	399
Thạch thảo	378	Ti-gôn	400
		Tóc tiên dây	401
		Tóc tiên hoa hồng	402

Tóc tiên hoa to	403
Tóc tiên hoa trắng	404
Tóc tiên hoa vàng	405
Tra làm chiếu	406
Trà mi đỏ	407
Trà mi trắng	408
Trà mi vàng	409
Trạch tả	410
Trạch tả nước	411
Tràm	412
Trang tây	413
Trạng nguyên	414
Trinh nữ	415
Trúc đào	416
Trường sinh	417
Tuy líp	418
Tường liên	419
Tường vi	420

V

Vạn niên thanh	421
Văn anh	422
Vân hải	423
Vân môn	424

Vông đồng	425
Vông nem	426
Vông vàng	427
Vĩ hoa tròn	428

X

Xạ cúc	429
Xạ cúc lam	430
Xoan	431
Xôn đỏ	432
Xôn xanh	433
Xương rắn	434
Xương rồng	435
Xương rồng bà	436
Xương rồng dâu tây có gai	437
Xương rồng gai	438
Xương rồng khế	439
Xương rồng kim hổ	440
Xương rồng mập	441
Xương rồng sừng sơn dương	442
Xương rồng tia	443
Xương rồng trụ lùn	444

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:
Giám đốc NXBGD tại Hà Nội PHAN KẾ THÁI

Biên tập nội dung :
CAO HOÀ BÌNH

Biên tập mỹ thuật :
TẠ THANH TÙNG

Trình bày bìa và thiết kế sách :
NGUYỄN THANH LONG

Sửa bản in :
LÊ NHƯ HÀ

Chế bản tại :
BAN BIÊN TẬP - THIẾT KẾ MỸ THUẬT (NXB Giáo dục)

TỪ ĐIỂN TRANH về **CÁC LOÀI HOA**

Mã số: 8U102t8 - CPH

In 5.000 cuốn, khổ 11 x 18 cm, tại Trung tâm Mỹ thuật ứng dụng-
Trường ĐH Mỹ thuật Tp.HCM, số 5 Phan Đăng Lưu - P.3 - Q. Bình Thạnh
Số xuất bản: 09-2008/CXB/347-2046/GD. Số in: 29/08/CPS.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 09 năm 2008.

<http://tieulun.hopto.org>



TỪ ĐIỂN TRANH về CÁC LOÀI HOA



LÊ QUANG LONG (Chủ biên)

TỪ ĐIỂN TRANH về CÁC LOÀI HOA

